

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019



TRÁCH NHIỆM

CHỦ ĐỘNG

SÁNG TẠO



MỤC LỤC

I. THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	6
II. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	12
Tầm nhìn sứ mệnh	12
Giá trị cốt lõi	12
Mục tiêu	12
Chiến lược phát triển	13
III. GIỚI THIỆU CHUNG	18
Thông tin khái quát	18
Ngành nghề kinh doanh	20
Địa bàn kinh doanh	22
Quá trình hình thành và phát triển	24
Mô hình tổ chức	26
Ban lãnh đạo Vietnam Airlines	28
Cơ cấu cổ đông	38
Sự kiện tiêu biểu trong năm 2019	40
Danh hiệu, giải thưởng đạt được trong năm 2019	42
IV. TỔNG QUAN VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH	46
Các chỉ tiêu khai thác cơ bản	46
Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	49
V. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	52
Về các mặt hoạt động của Vietnam Airlines	52
Về hoạt động của Ban Giám đốc	55
Về định hướng hoạt động năm 2020	56
VI. BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD CỦA BAN GIÁM ĐỐC	58
Môi trường kinh doanh	58
Kết quả hoạt động trên các lĩnh vực	60
<i>Mạng đường bay</i>	60
<i>Đội máy bay</i>	66
<i>Lĩnh vực khai thác bay</i>	67
<i>Lĩnh vực thương mại</i>	68
<i>Lĩnh vực dịch vụ</i>	75
<i>Lĩnh vực kỹ thuật</i>	79
<i>An toàn – An ninh</i>	81
<i>Quản trị nguồn nhân lực</i>	82
<i>Truyền thông, phát triển thương hiệu</i>	86
<i>Công nghệ thông tin</i>	90
<i>Các chương trình hợp tác</i>	91
Tình hình đầu tư	94
Tình hình tài chính	99
Những cải tiến mới về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	103
VII. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI	106
Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	108
Công tác an sinh xã hội	109
Chế độ phúc lợi cho người lao động	112
VIII. QUẢN TRỊ CÔNG TY	114
Cấu trúc quản trị công ty	114
Thông tin và hoạt động của Hội đồng quản trị	116
Hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị	116
Báo cáo của Ban Kiểm soát	117
Hoạt động của người phụ trách quản trị - Thư ký Tổng công ty	119
Quan hệ Nhà đầu tư	119
IX. QUẢN TRỊ RỦI RO	122
X. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN	126







DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

AFTK	Available Freight Tonne Kilometers (Tài cung ứng luân chuyển)
ASK	Available Seat Kilometers (Ghế luân chuyển)
BCTC	Báo cáo tài chính
BH	Block Hour (Giờ bay)
BKS	Ban Kiểm soát
CBNV	Cán bộ nhân viên
CBTT	Công bố thông tin
CNTT	Công nghệ thông tin
CTCP	Công ty Cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
FSC	Full Service Carrier (Hãng hàng không truyền thống)
HDQT	Hội đồng quản trị
HĐTV	Hội đồng thành viên
Hợp nhất	Vietnam Airlines và các công ty con, công ty liên kết
JPA	CTCP Hàng không Jetstar Pacific Airlines
K6	Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air
LCC	Low Cost Carrier (Hãng hàng không giá rẻ)
LNST	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
OTP	On Time Performance (Chỉ số đúng giờ)
RFTK	Revenue Freight Tonne Kilometers (Hàng hóa luân chuyển)
RPK	Revenue Passenger Kilometers (Khách luân chuyển)
SLB	Sale and Lease Back (Bán và thuê lại máy bay)
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
VCSH	Vốn chủ sở hữu
Vietnam Airlines/VNA	Công ty mẹ (bao gồm VASCO)
VNA Group	Vietnam Airlines và JPA
VTHK	Vận tải hàng không
TP. HCM	Thành phố Hồ Chí Minh

I

THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM NGỌC MINH
Chủ tịch Hội đồng quản trị



DƯƠNG TRÍ THÀNH
Tổng Giám đốc

Thư Quý cổ đông, Quý khách hàng và đối tác,

Lời đầu tiên, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Vietnam Airlines xin chân thành cảm ơn Quý vị đã tin tưởng, sát cánh cùng chúng tôi trong một năm qua. Với sự đồng hành của Quý vị, Vietnam Airlines đã quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả dựa trên phương châm “Trách nhiệm - Chủ động - Sáng tạo”, đạt được những kết quả nổi bật cùng nhiều kỷ lục mới được xác lập trong năm 2019.

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh tiếp tục vượt kỷ lục với doanh thu đạt 100.316 tỷ đồng, tăng 1,4% so với cùng kỳ; lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 3.388,9 tỷ đồng, tăng 2,3% so với cùng kỳ. Trong đó, Công ty mẹ đạt 74.693,89 tỷ đồng doanh thu, tăng 2% so với cùng kỳ và 2.899,34 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng gần 20% so với cùng kỳ và vượt hơn 8,3% so với kế hoạch ĐHCĐ đề ra.

Hầu hết chỉ số tài chính của Vietnam Airlines cải thiện đáng kể, nâng cao khả năng tự chủ về vốn và khả năng an toàn tài chính. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn đầu tư của chủ sở hữu đạt trên 16%, trong khi Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu giảm còn 2,7 lần.

Bên cạnh hoàn thành các chỉ tiêu tài chính, hoạt động khai thác trên toàn mạng của VNA Group tiếp tục đạt hiệu quả tốt nhất từ trước đến nay với 186.000 chuyến bay, 29 triệu lượt hành khách được vận chuyển thành công. Vượt qua những khó khăn về cơ sở hạ tầng, nguồn lực và sự gia tăng trong hoạt động vùng trời, Vietnam Airlines đã đảm bảo tuyệt đối an toàn, an ninh hàng không, nâng cao chỉ số đúng giờ các chuyến bay đạt xấp xỉ 90%.

Năm 2019 đánh dấu bước chuyển mình của Vietnam Airlines với sự kiện cổ phiếu HVN chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE) và lần đầu tiên Vietnam Airlines lọt Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam do Forbes Việt Nam bình chọn. Nhờ cơ hội tiếp cận thêm nhiều nguồn vốn đầu tư mới, Vietnam Airlines đã đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh qua các dự án hợp tác trong nước và quốc tế, đầu tư phát triển đội bay, mạng bay và nâng cấp chất lượng dịch vụ.

Cùng với việc xây dựng quan hệ hợp tác mới với các tỉnh thành và đối tác lớn như Tổng Cục Du lịch, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), VinGroup, Sun Group..., Vietnam Airlines đã tăng cường hợp tác sâu rộng

trên trường quốc tế với các đối tác hàng đầu trong lĩnh vực hàng không như: Airbus với dự án phát triển nền tảng công nghệ dữ liệu mở Skywise; hợp tác về thương mại điện tử với Sabre; hợp tác bảo dưỡng động cơ máy bay với Pratt & Whitney... Đặc biệt, tháng 9/2019, Vietnam Airlines đã ra mắt công ty liên doanh bảo dưỡng thiết bị máy bay đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam với ST Engineering Aerospace - đơn vị sửa chữa, bảo dưỡng máy bay lớn nhất thế giới.

Với việc bổ sung 22 máy bay và 10 đường bay, đây là năm Vietnam Airlines tiếp nhận nhiều máy bay nhất trong lịch sử và mở nhiều đường bay nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Đội máy bay chính thức vượt mốc 100 chiếc sau khi tiếp nhận đủ 14 chiếc Airbus A350-900 XWB và đưa vào khai thác 3 máy bay thân rộng Boeing 787-10 Dreamliner. Cùng với đó là 100 đường bay phủ đến toàn bộ 23 sân bay tại Việt Nam và mạng đường bay quốc tế xuyên lục địa.

Định hướng trở thành hãng hàng không 5 sao, Vietnam Airlines tiếp tục đưa ra nhiều cải tiến mới về dịch vụ. Năm 2019 mang dấu ấn mạnh mẽ của sự tiên phong trong việc tích hợp công nghệ số hiện đại: từ ra mắt ứng dụng di động và dịch vụ làm thủ tục tự động, cho đến phổ cập hệ thống giải trí không dây trên toàn đội bay Airbus A321neo, ra mắt dịch vụ kết nối Internet trên máy bay Airbus A350 và ứng dụng hợp tác Vietnam Airlines - FPT Play.



CHÚNG TA ĐANG BƯỚC VÀO THẬP KỶ CÁCH MẠNG CỦA HÀNG KHÔNG THẾ GIỚI MÀ Ở ĐÓ CHÂU Á SẼ THỐNG TRỊ HÀNG KHÔNG TOÀN CẦU. NĂM 2020 ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ LÀ MỘT NĂM RẤT ĐẶC BIỆT, CÓ NHIỀU CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ CHUYỂN BIẾN ĐỐI VỚI TOÀN THỊ TRƯỜNG.



Những bước tiến này là cơ sở quan trọng để Vietnam Airlines được các tổ chức quốc tế uy tín đánh giá cao với nhiều giải thưởng danh giá. Đây là năm thứ tư liên tiếp Tổ chức đánh giá hàng không Skytrax xếp hạng Vietnam Airlines là Hãng hàng không 4 sao. Tổ chức Giải thưởng Du lịch Quốc tế - World Travel Awards vinh danh Vietnam Airlines là Hãng hàng không hàng đầu thế giới về bản sắc văn hoá và Hãng hàng không hàng đầu thế giới về hạng Phổ thông đặc biệt. Với những nỗ lực ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, Vietnam Airlines là đơn vị duy nhất đón nhận giải thưởng Tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin xuất sắc từ Tổ chức Công nghiệp Điện toán châu Á - châu Đại Dương (ASOCIO).



Thưa Quý vị,

Theo Trung tâm Hàng không châu Á - Thái Bình Dương (CAPA), chúng ta đang bước vào thập kỷ cách mạng của hàng không thế giới mà ở đó châu Á sẽ giữ vai trò chủ đạo. Tuy nhiên, mở đầu của thập kỷ này lại là một năm đầy khó khăn với những thách thức lớn chưa từng có đối với thị trường hàng không.

Ngay từ đầu năm, đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng đến hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế toàn cầu. Dự báo nền kinh tế thế giới sẽ thiệt hại hàng nghìn tỷ USD, riêng ngành hàng không tổn thất hàng trăm tỷ USD. Theo Hiệp hội Hàng không Quốc tế (IATA), ngành hàng không toàn cầu dự kiến thiệt hại 314 tỷ USD, trong đó khu vực châu Á - Thái Bình Dương bị ảnh hưởng nặng nhất, chiếm hơn 113 tỷ USD.

Việc sụt giảm mạnh về nhu cầu đi lại và ảnh hưởng của các chính sách hạn chế nhập cảnh, đóng cửa biên giới khiến ngành hàng không gần như đình trệ, phần lớn đội máy bay phải tạm dừng khai thác. Những khó khăn trên đã tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các hãng hàng không, bao gồm cả Vietnam Airlines, đồng thời dự báo bức tranh kinh doanh năm 2020 của Tổng công ty cũng như toàn ngành sẽ biến động nhiều so với kế hoạch.

Vietnam Airlines đã chủ động triển khai nhiều giải pháp ứng phó cấp bách, trong đó tập trung điều chỉnh quy mô sản xuất kinh doanh; cắt giảm tối đa chi phí, đặc biệt là các chi phí cố định, chi phí đảm bảo hoạt động; tổ chức lại lao động và điều chỉnh chính sách tiền lương, thu nhập của người lao động; tranh thủ và tận dụng tối

đa sự hỗ trợ, chia sẻ từ Chính phủ và các đối tác để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, vượt qua khủng hoảng và chuẩn bị nguồn lực cho giai đoạn phục hồi, phát triển.

Trước bối cảnh các chuyến bay chở khách giảm, Vietnam Airlines đã đẩy mạnh vận tải hàng hóa để bù đắp doanh thu, đồng thời thực hiện sứ mệnh Hãng hàng không Quốc gia trong việc đảm bảo vai trò kết nối giao thương và đồng hành cùng đất nước trong giai đoạn dịch bệnh.

Đề cao vai trò của nguồn nhân lực đối với sự phát triển toàn diện của doanh nghiệp, Vietnam Airlines cũng đã tận dụng giai đoạn này để kiện toàn mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn; đảm bảo sử dụng nguồn nhân lực hiệu quả; đồng thời đào tạo, phát triển trình độ chuyên môn cho đội ngũ quản lý, cán bộ, nhân viên các cấp để hoạt động hiệu quả hơn sau khi thị trường khôi phục trở lại.

Thực tế đã chứng minh, mỗi lần gặp khó khăn thì Vietnam Airlines luôn vượt qua và tìm được cơ hội để thành công hơn. Với kinh

nghiệm 25 năm hoạt động và đi đầu trong ngành hàng không tại Việt Nam, chúng tôi tin rằng những thách thức trong năm 2020 là cơ hội để Tổng công ty đẩy nhanh các nội dung nền tảng mang tính chiến lược, chuẩn bị cho kế hoạch phát triển dài hạn trong tương lai.

Song song với việc từng bước khôi phục hoạt động từ nay đến năm 2022, Vietnam Airlines sẽ tiếp tục triển khai các kế hoạch phát triển đội máy bay tầm nhìn đến năm 2030, nâng cao chất lượng dịch vụ hướng tới trở thành Hãng hàng không 5 sao và ứng dụng công nghệ thông tin theo định hướng Hãng hàng không số (Digital Airline).

Với sự đồng thuận, quyết tâm và tin tưởng của Quý cổ đông, Quý khách hàng và các đối tác. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Vietnam Airlines phấn đấu mạnh mẽ vượt qua những thách thức trong năm 2020, tiếp tục nâng cánh đưa thương hiệu Vietnam Airlines vươn cao, vươn xa trên trường quốc tế và xứng danh Hãng hàng không Quốc gia - ngọn cờ đầu ngành của hàng không Việt Nam.



Phạm Ngọc Minh
Chủ tịch HĐQT



Dương Trí Thành
Tổng Giám đốc



 **Vietnam Airlines** 
SẢ CÁNH VƯƠN CAO



BẠN CÓ BIẾT VIETNAM AIRLINES ĐẠT CHỨNG NHẬN 4 SAO SKYTRAX LẦN THỨ 4 LIÊN TIẾP?

**THẾ GIỚI ĐANG THAY ĐỔI.
CÒN BẠN?**

Hãy trải nghiệm những dịch vụ đẳng cấp từ Vietnam Airlines, hãng hàng không không ngừng hoàn thiện vươn tới 5 sao.

#HànhTrìnhHoànThiện

ĐẶT VÉ NGAY > vietnamairlines.com

GỌI NGAY > **1900 1100**

LIKE NGAY > [fb/vietnamairlines](https://www.facebook.com/vietnamairlines)

ĐĂNG KÝ NGAY > **Hội viên LOTUSMILES**

II

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TÂM NHÌN SỨ MỆNH

- Giữ vững vị thế Tập đoàn hàng không số 1 tại Việt Nam.
- Vietnam Airlines trở thành hãng hàng không hàng đầu châu Á được khách hàng tin yêu lựa chọn, là Hãng hàng không Quốc gia, lực lượng vận tải chủ lực tại Việt Nam.
- Cung cấp dịch vụ đa dạng, chất lượng đáp ứng tốt nhất nhu cầu mọi khách hàng.
- Tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp, nhiều cơ hội phát triển thành đạt cho người lao động
- Kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo lợi ích bền vững cho cổ đông.

- An toàn là số 1, nền tảng cho mọi hoạt động.
- Khách hàng là trung tâm. Chúng tôi thấu hiểu sự phát triển của tổ chức đi cùng với sự tin yêu của khách hàng.
- Người lao động là tài sản quý giá nhất. Mọi chính sách đãi ngộ được xây dựng trên cơ sở công bằng và lợi ích xứng đáng để duy trì sự gắn kết và tạo sức mạnh đoàn kết trong tổ chức.
- Lấy sáng tạo là phương châm hoạt động, chúng tôi luôn đổi mới không ngừng trên mọi lĩnh vực với tư duy đột phá để đạt được thành công lớn.
- Tập đoàn hàng không có trách nhiệm. Chúng tôi ý thức rằng trách nhiệm xã hội là một phần trong hoạt động kinh doanh để đưa ra quyết định và hành động gắn liền với sự phát triển bền vững của xã hội.

MỤC TIÊU

- Đạt nhóm 3 Tập đoàn hàng không dẫn đầu về doanh thu khu vực Đông Nam Á.
- Vietnam Airlines đạt nhóm 10 hãng hàng không được ưa thích hàng đầu tại châu Á, nhóm 3 hãng hàng không có quy mô lớn nhất khu vực Đông Nam Á.
- Củng cố dịch vụ 4 sao và từng bước đưa Vietnam Airlines đạt tiêu chuẩn hãng hàng không 5 sao.
- Thực hiện các bước chuyển đổi công nghệ mạnh mẽ hướng tới là Tập đoàn hàng không chuyển đổi số toàn diện.
- Trở thành Tập đoàn hàng không được ưa thích hàng đầu tại thị trường lao động Việt Nam.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



Mạng đường bay

- Mạng các đường bay nội địa: Vietnam Airlines sẽ tiếp tục phát triển mạng đường bay từ Hà Nội – Đà Nẵng – TP. HCM; đồng thời phát triển các trung tâm căn cứ mới như Hải Phòng; tiếp tục phối hợp chặt chẽ sản phẩm với JPA, VASCO.
- Mạng đường bay quốc tế khu vực Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Nam Thái Bình Dương: Vietnam Airlines tiếp tục tăng tần suất để hoàn thiện 2 chuyến/ngày/đường bay, sử dụng máy bay thân rộng. Nghiên cứu mở thêm các đường bay mới từ miền Trung đến Đông

Bắc Á, xem xét mở đường bay Hà Nội – Melbourne, tìm kiếm cơ hội khai thác điểm đến mới Brisbane hoặc Perth.

- Mạng đường bay tiểu vùng Campuchia – Lào – Myanmar – Việt Nam (CLMV): Vietnam Airlines cần giữ vững vị thế cạnh tranh hiệu quả với cửa ngõ Bangkok (Thái Lan); phát triển thêm các sản phẩm nối các điểm du lịch miền Trung Việt Nam và Đông Dương... đồng thời phối hợp sản phẩm lịch bay với K6 để hỗ trợ hiệu quả cho Vietnam Airlines.
- Mạng đường bay tầm xa xuyên lục địa: là các đường bay có ý nghĩa chiến lược lâu dài, được nghiên cứu phát triển thận trọng và có chọn lọc thêm một vài điểm đến tại châu Âu cũng như xem xét mở đường bay đi/đến Mỹ tới Los Angeles hoặc San Francisco trên cơ sở đảm bảo hiệu quả khai thác toàn mạng của Vietnam Airlines.

Chiến lược phát triển đội bay

- Thân rộng: tiếp tục khai thác các đường bay châu Âu, Úc, Đông Bắc Á, cần nhắc khả năng khai thác đường bay Mỹ trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Thân hẹp: khai thác thị trường nội địa, các đường bay quốc tế có dung lượng thấp/ tầm bay ngắn (dưới 5 giờ bay).
- Phân lực khu vực hoặc máy bay turboprop cánh quạt:

duy trì các đường bay đang dùng ATR 72, khai thác một số thị trường ngách (đường bay ngắn, dung lượng nhỏ, sân bay có cơ sở hạ tầng hạn chế...), nghiên cứu loại máy bay mới để thay thế ATR 72.

Chiến lược đầu tư

Cùng với đầu tư phát triển đội bay, Vietnam Airlines tập trung đầu tư nâng cao năng lực khai thác, bảo dưỡng máy bay và hạ tầng công nghệ thông tin theo định hướng dành 50% nguồn vốn đầu tư cho đội máy bay và 50% cho các lĩnh vực còn lại.

Chiến lược về vốn

Sử dụng kết hợp nhiều nguồn vốn để đảm bảo huy động đủ nguồn lực tài chính cho nhu cầu đầu tư trên nguyên tắc duy trì Hệ số nợ phải trả/ VCSH ở mức an toàn và chi phí tài chính thấp. Để thực hiện được chiến lược này, Vietnam Airlines triển khai thực hiện các giải pháp sau: (i) Tăng VCSH qua việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ; Gia tăng thịnh dư vốn cổ phần và lợi nhuận từ kết quả kinh doanh; (ii) Huy động từ thị trường vốn qua vay thương mại, phát hành trái phiếu, vay tín dụng xuất khẩu (nếu đủ điều kiện); và (iii) Thực hiện cấu trúc Sale and Lease back.

ĐIỂM NHẤN 2019



50,1%

THỊ PHẦN
Dẫn đầu ngành
hàng không
Việt Nam

29

TRIỆU
Lượt khách

7.929,6

TỶ ĐỒNG
Nộp ngân sách
nhà nước

3.389

TỶ ĐỒNG
Lợi nhuận trước
thuế hợp nhất

100.316

TỶ ĐỒNG
Doanh thu hợp nhất

2.899

TỶ ĐỒNG
Lợi nhuận trước
thuế Công ty mẹ,
tăng trưởng 19,9%
so với 2018

 **Vietnam Airlines** 
SÀI CẢNH VƯỜN CAO



BẠN CÓ BIẾT

VIETNAM AIRLINES
ĐÃ ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ
KỸ THUẬT SỐ
CHO TOÀN BỘ
TRẢI NGHIỆM BAY

THẾ GIỚI ĐANG THAY ĐỔI.
CÒN BẠN?

Những chuyến bay mang theo công nghệ kỹ thuật số luôn tạo ra trải nghiệm tiện ích, và cả những bất ngờ hấp dẫn ngay khi bạn bắt đầu lựa chọn đồng hành cùng Vietnam Airlines.

#HànhTrìnhHoànThiện

ĐẶT VÉ NGAY > vietnamairlines.com

GỌI NGAY > **1900 1100**

LIKE NGAY > fb/vietnamairlines

ĐĂNG KÝ NGAY > **Hội viên LOTUSMILES**

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
- Tên tiếng Anh: Vietnam Airlines JSC
- Địa chỉ trụ sở chính: 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội
- Điện thoại: (+84.24) 3827 2732 | Fax: (+84.24) 3872 2375
- Website: www.vietnamairlines.com
- Email: nhadautu@vietnamairlines.com
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp CTCP mã số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 26/02/2019.
- Vốn điều lệ: 14.182.908.470.000 đồng
- Mã cổ phiếu: HVN. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 1.418.290.847 cổ phần (tính đến 31/12/2019)





NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Vận tải hành khách hàng không (vận chuyển hàng không đối với hành khách), vận tải hàng hóa hàng không (vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm, thư).

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không:

- Hoạt động hàng không chung (bay chụp ảnh địa hình, khảo sát địa chất, bay hiệu chuẩn các đài dẫn đường hàng không, sửa chữa bảo dưỡng đường điện cao thế, phục vụ dầu khí, trồng rừng, kiểm tra môi trường, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu y tế, bay phục vụ cho nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng).
- Dịch vụ chuyên ngành hàng không khác.
- Cung ứng dịch vụ thương mại, du lịch, khách sạn, bán hàng miễn thuế tại khu cách ly ở cửa khẩu quốc tế sân bay, trên máy bay và tại các tỉnh, thành phố.
- Cung ứng các dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay.



Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải: bảo dưỡng máy bay, động cơ, phụ tùng vật tư, thiết bị hàng không, thiết bị phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất và các thiết bị kỹ thuật khác.

Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất linh kiện, phụ tùng, vật tư máy bay, trang thiết bị kỹ thuật và các nội dung khác thuộc lĩnh vực công nghiệp hàng không; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật và vật tư phụ tùng cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài.

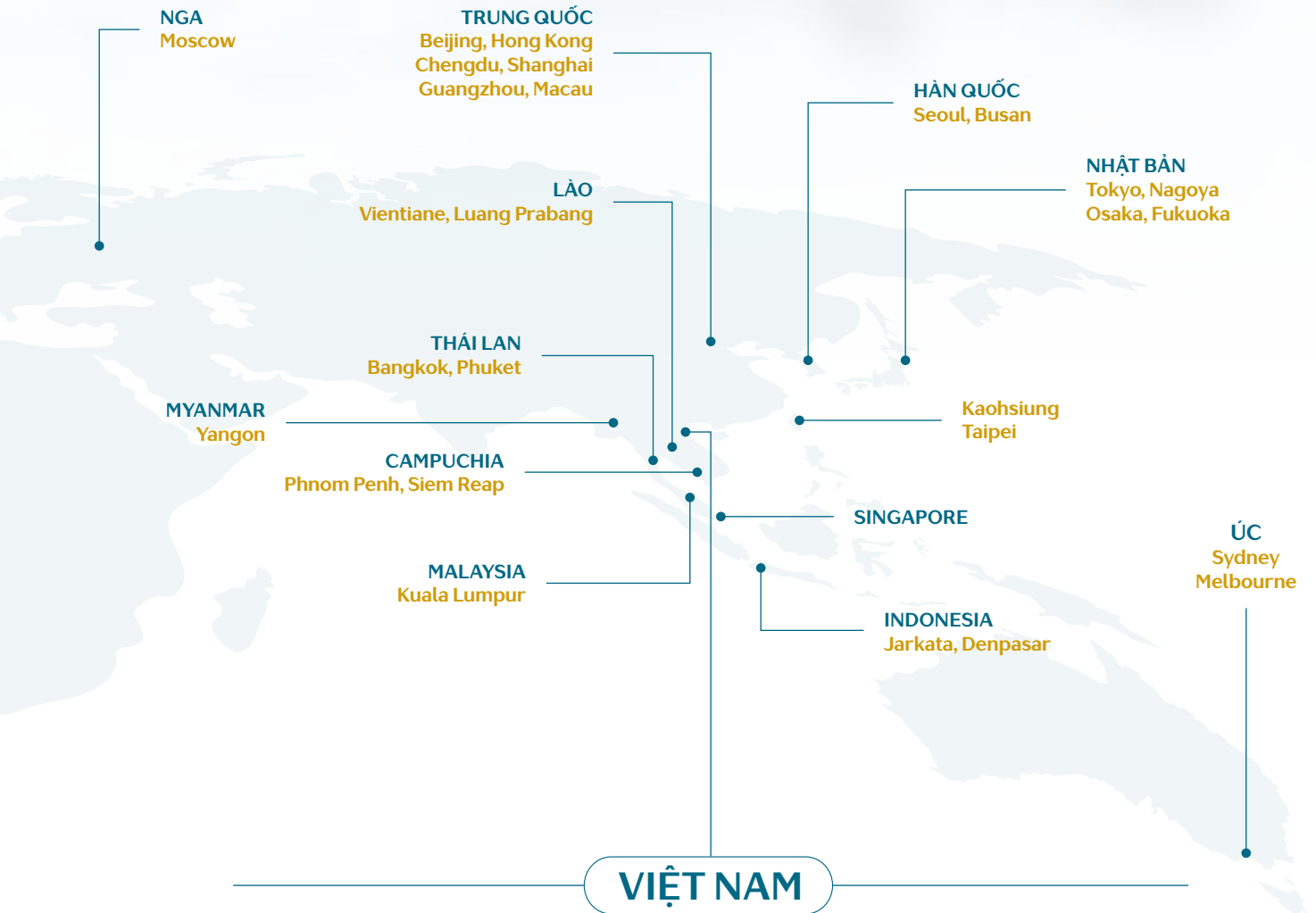


ĐỊA BÀN KINH DOANH

VIETNAM AIRLINES LÀ HÃNG HÀNG KHÔNG
CÓ MẠNG BAY LỚN NHẤT VIỆT NAM



Bên cạnh đó, Vietnam Airlines có mạng lưới kinh doanh bao phủ rộng khắp về địa lý tại các khu vực châu Âu, châu Á, châu Úc và Bắc Mỹ với 31 chi nhánh và văn phòng đại diện trên 20 quốc gia và vùng lãnh thổ, đáp ứng nhu cầu của khách hàng trên toàn thế giới.



Buôn Ma Thuột
Cà Mau
Cần Thơ
Cam Ranh
Côn Đảo

Chu Lai
Đà Lạt
Đà Nẵng
Điện Biên Phủ
Đồng Hới

Hà Nội
Hải Phòng
Huế
Pleiku

Phủ Quốc
Quy Nhơn
Rạch Giá
Thanh Hóa

Tuy Hòa
TP. Hồ Chí Minh
Vân Đồn
Vinh

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



1993

Thành lập Hãng hàng không quốc gia Việt Nam



2002

Giới thiệu biểu tượng mới - Bông Sen Vàng thể hiện sự phát triển của Vietnam Airlines để trở thành hãng hàng không có tầm cỡ và bản sắc trong khu vực và trên thế giới.

Khởi đầu cho chương trình định hướng toàn diện về chiến lược thương hiệu của Vietnam Airlines, kết hợp với những cải tiến vượt trội về chất lượng dịch vụ, mở rộng mạng đường bay và đặc biệt là nâng cấp đội máy bay



2006

Đạt chứng chỉ về an toàn khai thác của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) và chính thức gia nhập IATA

1995

Thành lập Tổng công ty Hàng không Việt Nam trên cơ sở liên kết 20 doanh nghiệp hoạt động kinh doanh dịch vụ hàng không, lấy Vietnam Airlines làm nòng cốt

2003

Tổ chức lại hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con theo Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 04/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ

VNA tiếp nhận đưa vào khai thác chiếc máy bay hiện đại với nhiều tính năng ưu việt Boeing 777 đầu tiên, đánh dấu khởi đầu chương trình hiện đại hóa đội bay của Hãng

2010

Chuyển thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm Chủ sở hữu Vietnam Airlines chính thức trở thành hãng hàng không đầu tiên của Đông Nam Á gia nhập Liên minh Hãng hàng không toàn cầu SkyTeam





2015

03/2015: VNA hợp ĐHCĐ lần đầu thông qua Điều lệ Công ty Cổ phần

04/2015: Chính thức hoạt động theo mô hình CTCP từ ngày 01/4/2015

07/2015: Tiếp nhận và đưa vào khai thác hai dòng máy bay hiện đại nhất thế giới là Airbus A350 và Boeing 787; trở thành hãng hàng không đầu tiên của Đông Nam Á và thứ 2 trên thế giới tiếp nhận máy bay thế hệ mới Airbus A350-900, đồng thời ra mắt hệ thống nhận diện thương hiệu mới

LOTUSMILES

2017

01/2017: Chính thức niêm yết cổ phiếu Vietnam Airlines trên thị trường chứng khoán, đăng ký giao dịch với mã chứng khoán HVN và trở thành công ty đại chúng có giá trị vốn hóa thuộc top đầu của thị trường

12/2017: Chào đón hành khách thứ 200 triệu sau 20 năm thành lập và đạt 1,5 triệu hội viên Bông Sen Vàng – LotusMiles

2019

05/2019: Chính thức niêm yết cổ phiếu HVN trên Sàn giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE) vào ngày 07/5/2019

07/2019: Nhận chứng chỉ Hãng hàng không 4 sao năm thứ 4 liên tiếp theo đánh giá của Skytrax

08/2019: Chính thức đón máy bay thân rộng (lớn nhất Việt Nam) Boeing 787-10 Dreamliner

10/2019: Chào đón máy bay thứ 100 trong đội máy bay của Vietnam Airlines

2014

09/2014: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Vietnam Airlines

11/2014: Chào bán thành công cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

2016

07/2016: Chính thức được Tổ chức đánh giá và xếp hạng hàng không Skytrax công nhận là Hãng hàng không 4 sao

07/2016: Tập đoàn hàng không lớn nhất Nhật Bản – ANA Holdings Inc chính thức trở thành cổ đông chiến lược, nắm giữ 8,7% vốn điều lệ của Tổng công ty

2018

07/2018: Nhận chứng chỉ Hãng hàng không 4 sao năm thứ 3 liên tiếp theo đánh giá của Skytrax

11/2018: Chính thức đón máy bay A321neo đầu tiên

Chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước từ Bộ GTVT sang Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp



MÔ HÌNH TỔ CHỨC



Thay đổi về cơ cấu tổ chức trong năm:
Hợp nhất các cơ quan chuyên môn giúp việc của Đảng và chính quyền theo Quyết định số 69/QĐ-TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng.



Sơ đồ cơ cấu tổ chức tính đến 31/12/2019

BAN LÃNH ĐẠO VIETNAM AIRLINES



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông PHẠM NGỌC MINH
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1960

Trình độ chuyên môn:
Tiến sỹ Kinh tế

Năm bắt đầu làm việc
tại Vietnam Airlines: 1981

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
Phó Chủ tịch HĐQT Hàng hàng không
Cambodia Angkor Air



Ông DƯƠNG TRÍ THÀNH

Thành viên Hội đồng quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Khoa học ngành Vận tải Hàng không
Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1991



Ông TẠ MẠNH HÙNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý kinh tế
Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 1996



Ông NGUYỄN XUÂN MINH

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính ứng dụng và Đầu
tu tại Úc; Thạc sỹ Kỹ thuật Dầu khí tại Liên Bang Nga

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2015

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Chứng khoán Kỹ
thuật (Techcom Securities - TCBS)
- Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Bất động sản
Techcom Việt Nam (FUCVREIT)
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Quản lý quỹ
VAM Việt Nam
- Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Vinafco (VFC)



Ông KOJI SHIBATA

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1957

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học
Nghiên cứu quốc tế Tokyo

Năm bắt đầu làm việc tại Vietnam Airlines: 2017

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:

Phó Tổng Giám đốc cao cấp, Giám đốc kế hoạch
chiến lược châu Á - Thái Bình Dương,
ANA Holdings Inc.

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông DƯƠNG TRÍ THÀNH

Thành viên Hội đồng quản trị
Kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Khoa học ngành
Vận tải Hàng không

Năm bắt đầu làm việc tại
Vietnam Airlines: 1991



Ông NGUYỄN THÁI TRUNG

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1960

Trình độ chuyên môn:

Lái máy bay

Năm bắt đầu làm việc tại
Vietnam Airlines: 1978



Ông NGUYỄN HỒNG LĨNH

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn:

Lái máy bay

Năm bắt đầu làm việc tại
Vietnam Airlines: 1984

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT CTCP
Đào tạo Bay Việt (VFT)



Ông TRỊNH HỒNG QUANG

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Năm bắt đầu làm việc tại
Vietnam Airlines: 1992

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT CTCP Hàng không
Jetstar Pacific Airlines (JPA)



Ông TRỊNH NGỌC THÀNH

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1964

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Năm bắt đầu làm việc tại
Vietnam Airlines: 1988

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
Chủ tịch HĐQT CTCP
Tin học Hàng không (AITS)



Ông LÊ HỒNG HÀ

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Năm bắt đầu làm việc tại
Vietnam Airlines: 1994

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV
Nhiên liệu hàng không (SKYPEC)



Ông ĐẶNG NGỌC HÒA

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Kỹ thuật ngành
Hàng không

Năm bắt đầu làm việc tại
Vietnam Airlines: 1995

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
Chủ tịch HĐQT Công ty
Dịch vụ mặt đất sân bay
Việt Nam (VIAGS)



Ông TRẦN THANH HIẾN

Kế toán trưởng kiêm

Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Năm bắt đầu làm việc tại
Vietnam Airlines: 1992

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
Chủ tịch HĐQT CTCP
Cho Thuê Máy Bay Việt Nam
(VALC)

BAN KIỂM SOÁT



Bà NGUYỄN THỊ THIÊN KIM

Trưởng Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1967
Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



Ông MAI HỮU THỌ

Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1962
Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



Ông LẠI HỮU PHƯỚC

Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1967
Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
Trưởng ban Kiểm tra nội bộ Ngân
hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ KIÊM THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY



Ông NGUYỄN XUÂN THỦY

Năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV
Kỹ thuật máy bay (VAECO)

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

(TÍNH ĐẾN 31/12/2019)

Danh sách các công ty con

STT	CÔNG TY CON	TÊN VIẾT TẮT	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ THỰC GÓP (TRIỆU VND)	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA (%)
1	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay	VAECO	Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy bay	1.093.117	100,00
2	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam	SKYPEC	202 Nguyễn Sơn, P. Bồ Đề Q. Long Biên, Hà Nội	Kinh doanh nhiên liệu hàng không	800.000	100,00
3	Công ty TNHH MTV Suất an Hàng không Việt Nam	VACS	Sân bay Tân Sơn Nhất, P.2, Q. Tân Bình, TP. HCM	Thực phẩm, cung cấp suất ăn cho các chuyến bay	85.448	100,00
4	Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam	VIAGS	49 Trường Sơn, P.2 Q. Tân Bình, TP. HCM	Dịch vụ mặt đất sân bay	250.000	100,00
5	Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines (JPA)	JPA	112 Hồng Hà, P.2 Q. Tân Bình, TP. HCM	Kinh doanh vận tải hàng không	3.522.081	68,85
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	NCTS	Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	Dịch vụ phục vụ hàng hóa chuyến bay	261.669	55,13
7	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất	TCS	46-48 Hậu Giang, P.4 Q. Tân Bình, TP. HCM	Dịch vụ phục vụ hàng hóa chuyến bay	93.726	55,00
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Giao nhận hàng hoá Tân Sơn Nhất	TECS	Số 6 Thăng Long, P.4 Q. Tân Bình, TP. HCM	Dịch vụ phục vụ vận tải hàng không	51.430	51,00
9	Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa VINAKO	VINAKO	49 Trường Sơn, P.2 Q. Tân Bình, TP. HCM	Dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải mặt đất, kho bãi	8.578	65,05
10	Công ty Cổ phần Suất an hàng không Nội Bài	NCS	Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	Cung cấp suất an hàng không và các dịch vụ liên quan	179.491	60,17
11	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài	NASCO	Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	83.158	51,00
12	Công ty Cổ phần Đào tạo Bay Việt	VFT	117 Hồng Hà, P.2 Q. Tân Bình, TP. HCM	Đào tạo phi công	66.000	51,52
13	Công ty Cổ phần Tin học viễn thông Hàng không	AITS	412 Nguyễn Văn Cừ, P. Bồ Đề, Q. Long Biên, Hà Nội	Dịch vụ Tin học viễn thông	58.032	52,73
14	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lao động Hàng không	ALSIMEXCO	Số 1 Ngõ 200/10 Nguyễn Sơn, P. Bồ Đề, Q. Long Biên, Hà Nội	Xuất nhập khẩu Lao động	10.000	51,00
15	Cty CP Sabre Việt Nam	SABRE VN	Tầng 5, Tòa nhà Đệ Nhất 53 Quang Trung, P. Nguyễn Du Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ liên quan đến phân phối hệ thống Sabre và hệ thống cuộc gọi	5.200	51,69

Danh sách các công ty liên kết

STT	CÔNG TY CON	TÊN VIẾT TẮT	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ THỰC GÓP (TRIỆU VND)	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA (%)
1	Công ty Cổ phần Cho thuê máy bay Việt Nam	VALC	Tầng 6, 18 Lý Thường Kiệt, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Mua và cho thuê, thuê và cho thuê lại máy bay	63.315.837 (USD)	32,48
2	Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	K6	206A, Preah Norodom Blvd, Sangkat Tonle Basac, Khan Chamkarmon, Phnom Penh, Cambodia	Vận tải hành khách và hàng hóa hàng không	100.000.000 (USD)	49,00
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng	MASCO	Sân bay Quốc tế Đà Nẵng Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Dịch vụ cung cấp suất ăn trên máy bay, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	42.677	36,11
4	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu hàng không	AIRIMEX	414 Nguyễn Văn Cừ, P. Bồ Đề, Q. Long Biên, Hà Nội	Nhập khẩu/phân phối phụ tùng máy bay và các thiết bị mặt đất sân bay	25.927	41,31
5	Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp hàng không	APLACO	Ngõ 200 Nguyễn Sơn, P. Bồ Đề, Q. Long Biên, Hà Nội	Công nghiệp nhựa cao cấp	17.280	30,41

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

THÔNG TIN CỔ PHẦN

LOẠI CỔ PHẦN	Cổ phần phổ thông
MỆNH GIÁ	10.000 đồng/cổ phần
TỔNG SỐ CỔ PHẦN ĐANG LƯU HÀNH	1.418.290.847 cổ phần
TỔNG SỐ CỔ PHẦN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	1.418.290.847 cổ phần

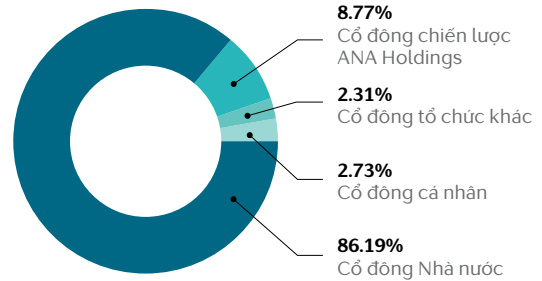
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
I. Nhà nước (Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp)	1	1.222.368.291	86,19%
II. Cổ đông chiến lược ANA Holdings Inc	1	124.438.698	8,77%
III. Tổ chức khác	81	32.763.335	2,31%
1. Trong nước	45	19.174.343	1,35%
2. Nước ngoài	36	13.588.992	0,96%
IV. Cá nhân	15.189	38.720.523	2,73%
1. Trong nước	14.825	37.694.728	2,66%
2. Nước ngoài	364	1.025.795	0,07%
TỔNG CỘNG	15.727	1.418.290.847	100,00%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN (NĂM GIỮ TRÊN 5% TỔNG SỐ CỔ PHẦN):

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	NHÀ NƯỚC (UBQLVNN)	1.222.368.291	86,19%
2	ANA HOLDINGS INC	124.438.698	8,77%

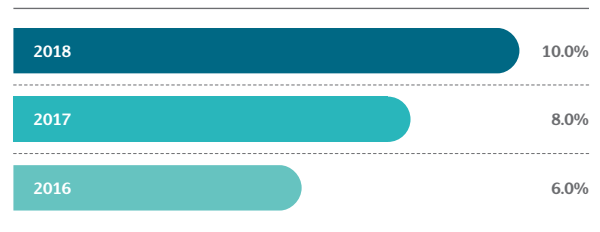
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



TÌNH HÌNH CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2019

Trong năm 2019, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện việc chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông của Vietnam Airlines theo phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019, tuân thủ theo đúng các quy định pháp luật. Việc chi trả cổ tức đã hoàn thành trong tháng 06/2019 với tỷ lệ chi trả 10% mệnh giá cổ phiếu, tương ứng với tổng số tiền chi trả là 1.418 tỷ đồng.

CỔ TỨC

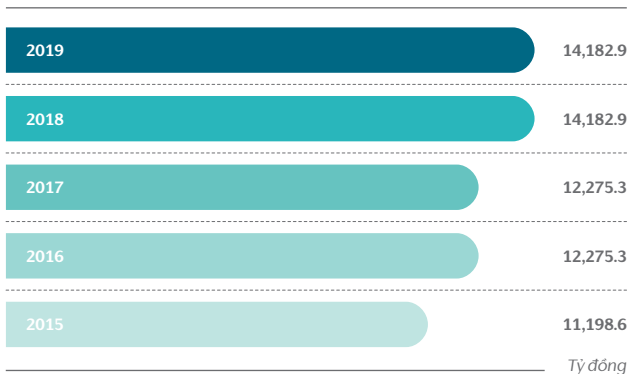


TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU TRONG NĂM 2019

Tại thời điểm 31/12/2019, chỉ tiêu vốn đầu tư của chủ sở hữu là 14.182.908.470.000 đồng, không thay đổi so với 01/01/2019. Trong năm 2019, VNA đã trích Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ T5/2019 với số tiền 779.931.216.740 VND.

Lịch sử các đợt tăng vốn điều lệ của Vietnam Airlines

QUY MÔ VỐN ĐIỀU LỆ



Tăng trưởng giai đoạn
2015-2019

▲ 27%



SỰ KIỆN TIÊU BIỂU TRONG NĂM 2019

Tháng
02



Lễ hội bơi chài thuyền rồng Hà Nội mở rộng 2019.

Tháng
05



Cổ phiếu Vietnam Airlines (mã chứng khoán HVN) được chính thức giao dịch trên Sàn giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE) từ 07/5/2019.

Tháng
07



Lễ kỷ niệm 25 năm đường bay Việt Nam - Nhật Bản.

Tháng
08



Lễ kỷ niệm 60 năm thành lập Đoàn bay 919 và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhì.



Đón nhận siêu máy bay Boeing 787-10 Dreamliner đầu tiên mang số hiệu VN-A879.



Lễ kỷ niệm 15 năm đường bay thẳng Việt Nam - Nga đồng thời tổ chức lễ chuyển đổi sân bay khai thác tại Moscow từ sân bay Domodedovo sang sân bay Sheremetyevo.

Tháng
09



Ra mắt Công ty TNHH Kỹ thuật công nghệ Hàng không Việt Nam - Singapore (VSTEAM) nhằm cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị máy bay cho các hãng hàng không trong nước và quốc tế, bao gồm: dịch vụ cho dòng máy bay A320 và một số thiết bị cho các dòng máy bay phổ biến như: Boeing 787, Airbus A350, A320, A321, ATR 72...

Tháng
10



Lễ chào mừng chiếc máy bay thứ 100 gia nhập đội bay với sự tham dự của Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình, Thứ trưởng Bộ GTVT Lê Anh Tuấn.

Tháng
11



Chương trình Bông Sen Vàng - LotuSmiles sau 20 năm ra mắt, đã đạt ba triệu hội viên là khách hàng thường xuyên, dấu mốc quan trọng trên lộ trình khẳng định vị trí dẫn đầu trong việc xây dựng các chính sách, sản phẩm, dịch vụ nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng.



Năm thứ ba Dàn nhạc giao hưởng London trở lại Hà Nội để thực hiện buổi hòa nhạc "Vietnam Airlines Classic - Hanoi Concert 2019".

DANH HIỆU, GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2019



Chúng chi
“Hàng hàng không 4 sao”
 4 năm liên tiếp
 2016, 2017, 2018, 2019
 theo tiêu chuẩn của Tổ
 chức đánh giá và xếp hạng
 hàng không Skytrax.



3 giải thưởng uy tín do
 Tổ chức Giải thưởng Du
 lịch thế giới (World Travel
 Awards – WTA) trao tặng
“Hàng hàng không dẫn đầu châu Á về hạng Phổ thông”,
“Hàng hàng không dẫn đầu châu Á về hạng Phổ thông đặc biệt” và **“Hàng hàng không dẫn đầu châu Á về Thương hiệu”**
 tại Lễ trao giải WTA Asia &
 Oceania Gala 2019 diễn ra ở
 Phú Quốc.



2 giải thưởng uy tín do
 Tổ chức Giải thưởng
 Du lịch thế giới (World
 Travel Awards – WTA) trao
 tặng **“Hàng hàng không
 dẫn đầu thế giới về
 bản sắc văn hoá”** và
**“Hàng hàng không dẫn
 đầu thế giới về hạng Phổ
 thông đặc biệt”**
 tại Lễ trao giải Grand Final
 2019 ở Oman.





Giải Vietnam Timeless Charm
**Hãng hàng không vận tải nhiều
khách du lịch nhất năm 2019**
của Tổng cục Du lịch
và Hiệp hội Du lịch Việt Nam.



**Top 50 doanh nghiệp
xuất sắc nhất Việt Nam**
năm thứ 4 liên tiếp do
VNR500 bình chọn.



**“Top 50 công ty
niêm yết tốt nhất”**
do tạp chí Forbes Việt Nam
bình chọn



Giải thưởng uy tín của
Tổ chức Công nghiệp
Điện toán châu Á – châu Đại Dương
(ASOCIO ICT Awards năm 2019)
dành cho
**Tổ chức ứng dụng
Công nghệ thông tin xuất sắc.**



**Top 10 nhãn hiệu
nổi tiếng Việt Nam 2019**
được tổ chức bởi Hội sở
hữu trí tuệ Việt Nam nhằm
bình chọn, tôn vinh các
doanh nghiệp tiêu biểu
trong thời kỳ hội nhập,
cạnh tranh quốc tế.



**Top 5 hãng hàng không
đạt độ tin cậy cất cánh
máy bay Airbus A350 XWB
cao nhất thế giới**
do nhà sản xuất máy bay
Airbus bình chọn.



Vietnam Airlines



SẴN CẢNH VƯỢT CAO



BẠN CÓ BIẾT ĐỘI MÁY BAY VIETNAM AIRLINES QUY MÔ 100 CHIẾC MANG TÂM CỒ THẾ GIỚI

**THẾ GIỚI ĐANG THAY ĐỔI.
CÒN BẠN?**

Với đội máy bay hơn 100 chiếc, mạng bay hơn 100 điểm đến, Vietnam Airlines sẵn sàng phát triển mạnh mẽ cùng sự thay đổi của thế giới.

#HànhTrìnhĐăngCấp

ĐẶT VÉ NGAY > vietnamairlines.com

ĐÓNG GÓI > **1900 1100**

LIKE NGAY > fb/vietnamairlines

ĐĂNG KÝ NGAY > **Hội viên** | EDL5ME2S

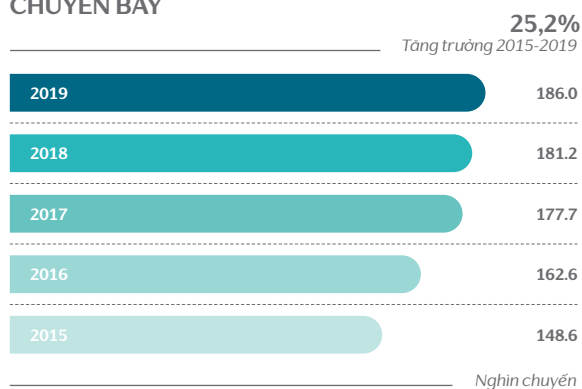
IV TỔNG QUAN VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH

1.0 CÁC CHỈ TIÊU KHAI THÁC CƠ BẢN

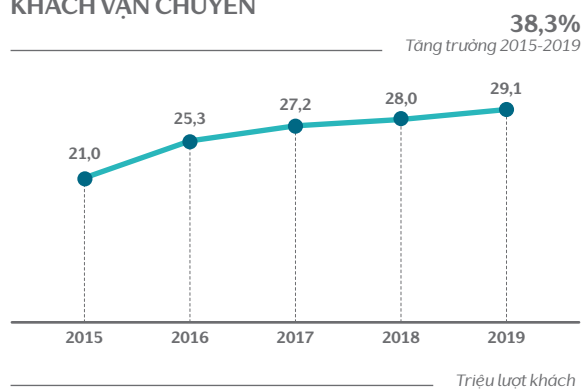
1.1. SỐ LIỆU VNA GROUP

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	2015	2016	2017	2018	2019	2019/2018	2015-2019
Chuyến bay	Nghìn chuyến	148,6	162,6	177,7	181,2	186,0	2,6%	25,2%
Khách vận chuyển	Triệu lượt khách	21	25,3	27,2	28,0	29,1	3,3%	38,3%
Hàng hóa, bưu kiện vận chuyển	Nghìn tấn	209	289,0	344,0	366	371,3	1,4%	77,7%
Khách luân chuyển	Tỷ hành khách.km	31,6	36,3	39,2	41,5	42,9	2,1%	35,7%
Ghế luân chuyển	Tỷ ghế.km	39,2	44,9	48,0	50,8	52,8	2,7%	34,7%
Hệ số sử dụng ghế	%	81%	80,8%	81,7%	81,7%	81,2%	-0,6%	

CHUYẾN BAY



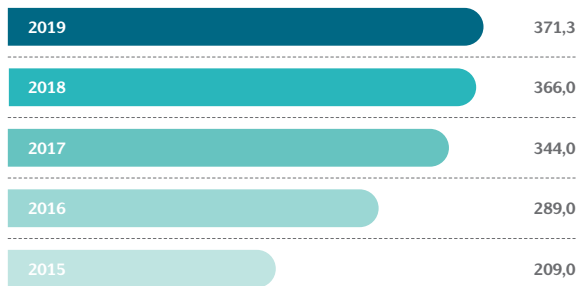
KHÁCH VẬN CHUYỂN



HÀNG HÓA, BƯU KIẾN VẬN CHUYỂN

77,7%

Tăng trưởng 2015-2019

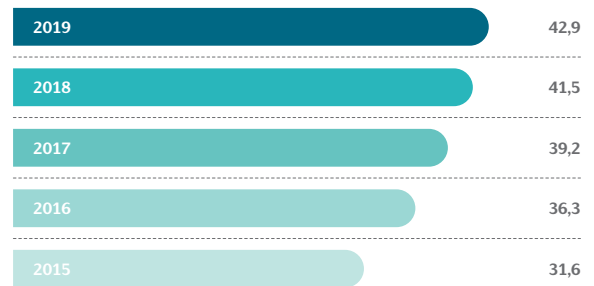


Nghìn Tấn

KHÁCH LUÂN CHUYỂN

35,7%

Tăng trưởng 2015-2019



Tỷ Hành Khách.Km

GHẾ LUÂN CHUYỂN

34,7%

Tăng trưởng 2015-2019

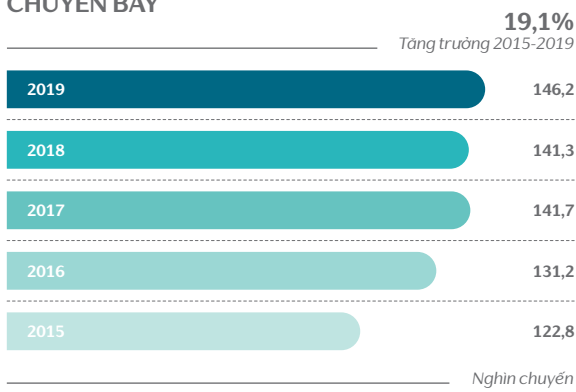


Tỷ Ghế.Km

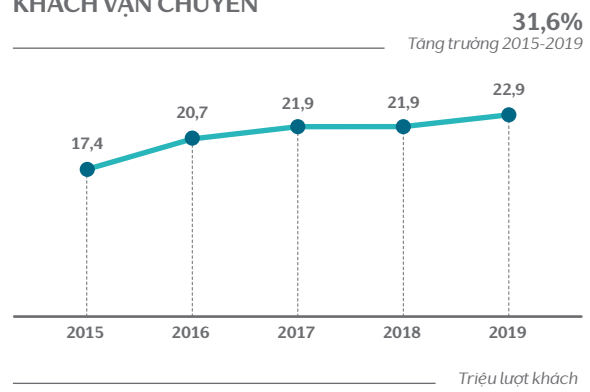
1.2. SỐ LIỆU VIETNAM AIRLINES

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	2015	2016	2017	2018	2019	2019/2018	2015-2019
Chuyến bay	Nghìn chuyến	122,8	131,2	141,7	141,3	146,2	3,5%	19,1%
Khách vận chuyển	Triệu lượt khách	17,4	20,7	21,9	21,9	22,9	4,6%	31,6%
Hàng hóa, bưu kiện vận chuyển	Nghìn tấn	208,4	271,0	323,0	341,5	348,0	1,9%	67,0%
Khách luân chuyển	Tỷ HK.km	28,7	32,8	34,8	36,3	37,6	3,6%	31,0%
Ghế luân chuyển	Tỷ ghế.km	35,8	40,6	42,7	44,7	46,5	4,0%	29,9%
Hệ số sử dụng ghế	%	80,7%	80,8%	81,5%	81,3%	80,9%	-0,5%	

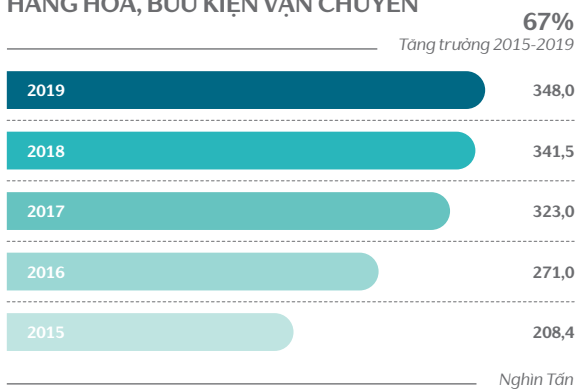
CHUYẾN BAY



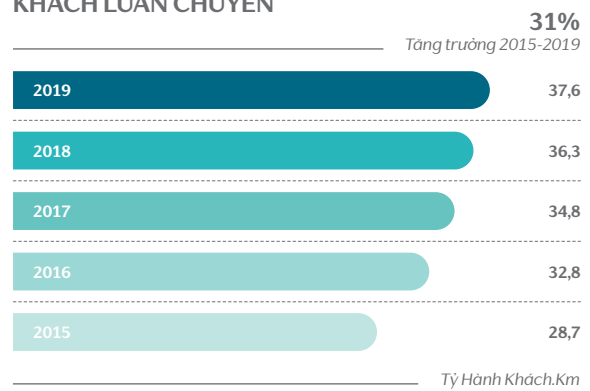
KHÁCH VẬN CHUYỂN



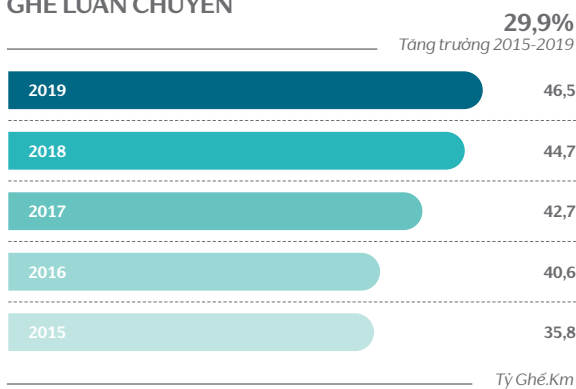
HÀNG HÓA, BƯU KIỆN VẬN CHUYỂN



KHÁCH LUÂN CHUYỂN



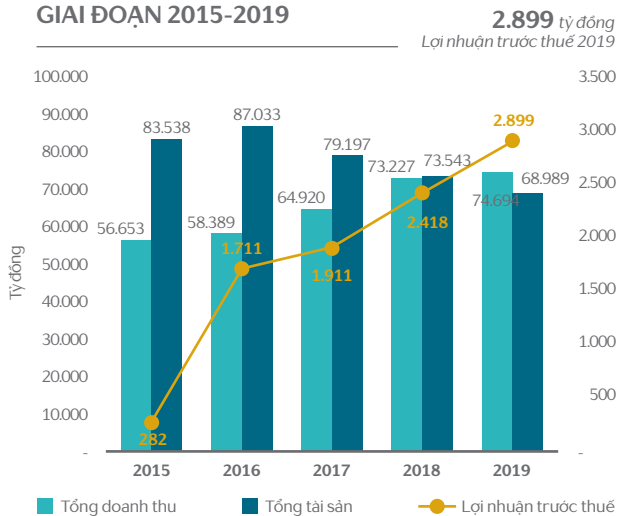
GHẾ LUÂN CHUYỂN



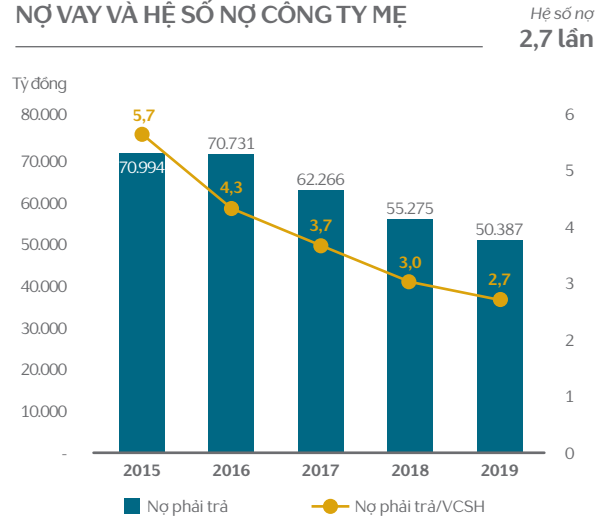
2.0 CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

2.1. CÔNG TY MẸ

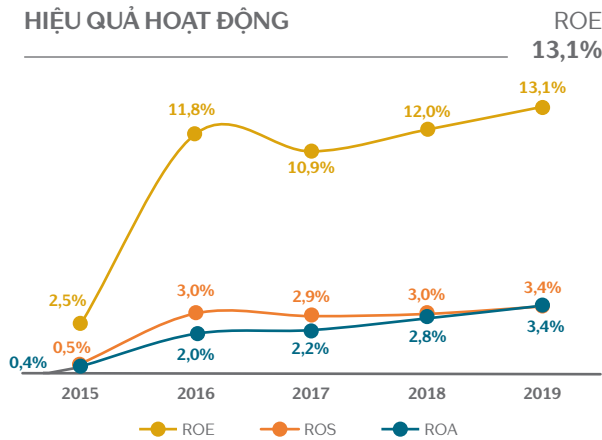
KẾT QUẢ KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2015-2019



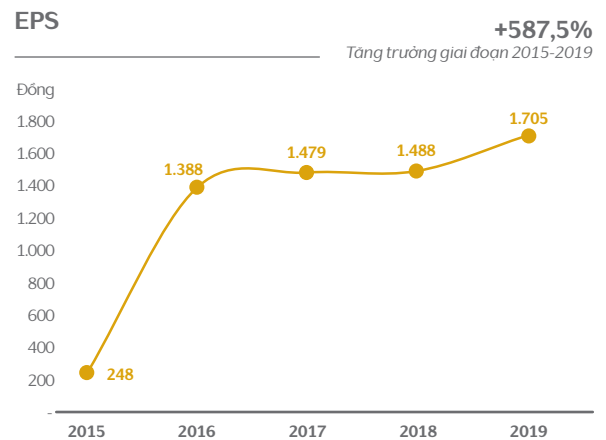
NỢ VAY VÀ HỆ SỐ NỢ CÔNG TY MẸ



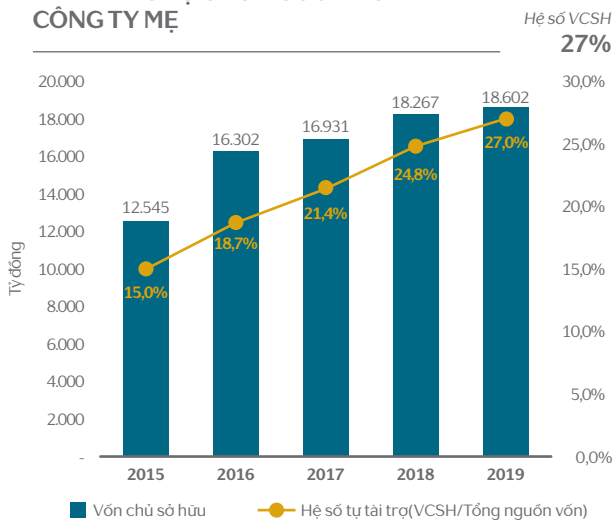
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



EPS

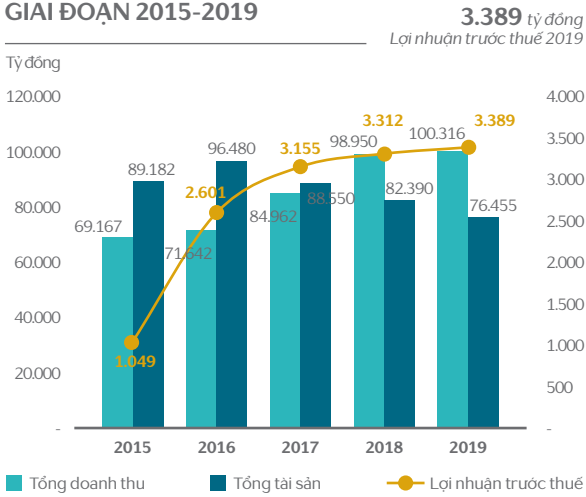


KHẢ NĂNG TỰ CHỦ NGUỒN VỐN CÔNG TY MẸ



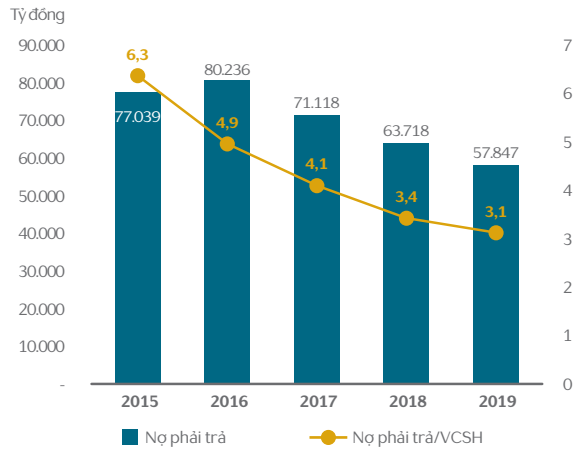
2.2. HỢP NHẤT

KẾT QUẢ KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2015-2019



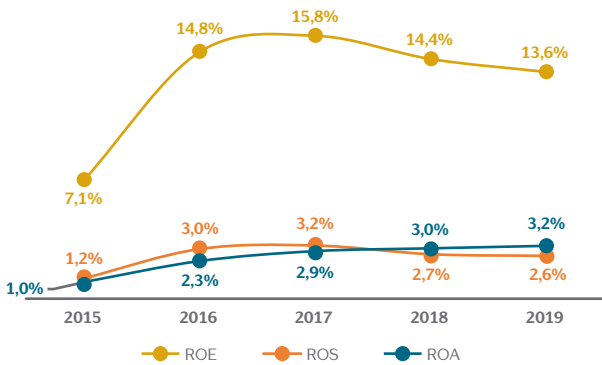
NỢ VAY VÀ HỆ SỐ NỢ

Hệ số nợ
3,1 lần



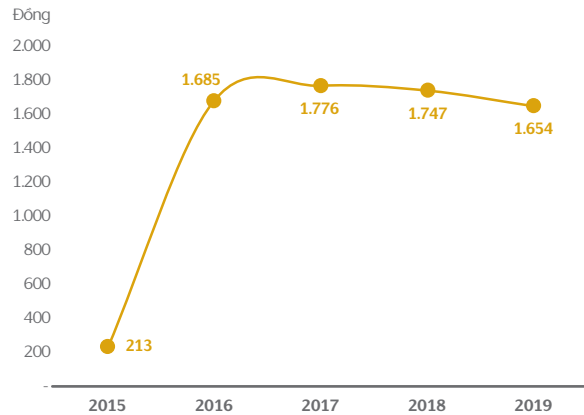
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

ROE
13,6%



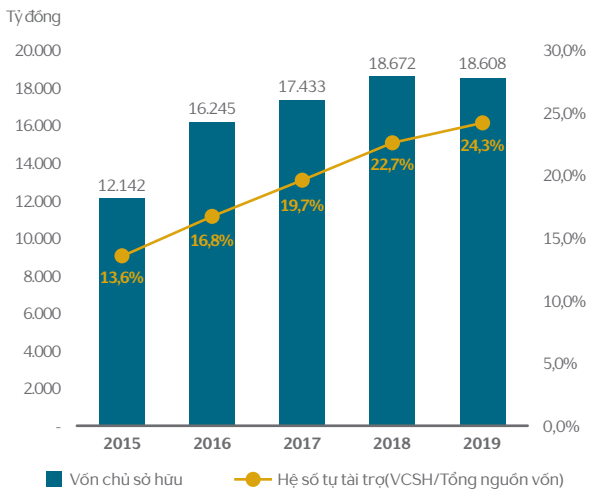
EPS

+676,5%
Tăng trưởng giai đoạn 2015-2019



KHẢ NĂNG TỰ CHỦ NGUỒN VỐN

Hệ số VCSH
24,3%



BẠN CÓ BIẾT

VIỆT NAM AIRLINES
CÓ CÔNG TY LIÊN DOANH
BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA
THIẾT BỊ TÀU BAY
ĐẦU TIÊN VÀ DUY NHẤT
TẠI VIỆT NAM

THẾ GIỚI ĐANG THAY ĐỔI.
CÒN BẠN?

Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ hàng không Việt Nam Singapore cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tàu bay cho các hãng hàng không trong nước và quốc tế.

#HànhTrìnhĐẳngCấp

Vietnam Airlines
SÀI GÒN - CẢNH VƯỜN CAO



ĐẶT VÉ NGAY - vietnamairlines.com
GỌI NGAY - 1900 1100
TRÊN MÀN HÌNH - [fb/vietnamairlines](https://fb.com/vietnamairlines)
TRÊN ĐIỆN THOẠI - Hội viên - 100SMSILES

V

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.0 VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA VIETNAM AIRLINES

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2019 bên cạnh các yếu tố thuận lợi, hoạt động kinh doanh đối diện với nhiều thách thức, khó khăn do thị trường thay đổi nhanh, tài cung ứng dư thừa, cạnh tranh tăng cao, giảm giá vé để giành giật thị phần, doanh thu trung bình giảm mạnh (đặc biệt trong Quý 4/2019), các đồng bản tệ tại nhiều thị trường bán chính của Vietnam Airlines (AUD, EUR, KRW, CNY) đều bị mất giá so với đồng USD, hạ tầng sân bay trong nước vẫn tiếp tục quá tải. Việc các hãng hàng không mới đi vào hoạt động lôi kéo giành giật đội ngũ lao động đặc thù (phi công, kỹ sư máy bay) đã gây khó khăn rất lớn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Vietnam Airlines.

Trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động, Vietnam Airlines đã có những chỉ đạo, định hướng kịp thời đối với ban điều hành để triển khai các biện pháp điều hành linh hoạt và chủ động, kiểm soát tài cung ứng phù hợp với nhu cầu thị trường, đảm bảo an ninh, an toàn trong khai thác, các chỉ tiêu chất lượng dịch vụ đều đạt và vượt kế hoạch, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận ĐHĐCĐ giao, năng suất lao động tăng so với năm trước, thu nhập của người lao động được đảm bảo. Ngoài ra, Vietnam Airlines đã điều chỉnh tăng lương cho các phi công đội bay Boeing 787, Airbus A350 trước hạn để ổn định tư tưởng, giữ chân các lao động đặc thù.

Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 cụ thể như sau:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2019	THỰC HIỆN 2019	THỰC HIỆN 2019/ KẾ HOẠCH 2019	THỰC HIỆN 2018	TĂNG TRƯỞNG SO VỚI 2018
1	Doanh thu hợp nhất	111.729	100.316	90%	98.950	1,4%
	<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	82.520	74.694	91%	73.277	1,9%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	3.362	3.389	101%	3.312	2,3%
	<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	2.678	2.899	108%	2.418	19,9%
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	2.680	2.537	95%	2.599	-2,4%
	<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	2.407	2.418	100%	2.111	14,5%
4	Nộp ngân sách hợp nhất	7.012	7.929,6	113%	6.715,1	18,1%

LỢI NHUẬN
TRƯỚC THUẾ
CÔNG TY MẸ

2.899

tỷ đồng

LỢI NHUẬN
TRƯỚC THUẾ
HỢP NHẤT

3.389

tỷ đồng

KẾ HOẠCH
NỘP NGÂN SÁCH

7.012

tỷ đồng

TỶ LỆ
THỰC HIỆN/
KẾ HOẠCH

113%

THỰC HIỆN
NỘP NGÂN SÁCH

7.929,6

tỷ đồng



Gia tăng các lợi ích bền vững cho cổ đông

Trong năm 2019, Vietnam Airlines đã chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông theo đúng phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019. Với tỷ lệ chi trả 10% mệnh giá cổ phiếu, trong năm 2019 các cổ đông đã nhận được tổng số tiền cổ tức là 1.418 tỷ đồng.

Vietnam Airlines hoàn tất thủ tục đưa cổ phiếu HVN niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE) vào ngày 07/5/2019, đánh dấu bước phát triển mới, thể hiện tầm nhìn chiến lược dài hạn và quyết tâm không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh, chuẩn hóa hoạt động quản trị của Tổng công ty.



Công tác quản trị và nâng cao hiệu quả hoạt động của Vietnam Airlines

Trong bối cảnh sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, kinh tế số và cuộc cách mạng công nghệ 4.0 diễn ra ngày càng mạnh mẽ, Vietnam Airlines đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án công nghệ thông tin quan trọng, thành lập Ban Tiếp thị và Chuyển đổi số nhằm đẩy mạnh triển khai thương mại điện tử cũng như tiến hành các bước chuẩn bị để tiến tới trở thành Tập đoàn hàng không số (Digital Airlines Group)

Điều chỉnh tổ chức theo mô hình hợp nhất các cơ quan chuyên môn với cơ quan giúp việc Đảng ủy Tổng công ty, thu gọn đầu mối công việc, đảm bảo hoạt động linh hoạt, hiệu quả.



Chế độ tiền lương và phúc lợi cho người lao động

Xác định đội ngũ người lao động là nguồn lực quan trọng – một trong những giá trị cốt lõi của Vietnam Airlines, trong nhiều năm qua Vietnam Airlines từng bước thực hiện chương trình cải cách tiền lương, gắn tiền lương với hiệu quả sản xuất kinh doanh đã tạo động lực nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công việc và thu hút người lao động gắn bó với doanh nghiệp, đảm bảo nguồn nhân lực cho sự phát triển của Vietnam Airlines.

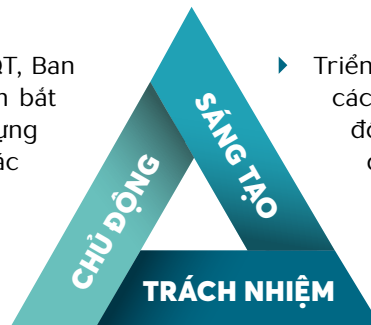
Năm 2019 Vietnam Airlines triển khai 02 đợt tăng lương đối với phi công (từ 01/6/2019 và 01/9/2019) và thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động trong đó tiếp tục triển khai chế độ bảo hiểm hưu trí tự nguyện và bảo hiểm sức khỏe. Đồng thời, trong năm 2019 Vietnam Airlines đã hoàn thiện Đề án thí điểm đổi mới cơ chế quản lý tiền lương giai đoạn 2019 - 2021 theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương.

2.0 VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm 2019, với phương châm hành động **“Trách nhiệm - Chủ động - Sáng tạo”**, Ban điều hành đã linh hoạt, sáng tạo trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo đưa Vietnam Airlines vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:



- ▶ Trên cơ sở định hướng của HĐQT, Ban điều hành đã thường xuyên nắm bắt diễn biến thị trường, chỉ đạo xây dựng và triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp, tổ chức hoạt động kinh doanh an toàn, chất lượng, hiệu quả và phát triển bền vững.



- ▶ Triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị; tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Vietnam Airlines và các văn bản quản lý nội bộ khác.

- ▶ Thực hiện tốt chế độ báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực và các mặt hoạt động, bên cạnh việc phân tích, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo đã chú trọng trong việc dự báo, đánh giá tình hình thị trường giai đoạn tiếp theo để đưa ra các kịch bản điều hành, nâng cao tính chủ động, linh hoạt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.0 VỀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Với phương châm “**Tự hào - Vươn cao**”, năm 2020 Vietnam Airlines sẽ đặt ra các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm như sau: đảm bảo an ninh an toàn của hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng suất lao động, nâng cao hình ảnh và vị thế của Hãng hàng không quốc gia.



BẠN CÓ BIẾT

VIỆT NAM ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẤT NƯỚC CỦA DI SẢN VĂN HOÁ THẾ GIỚI

THẾ GIỚI ĐANG THAY ĐỔI,
CÒN BẠN?

Được World Travel Awards 2019 vinh danh là "điểm đến di sản", Việt Nam còn là ngôi nhà của 8 di sản thế giới do UNESCO công nhận. Hãy đến để khám phá những giá trị thiên nhiên và văn hóa quý báu của nhân loại.

#HànhTrìnhTứHào

 Vietnam Airlines 
SÀI CẢNH VƯỜN CAO



ĐẶT VÉ NGAY + vietnamairlines.com

CALL CENTER + 1900 1100

LIKE NGAY + [fb/vietnamairlines](https://www.facebook.com/vietnamairlines)

ĐĂNG KÝ NGAY + Hội viên 1015MILES

VI BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD CỦA BAN GIÁM ĐỐC

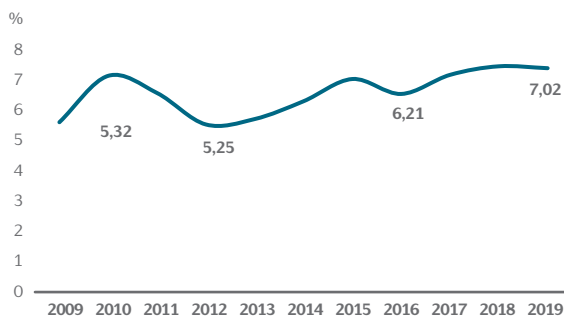
1.0 MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

1.1. TỔNG QUAN VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2019

Kinh tế Việt Nam năm 2019 giữ mức tăng trưởng 7,02% (năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011), các chỉ tiêu vĩ mô ổn định, thu hút khách du lịch quốc tế.

Tình hình thế giới và khu vực có những diễn biến phức tạp; cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc cùng với Hong Kong rơi vào suy thoái vì biểu tình cũng có những ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh tế thế giới. Nguy cơ uy hiếp an ninh an toàn, nhất là an ninh mạng vẫn luôn thường trực.

TĂNG TRƯỞNG GDP



Nguồn: Tổng cục thống kê

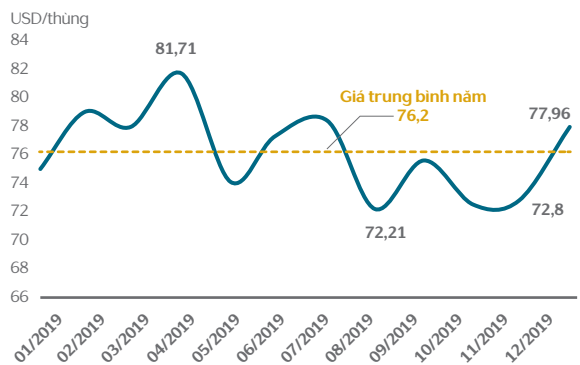
Thị trường hối đoái

Các đồng bản tệ chủ chốt (JPY, CNY, AUD, KRW) trong rổ tiền tệ của Vietnam Airlines có xu hướng mất giá so với USD vào nửa cuối năm 2019 làm ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất xuất kinh doanh (giảm doanh thu và tăng chi phí khoảng 160 tỷ đồng). Trong năm 2019, tỷ giá VND/USD giao dịch ở mức ổn định với tỷ giá bình quân năm 2019 là 23.240 đồng, thấp hơn 0,68% so kế hoạch 2019 (23.420 đồng).

Xu hướng giá nhiên liệu

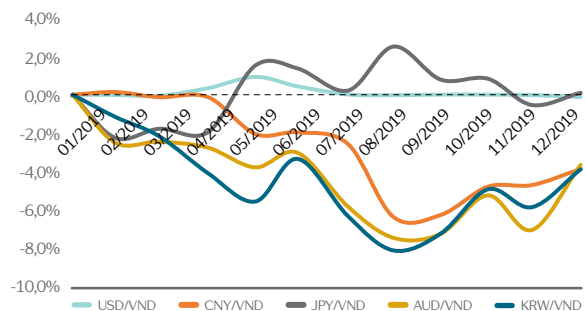
Giá nhiên liệu thực hiện 2019 là 76,7 USD/thùng, giảm 6,1 USD/thùng so kế hoạch (82,8 USD/thùng) giúp chi phí nhiên liệu giảm khoảng 1.320 tỷ đồng.

DIỄN BIẾN GIÁ NHIÊN LIỆU (JET KEROSENE)



Nguồn: Bloomberg

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ



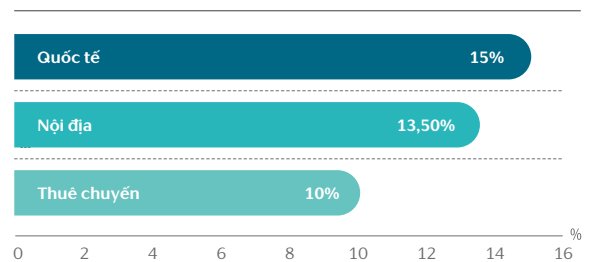
Nguồn: Bloomberg

1.2 THỊ TRƯỜNG VẬN TẢI HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Quốc tế

Năm 2019, tổng thị trường đạt 34,7 triệu lượt khách, tăng 15% so với cùng kỳ, trong đó tăng trưởng của phân khúc hàng không giá rẻ lên tới 24%, tăng trưởng của phân khúc hàng không truyền thống là 10%. Sự tăng trưởng mạnh của hàng không giá rẻ làm gia tăng sự cạnh tranh của thị trường khách quốc tế, đặc biệt tại khu vực Đông Bắc Á, Đông Nam Á.

TĂNG TRƯỞNG HÀNG KHÔNG



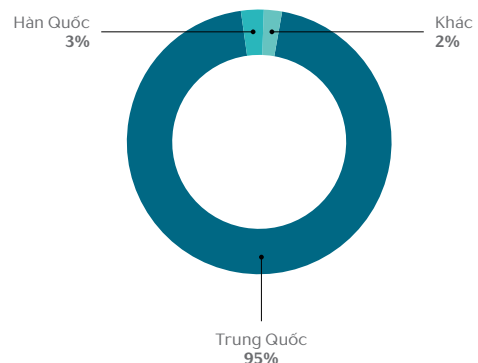
Nội địa

Thị trường hàng không nội địa 2019 đạt 37,3 triệu lượt khách, tăng trưởng 13,5%, cao hơn mức tăng trưởng trong giai đoạn 2017 - 2018 (tăng trưởng 7 - 10%). Động lực tăng trưởng của thị trường chủ yếu do có thêm hàng hàng không mới khai thác.

Thuê chuyến

Tổng thị trường thuê chuyến năm 2019 đạt 5,3 triệu khách, tăng 22% so cùng kỳ. Tăng trưởng của thị trường thuê chuyến chủ yếu nằm ở khu vực Đông Bắc Á, trong đó Trung Quốc chiếm tỷ trọng tương đương 95%, Hàn Quốc tương đương 3%, còn lại là các thị trường khác. Thị trường thuê chuyến Trung Quốc tăng trưởng khoảng 25% so với cùng kỳ do có sự gia tăng tải cung ứng mạnh của các hãng hàng không, trong đó có 6/19 hãng là hãng hàng không giá rẻ (LCC). Thị phần của LCC tăng 4 điểm so với cùng kỳ, tương đương 70%. Các hãng LCC với chính sách giá thấp khiến cho mật bảng giá thuê chuyến trên thị trường sụt giảm.

TỶ TRỌNG KHÁCH HÀNG THUÊ CHUYỂN



1.3 ĐÁNH GIÁ CỦA CÁC TỔ CHỨC HÀNG KHÔNG THẾ GIỚI

Theo số liệu của IATA (IATA Economic performance of the airline industry – 2019 End-year report), ngành hàng không thế giới tiếp tục đạt những kết quả hết sức khả quan. Khách luân chuyển trên toàn thế giới đạt 8.680 tỷ khách.km, tăng 4,2% so cùng kỳ. Cùng với đó, doanh thu vận tải hàng không thế giới ước đạt 838 tỷ USD, tăng 3,2% so cùng kỳ.

2.0 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC LĨNH VỰC

2.1 MẠNG ĐƯỜNG BAY

Đến hết năm 2019, VNA có mạng đường bay quốc tế gồm 61 đường bay đến 33 điểm thuộc 18 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó nổi bật có sự thay đổi như sau:

Mở đường bay mới

- 7/2019 ● Đà Nẵng – Busan
📅 2 chuyến/tuần
- 10/2019 ● Đà Nẵng – Bangkok
📅 7 chuyến/tuần
- 10/2019 ● TP.HCM – Bali
📅 5 chuyến/tuần
- 10/2019 ● TP.HCM – Phuket
📅 3 chuyến/tuần
- 11/2019 ● Đà Nẵng – Chengdu
📅 4 chuyến/tuần
- 11/2019 ● Hà Nội/ TP. HCM – Shenzhen
📅 7 chuyến/tuần
- 12/2019 ● Hà Nội – Macau
📅 7 chuyến/tuần



Tăng tải trên các đường bay

Quý 3/2019 ● TP. HCM - Bangkok, Hà Nội - Busan, TP. HCM - Busan, TP. HCM - Incheon bằng việc đổi loại máy bay khai thác thân rộng trong đó đưa máy bay Boeing 787-10 hiện đại nhất của VNA vào khai thác TP. HCM - Busan và TP. HCM - Incheon.



Trên các đường bay nội địa, tính đến hết năm 2019, VNA khai thác 40 đường bay trên 22 điểm đến với điểm nổi bật như sau:

Mở đường bay mới

- 15/1/2019 ● TP.HCM – Chu Lai
 ✈ 7 chuyến/tuần
- 31/1/2019 ● Đà Nẵng – Cần Thơ
 ✈ 7 chuyến/tuần
- 01/11/2019 ● Đà Nẵng – Vân Đồn
 ✈ 5 chuyến/tuần



VNA GROUP

MẠNG ĐƯỜNG BAY

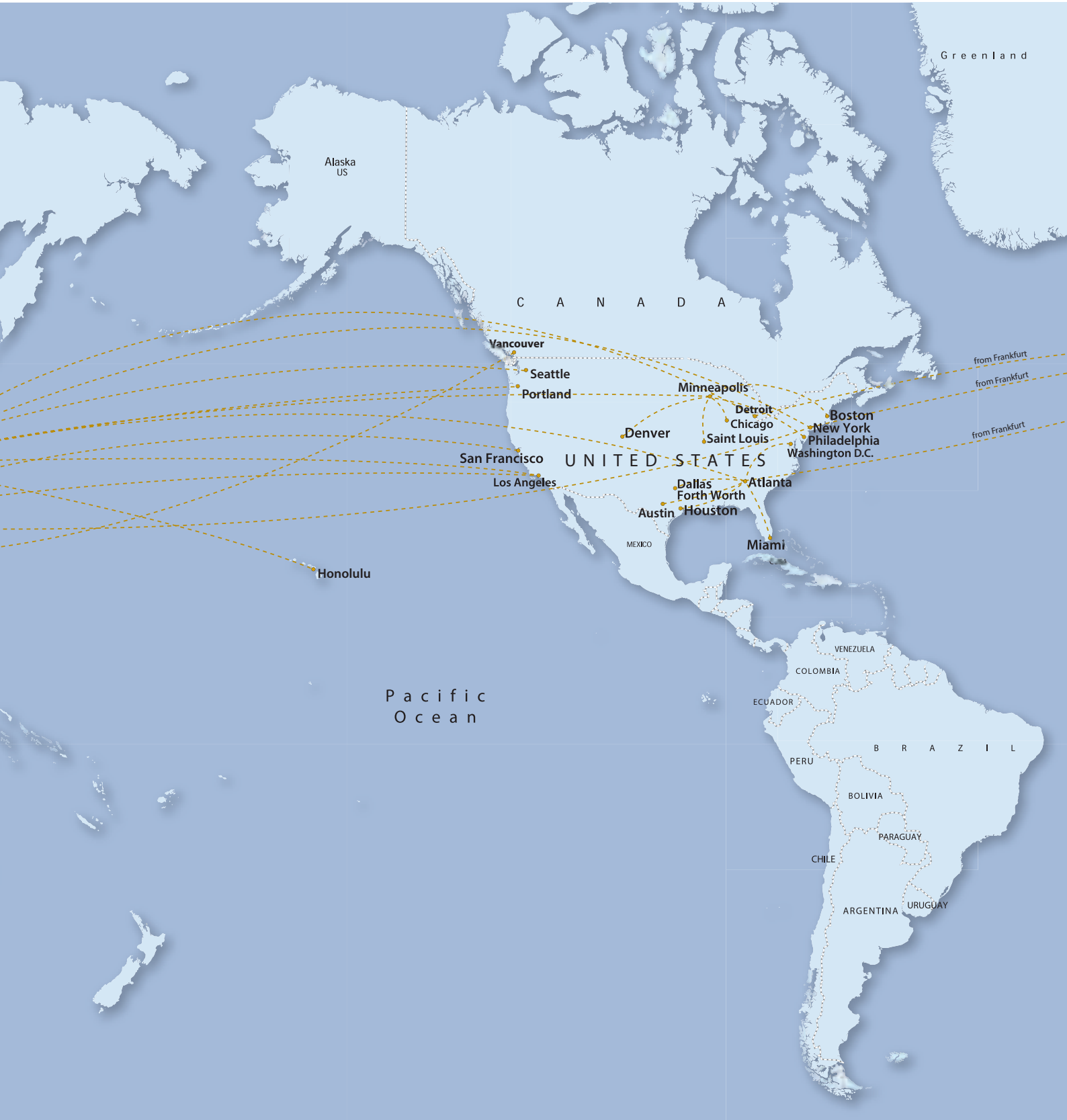


ĐIỂM ĐẾN



MẠNG ĐƯỜNG BAY QUỐC TẾ





MẠNG ĐƯỜNG BAY NỘI ĐỊA



MẠNG ĐƯỜNG BAY CHÂU Á



2.2 ĐỘI MÁY BAY

Nhằm nâng cao hiệu quả khai thác cũng như hướng tới mục tiêu trở thành hãng hàng không 5 sao, Vietnam Airlines đã bắt đầu đưa đội máy bay thân rộng thế hệ mới (A350, B787) vào khai thác trên các đường bay quốc tế tầm trung, xa (khai thác trên các đường bay Paris, Frankfurt, London, Incheon từ năm 2015; Shanghai, Narita (Tokyo), Osaka, Sydney, Melbourne từ năm 2016; Haneda (Tokyo) từ năm 2017; Nagoya, Beijing, Busan, Moscow từ năm 2018; Bangkok, Singapore từ năm 2019) cũng như đường bay trực nội địa Hà Nội - TP. HCM từ năm 2015. Trong giai đoạn 2015 - 2019, đội máy bay A350 và B787 đã chứng minh được hiệu quả khai thác vận tải hàng không của mình bằng việc mang lại hiệu quả lần lượt là 1.483 tỷ đồng và 3.032 tỷ đồng trong giai đoạn này (trong đó đội máy bay A350 hiệu quả cao nhất đạt 763 tỷ đồng trong năm 2019, đội máy bay B787 hiệu quả cao nhất đạt 925 tỷ đồng trong năm 2018), trong khi hiệu quả của đội máy bay thân rộng thế hệ cũ (A330, B777) trong giai đoạn 2010-2014 đều thấp hơn nhiều so với đội máy bay thế hệ mới.

Năm 2019, Vietnam Airlines tiếp nhận và khai thác ổn định 16 máy bay mới thân hẹp A321neo và 03 máy bay thân rộng Boeing 787-10 là dòng máy bay mới, hiện đại có nhiều ưu điểm vượt trội: không gian rộng rãi, công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, tiết kiệm nhiên liệu, giúp nâng cao hiệu quả khai thác và đáp ứng tiêu chuẩn dịch vụ ngày càng cao của Vietnam Airlines.



2.3 LĨNH VỰC KHAI THÁC BAY

Với mục tiêu **An toàn - Hiệu quả, Đổi mới - Sáng tạo** trong công tác điều hành, năm 2019 các đơn vị trong Khối Khai thác đã phối hợp phục vụ tốt, an toàn các chuyến bay khai thác với tổng số 186.000 chuyến bay, chỉ số OSP, OTP đạt mục tiêu đã đề ra. Các chỉ số KPI của lĩnh vực KTB đều đạt và vượt so với mục tiêu, các đơn vị trong Khối đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao cụ thể:

- ▶ Bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối các chuyến bay.
- ▶ Điều hành an toàn tuyệt đối, đúng kế hoạch các chuyến bay chuyên cơ phục vụ Lãnh đạo Đảng, Nhà nước; các chuyến bay thực hiện nhiệm vụ chính trị quốc gia; chủ trì điều hành, ứng phó 26 cơn bão, nhanh chóng điều chỉnh đường bay châu Âu tránh chiến sự Pakistan - Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ ổn định tối đa lịch bay.
- ▶ Duy trì chỉ số đúng giờ (OTP ~ 89%) ở mức cao so với khu vực trong bối cảnh cơ sở hạ tầng hàng không quá tải.
- ▶ Tiếp nhận và đưa vào khai thác thành công đội máy bay thế hệ mới Boeing 787-9, Boeing 787-10, Airbus A350-900, Airbus A321neo.
- ▶ Nâng cao hiệu suất sử dụng máy bay, tối ưu hóa lịch bay, điều hành linh hoạt, hiệu quả lịch bay theo nhu cầu thị trường.
- ▶ Tổ chức đồng bộ lịch bay của phi công, tiếp viên để đảm bảo ổn định, hiệu quả, nâng cao năng suất lao động.
- ▶ Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp tiết kiệm chi phí: rút ngắn đường bay, thiết kế và phê chuẩn các phương thức bay mới tiết kiệm, hiệu quả.
- ▶ Triển khai các ứng dụng CNTT để tối ưu hóa công tác điều hành, chủ động, sáng tạo nâng cao năng suất lao động: Hệ thống tích hợp điều hành SXKD, Hồ sơ bay điện tử, Hệ thống phần mềm phân bay phi công, tiếp viên, Hệ thống ứng dụng khai thác di động tiết kiệm chi phí khai thác.
- ▶ Thực hiện tốt công tác huấn luyện định kỳ, nâng cấp, chuyển loại, công tác tạo nguồn phi công cơ bản. Sử dụng có hiệu quả buồng lái mô phỏng SIM liên doanh với CAE.



- ▶ Chú trọng phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, phẩm chất chính trị vững vàng đảm bảo đáp ứng kế hoạch SXKD của Tổng công ty trong điều kiện khó khăn khi các hãng trong nước cạnh tranh khốc liệt để thu hút nguồn lực.

2.4 LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI

a. Vận chuyển hành khách

Công ty mẹ

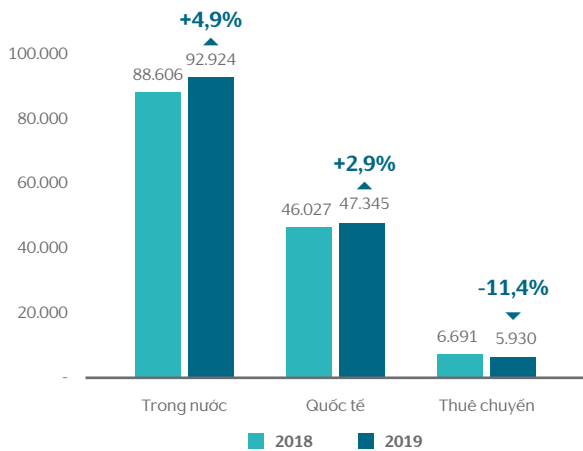
Trong năm 2019, Vietnam Airlines đã chủ động điều hành tăng/giảm tải cung ứng phù hợp với nhu cầu thị trường để tối ưu hóa doanh thu và giảm chi phí, tăng cường bán dịp cao điểm để tăng thu.

Đối với mạng bay quốc tế, bên cạnh việc mở đường bay mới tăng cường khai thác đến khu vực thị trường trọng điểm Đông Bắc Á cũng như tăng tải đối với thị trường Trung Quốc, Vietnam Airlines đã linh hoạt điều chỉnh phương án khai thác giữa các nhóm đường bay Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc và Úc để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

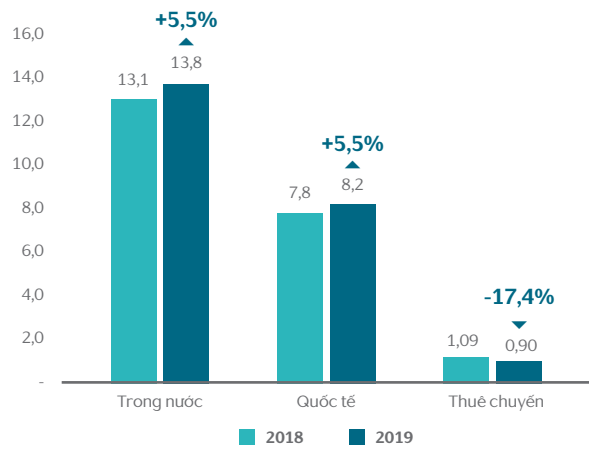
Trên mạng bay nội địa, Vietnam Airlines triển khai một loạt các biện pháp củng cố sản phẩm trên đường bay quan trọng nhất Hà Nội – TP. HCM với các chuyến bay hàng ngày phối hợp sản phẩm Vietnam Airlines và JPA.

Trên các đường bay nội địa quan trọng khác như từ Hà Nội/TP. HCM đi/đến Đà Nẵng, Vietnam Airlines cũng liên tục theo dõi diễn biến thị trường, điều hành tải linh hoạt để tận dụng cơ hội, điều hành thu suất đơn vị bám sát thị trường, tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh.

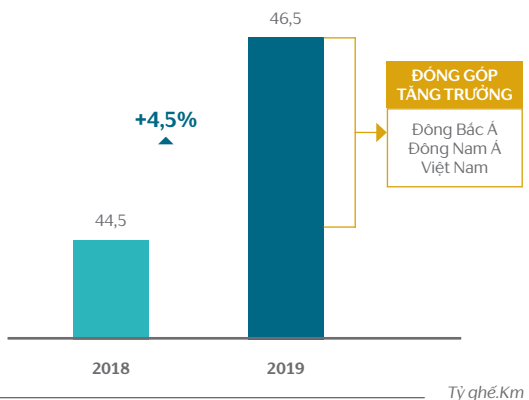
TỔNG SỐ CHUYẾN BAY 146.199 Chuyến bay **+ 3,4%**



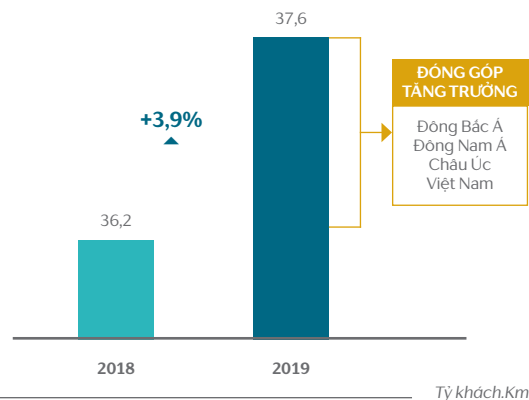
TỔNG SỐ HÀNH KHÁCH 22,9 Triệu khách **+ 4,6%**



TỔNG SẢN LƯỢNG KHAI THÁC **ASK**

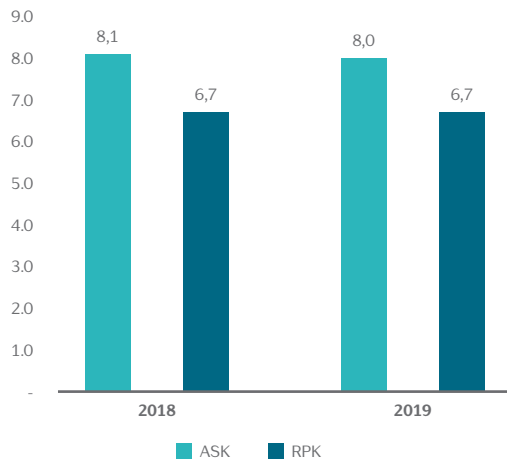


TỔNG SẢN LƯỢNG KHAI THÁC **RPK**



SẢN LƯỢNG KHAI THÁC

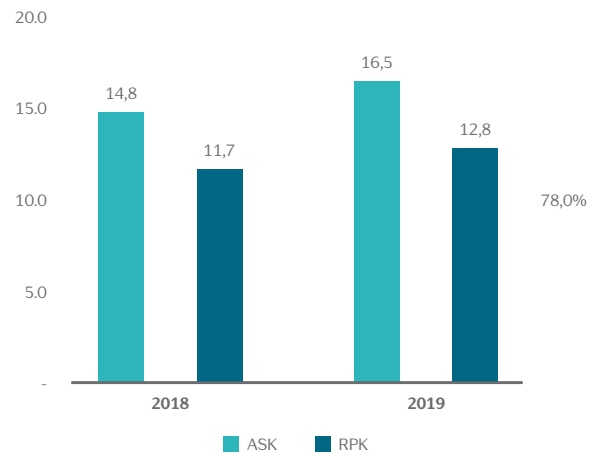
CHÂU ÂU



ASK: Tỷ ghế.Km
RPK: Tỷ khách.Km

SẢN LƯỢNG KHAI THÁC

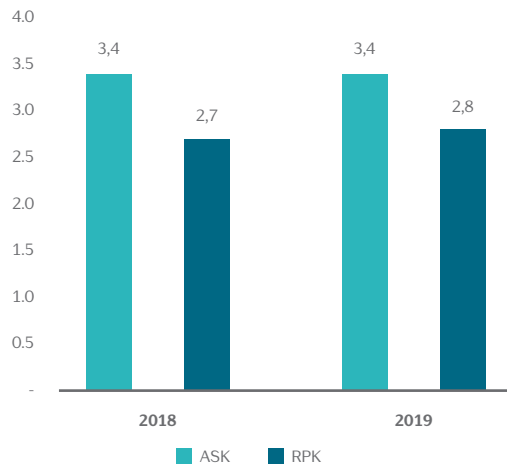
ĐÔNG BẮC Á



ASK: Tỷ ghế.Km
RPK: Tỷ khách.Km

SẢN LƯỢNG KHAI THÁC

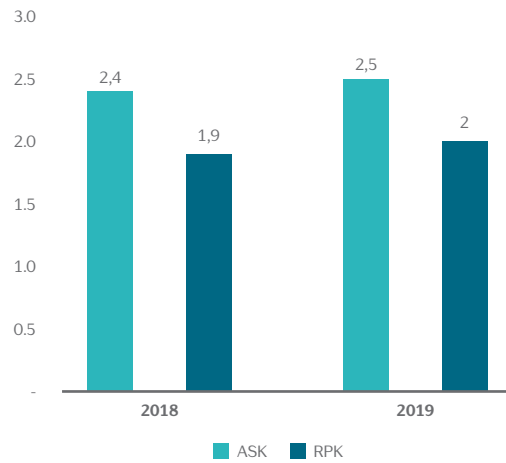
CHÂU ÚC



ASK: Tỷ ghế.Km
RPK: Tỷ khách.Km

SẢN LƯỢNG KHAI THÁC

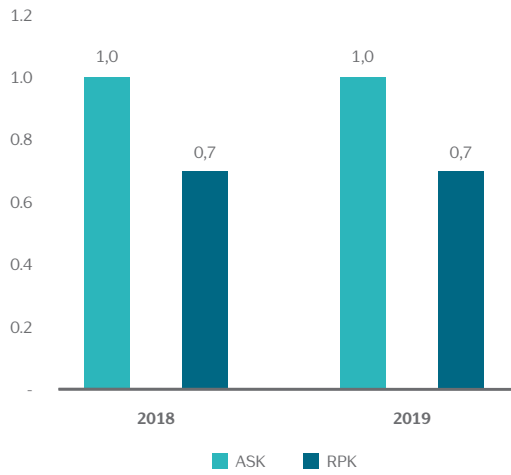
ĐÔNG NAM Á



ASK: Tỷ ghế.Km
RPK: Tỷ khách.Km

SẢN LƯỢNG KHAI THÁC

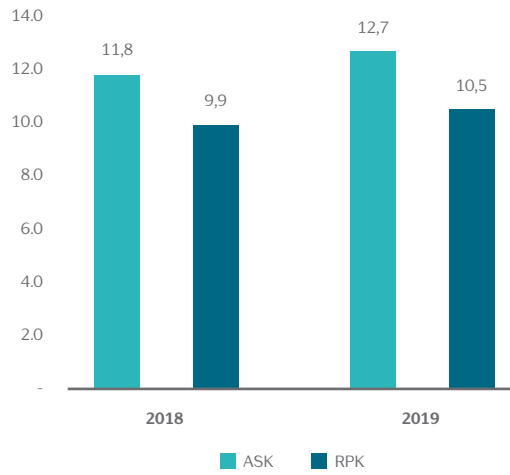
ĐÔNG DƯƠNG



ASK: Tỷ ghế.Km
RPK: Tỷ khách.Km

SẢN LƯỢNG KHAI THÁC

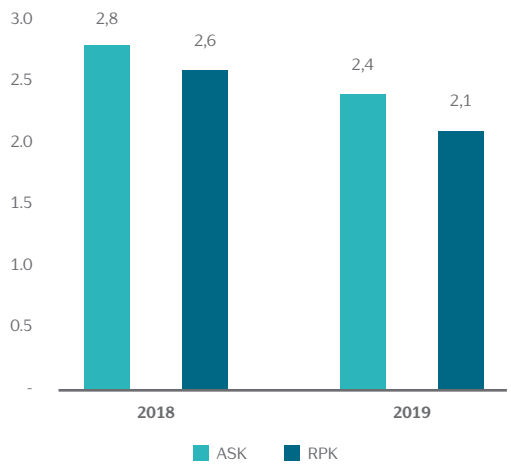
VIỆT NAM



ASK: Tỷ ghế.Km
RPK: Tỷ khách.Km

SẢN LƯỢNG KHAI THÁC

THUÊ CHUYỂN

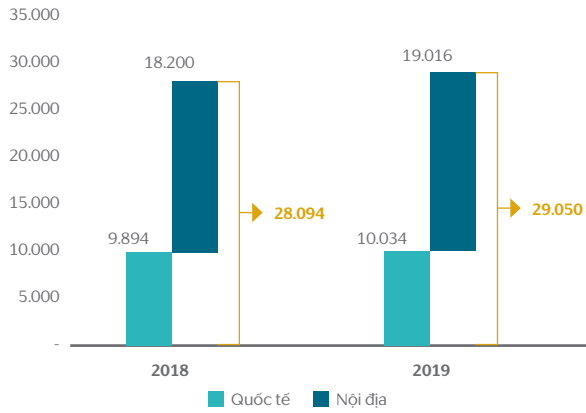


ASK: Tỷ ghế.Km
RPK: Tỷ khách.Km

VNA Group

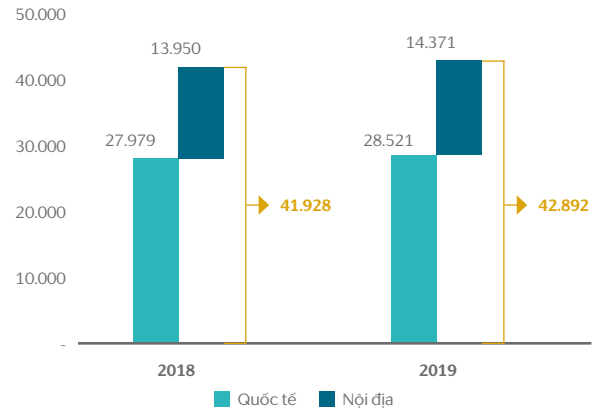
LUỢT KHÁCH

+3,4%



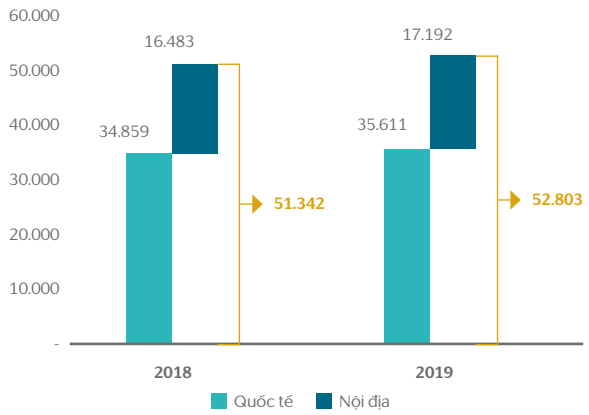
RPK

+2,3%



ASK

+2,8%



THỊ PHẦN DẪN ĐẦU (*)



(*) Thị phần không bao gồm thuê chuyên

b. Vận chuyển hàng hóa, bưu kiện

Tổng thị trường hàng hóa Việt Nam năm 2019 không tăng trưởng như dự báo chỉ tăng trưởng 3,2% so với 2018 (quốc tế tăng 3,6%, nội địa tăng 1,9%), cạnh tranh vẫn tiếp tục gia tăng. Trong bối cảnh đó, Vietnam Airlines đã điều hành linh hoạt các chính sách bán, tăng bán hàng giá cao, đẩy mạnh bán mạng, bán fill-up chuyến bay...

	ĐƠN VỊ TÍNH	2018	2019	2019/2018
Sản lượng vận chuyển	Tấn	341.586	347.012	+1,6%
Nội địa	Tấn	162.294	160.553	-1,07%
Quốc tế	Tấn	178.597	185.984	+4,14%
Thuê chuyến	Tấn	695	475	-31,65%

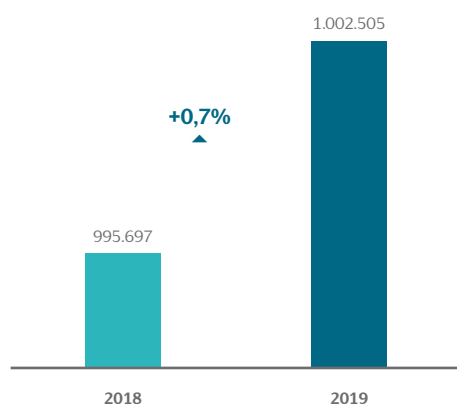
ĐÁNH GIÁ PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG KHAI THÁC THEO KHU VỰC

TT	CHỈ TIÊU	RFTK			AFTK			LOAD FACTOR		
		2018	2019	Chênh lệch	2018	2019	Chênh lệch	2018	2019	Chênh lệch
1	Châu Âu	371.844	357.267	-3,9%	401.292	385.232	-4,0%	92,7%	92,7%	0,0%
2	Châu Úc	120.792	126.248	4,5%	166.786	156.421	-6,2%	72,4%	80,7%	11,5%
3	Đông Bắc Á	312.806	330.571	5,7%	463.265	509.025	9,9%	67,5%	64,9%	-3,9%
4	Đông Nam Á	23.856	25.512	6,9%	30.296	36.359	20,0%	78,7%	70,2%	-10,8%
5	Đông Dương	901	801	-11,1%	5.159	4.824	-6,5%	17,5%	16,6%	-5,1%
6	Việt Nam	165.498	162.106	-2,0%	254.509	223.824	-12,1%	65,0%	72,4%	11,4%
	TỔNG	995.697	1.002.505	0,7%	1.321.307	1.315.685	-0,4%	75,4%	76,2%	1,1%

Đơn vị tính: Nghìn tấn.km

TỔNG SẢN LƯỢNG KHAI THÁC

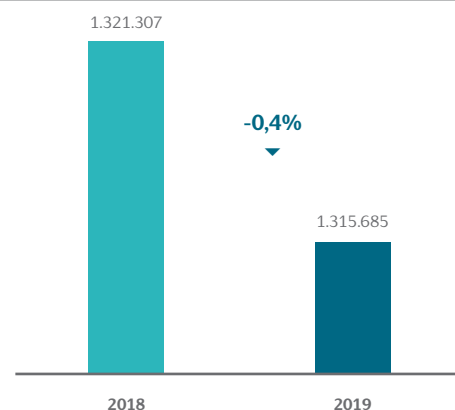
RFTK



Nghìn tấn.Km

TỔNG SẢN LƯỢNG KHAI THÁC

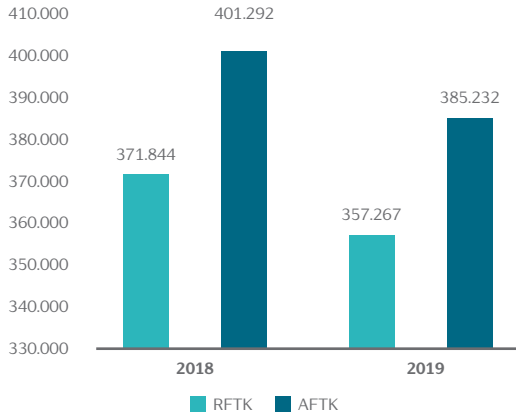
AFTK



Nghìn tấn.Km

SẢN LƯỢNG KHAI THÁC

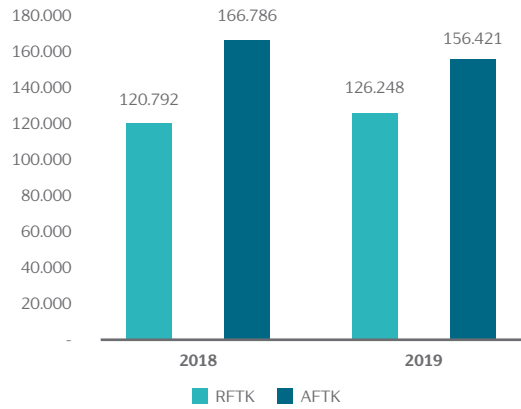
CHÂU ÂU



RFTK, AFTK: Nghìn tấn.Km

SẢN LƯỢNG KHAI THÁC

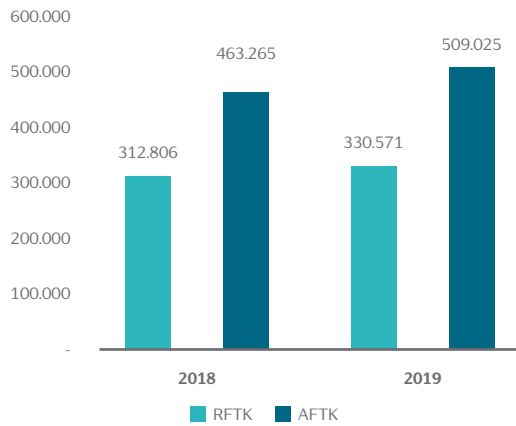
CHÂU ÚC



RFTK, AFTK: Nghìn tấn.Km

SẢN LƯỢNG KHAI THÁC

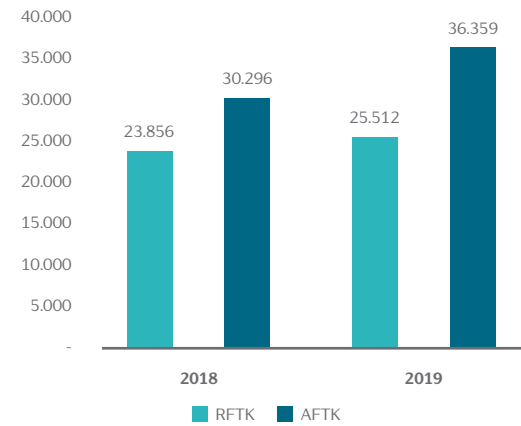
ĐÔNG BẮC Á



RFTK, AFTK: Nghìn tấn.Km

SẢN LƯỢNG KHAI THÁC

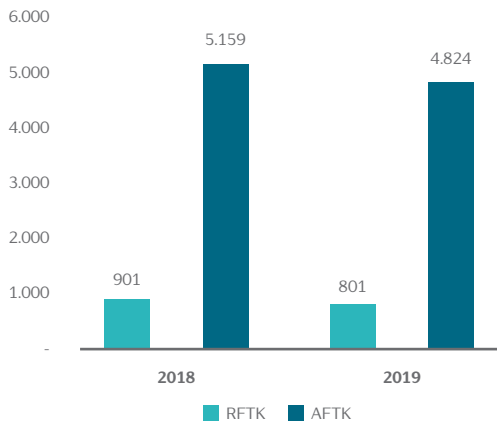
ĐÔNG NAM Á



RFTK, AFTK: Nghìn tấn.Km

SẢN LƯỢNG KHAI THÁC

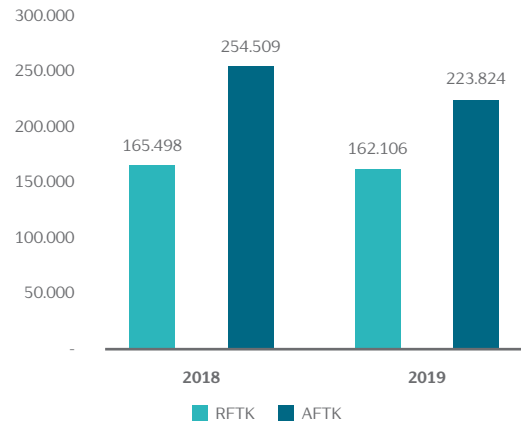
ĐÔNG DƯƠNG



RFTK, AFTK: Nghìn tấn.Km

SẢN LƯỢNG KHAI THÁC

VIỆT NAM



RFTK, AFTK: Nghìn tấn.Km

c. Chương trình Khách hàng thường xuyên (Lotusmiles)

Chương trình Bông Sen Vàng tiếp tục có sự tăng trưởng mạnh mẽ về số lượng hội viên và đã đạt mốc 3 triệu hội viên vào ngày 31/12/2019. Để đạt được kết quả như trên, chương trình Bông Sen Vàng đã triển khai nhiều cách thức nhằm thu hút đông đảo khách hàng tham gia, cụ thể:

- ▶ Các chương trình ưu đãi thu hút hội viên mới gia nhập.
- ▶ Phát triển hội viên tại quầy check-in ở 3 sân bay lớn trong nước (Nội Bài, Tân Sơn Nhất và Đà Nẵng).
- ▶ Phát triển hội viên qua chi nhánh, đại lý, đối tác dưới hình thức nhân viên giới thiệu hội viên.
- ▶ Phát triển hội viên qua đại lý bán vé online OTA.
- ▶ Phát triển hội viên thông qua các tập khách hàng của đối tác như Grab, Mytour...
- ▶ Hợp tác với các cơ quan tổ chức, các trường đại học: Tăng cường truyền thông để phát triển hội viên trong nội bộ các cơ quan này.
- ▶ Phát triển hội viên tại các sự kiện lớn trong và ngoài nước như Festa Hồ Gươm, VITM, các sự kiện do chi nhánh Nhật, Đài Loan, Anh tổ chức.

Chương trình đã không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ, đồng thời áp dụng nhiều ưu đãi mới:

- ▶ Triển khai chức năng mua vé máy bay bằng dặm và tiền.
- ▶ Mở rộng đăng ký hội viên trẻ em: Trẻ em từ 2 tuổi trở lên được gia nhập Bông Sen Vàng, thay vì từ 16 tuổi như trước đây.
- ▶ Ưu đãi dịch vụ: Vé hành lý, hội viên hạng Bạch Kim được mang thêm 2 kiện (tổng 46kg) thay vì 25 kg như trước đây. Hội viên Vàng và Titan được mang thêm 1 kiện (23kg), thay vì 15 kg và 10kg như trước đây.
- ▶ Lợi ích cộng dặm: Thêm các hạng ghế với giá vé Tiết kiệm và Siêu tiết kiệm được cộng dặm Bông Sen Vàng.
- ▶ Trả thưởng: Mở rộng ưu đãi lấy thưởng người thân dành cho hội viên hạng thẻ Titan. Trước đây, chỉ hội viên hạng thẻ Bạch Kim và Vàng mới được lấy thưởng cho người thân.
- ▶ Hội viên Triệu dặm: Triển khai ưu đãi dành cho hội viên đạt được từ 1 triệu dặm xét hạng trở lên trên các chuyến bay của Vietnam Airlines kể từ khi gia nhập chương trình. Hội viên được nhận thẻ Bạch Kim thời hạn 5 năm với đầy đủ các ưu đãi dành cho hội viên hạng Bạch Kim. Ngoài ra, hội viên còn được nhân viên hàng không hỗ trợ đặc biệt khi làm thủ tục chuyển bay, xuất cảnh, khu vực an ninh, phòng khách Bông Sen, cửa ra máy bay, trên chuyến bay ... đối với các chuyến bay quốc tế xuất phát từ Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh.
- ▶ Hội viên được chuyển đổi dặm thưởng sang dặm/chuyến bay xét hạng để nâng hạng thẻ.
- ▶ Ngoài ra, chương trình Bông Sen Vàng đã triển khai nhiều ưu đãi khác từ các đối tác của chương trình: Giảm giá phòng khách sạn, ẩm thực...

Trong lĩnh vực hợp tác, chương trình Bông Sen Vàng có một mạng lưới gồm 21 đối tác hàng không và 52 đối tác thương hiệu nổi tiếng trong và ngoài nước thuộc nhiều lĩnh vực đa dạng (tài chính, ngân hàng, viễn thông, khách sạn, du lịch, thuê xe, mua sắm, làm đẹp...) mang đến cho hội viên nhiều cơ hội trải nghiệm khác biệt và thú vị.



2.5 LĨNH VỰC DỊCH VỤ

Trong năm 2019, Vietnam Airlines tiếp tục cải tiến, nâng cấp các sản phẩm dịch vụ mặt đất và trên không.

a. Các cải tiến trong công tác dịch vụ mặt đất

- ▶ Vietnam Airlines tập trung duy trì và cải thiện chất lượng dịch vụ mặt đất theo hướng tăng cường áp dụng các giải pháp công nghệ, bắt kịp với xu hướng của các hãng hàng không tiên tiến trên thế giới, cải thiện dịch vụ nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.
- ▶ Đối với dịch vụ làm thủ tục trước chuyến bay: bên cạnh nhiều hình thức đã áp dụng như check-in qua website, ứng dụng di động của Vietnam Airlines, Kiosk check-in và In-Town check-in; Vietnam Airlines tiếp tục triển khai thêm dịch vụ Telephone check-in, Auto check-in tại Hà Nội và TP. HCM, triển khai phục vụ quầy thủ tục Family check-in tại các sân bay trong và ngoài nước. Ngoài ra, trong năm 2019, Vietnam Airlines mở rộng Kiosk check-in tại các sân bay nước ngoài (Chubu, Haneda, Narita...); triển khai Sabre DCS tới các sân bay Sheremetyevo, Sydney, Melbourne...
- ▶ Việc tập trung đầu tư công nghệ giúp Vietnam Airlines luôn duy trì hệ thống làm thủ tục ổn định (đạt 99,99% trên toàn hệ thống), đồng thời giúp hành khách tiết kiệm thời gian làm thủ tục và thời gian chờ tại sân bay. Tỷ lệ khách làm thủ tục thông qua các kênh trực tuyến và các khu vực Kiosk check-in liên tục tăng trong



năm 2019 và đạt mức tương đối cao 49% tại Hà Nội và 51% tại TP. HCM, đồng thời gia tăng trải nghiệm cá biệt hóa dịch vụ đối với khách hàng.

- ▶ Vietnam Airlines liên tục nghiên cứu và hoàn thiện dịch vụ tại các điểm tiếp xúc với khách hàng với các giải pháp mới như tổ chức boarding theo khu vực, mở rộng phạm vi hỗ trợ nối chuyến quốc tế - nội địa, nội địa - nội địa tại các sân bay Nội Bài, Tân Sơn Nhất/sân bay ở Hà Nội, TP. HCM, Đà Nẵng với thời gian nối chuyến trong vòng 5 giờ, giảm thời gian chờ lấy hành lý và giảm tình trạng thất lạc hành lý... nhằm gia tăng sự hài lòng của khách hàng trong quá trình trải nghiệm dịch vụ.
- ▶ Nhằm hoàn thiện chuỗi sản phẩm dịch vụ đồng bộ từ mặt đất đến trên không, trong năm 2019, Vietnam Airlines đã xây dựng và đưa vào sử dụng phòng chờ quốc tế riêng của Vietnam Airlines mang tên “Phòng Khách Bông Sen” tại nhà ga quốc tế Đà Nẵng, hoàn thiện chuỗi các phòng chờ riêng tại 03 sân bay căn cứ Hà Nội, TP. HCM, Đà Nẵng, mang đến nhiều trải nghiệm dịch vụ đẳng cấp cho khách hạng Thương gia, khách thẻ và các khách ưu tiên trong liên minh SkyTeam khi đến Việt Nam.
- ▶ Nổi bật trong năm 2019, Vietnam Airlines liên tục đưa ra các chính sách dịch vụ linh hoạt tới khách hàng như lựa chọn mua ghế theo sở thích, chính sách hành lý theo hệ kiện, linh hoạt bán các sản phẩm phụ trợ phù hợp với xu thế mới của lĩnh vực hàng không và đáp ứng tối đa các phân khúc khách hàng và góp phần cải thiện doanh thu cho Vietnam Airlines.



b. Các cải tiến trong công tác dịch vụ trên không

▶ **Về dịch vụ suất ăn, đồ uống**

» Xác định ẩm thực là một trong những yếu tố quan trọng góp phần định vị thương hiệu Hãng hàng không Quốc gia và chất lượng dịch vụ 4 sao, Vietnam Airlines không ngừng tìm tòi, sáng tạo, đa dạng hóa thực đơn trên các chuyến bay nhằm gia tăng trải nghiệm của hành khách, đặc biệt là ở hạng Thương gia. Vietnam Airlines đã và đang nghiên cứu triển khai cải tiến thực đơn hạng Thương gia với các món ăn mang đậm dấu ấn ẩm thực Việt Nam trong chương trình hợp tác với vị Bếp trưởng nổi tiếng thế giới Luke Nguyen - Đại sứ ẩm thực toàn cầu của Hãng. Bên cạnh đó, Vietnam Airlines tiếp tục làm tốt sứ mệnh quảng bá, giới thiệu đặc sản cây trái theo vùng miền của Việt Nam bằng việc phục vụ thực đơn tráng miệng hạng Thương gia các loại hoa quả ngon đang vào chính vụ và đạt tiêu chuẩn VietGAP như nhân lồng Hưng Yên, vải thiều Thanh Hà, cam Cao Phong, cam Canh, xoài cát Hòa Lộc, dưa lưới Tây Ninh, bưởi da xanh...



» Trong năm 2019, Vietnam Airlines đã đổi mới các bộ thực đơn hạng Thương gia trên các chuyến bay nội địa và các đường bay quốc tế về Việt Nam. Các bộ thực đơn mới có chất lượng tốt, cập nhật các xu hướng ẩm thực, sở thích của hành khách và chú trọng yếu tố đưa đặc sản địa phương của Việt Nam và các nước khác nhằm mang đến những trải nghiệm độc đáo cho khách hàng. Dấu ấn của các quốc gia



điểm đến (món ăn Nhật Bản, Hàn Quốc) cũng được Vietnam Airlines chú trọng nhằm mang đến các trải nghiệm độc đáo gắn với các vùng miền trên thế giới. Ngoài ra, Vietnam Airlines còn đào tạo các công ty suất ăn nước ngoài chế biến các món ăn đặc trưng Việt Nam để cấp lên các chuyến bay từ nước ngoài về như bánh tráng cuốn tôm dùm kèm với nước mắm chua ngọt, cơm gà Hội An, nem lụi...

► **Về giải trí trên chuyến bay**

- » Trong năm vừa qua, Vietnam Airlines đã thực hiện nâng cấp tổng thể chất lượng dịch vụ giải trí trên máy bay với tổng thời lượng của các chương trình giải trí đã tăng lên hơn 600 giờ bay gồm phim bom tấn Hollywood, phim đa dạng nhiều thể loại: hành động, hài, tâm lý, thể thao, trẻ em, gameshow... Để giới thiệu dịch vụ giải trí phong phú và đa dạng, cuốn thông tin giải trí (LotuStar) cũng đã được thiết kế mới. Bên cạnh đó, Vietnam Airlines đã mở rộng dịch vụ giải trí không dây (wireless-streaming) trên toàn bộ đội bay thế hệ mới Airbus A321neo, nâng cấp dịch vụ với số lượng chương trình tăng gấp 5-6 lần so với trước đây.
- » Với mục tiêu hoàn thiện và nâng tầm chất lượng dịch vụ 4 sao, Vietnam Airlines đã giới thiệu dịch vụ Wifi kết nối Internet trên 04 máy bay Airbus A350, góp phần làm tăng thêm các trải nghiệm phong phú cho khách hàng.
- » Từ 20/12/2019, Vietnam Airlines và FPT Telecom ký kết hợp tác triển khai ứng dụng FPT Play dành cho hành khách đi trên các chuyến bay nội địa do Vietnam Airlines khai thác, mang đến cho hành khách thêm một trải nghiệm giải trí độc đáo trước, trong và sau chuyến bay nội địa của Vietnam Airlines.

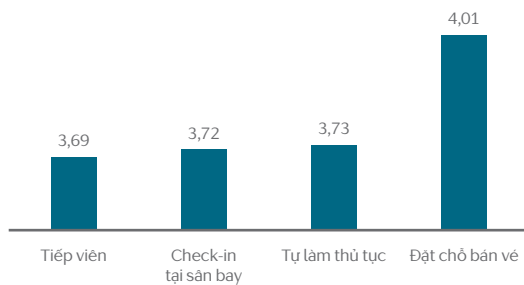


► **Về vật tư vật phẩm phục vụ hành khách**

- Vật tư vật phẩm cũng được nâng cấp như tấm trải ghế, chân chần bông hai lớp tại khoang hạng Thương gia hứa hẹn những chi tiết tinh tế góp phần hoàn thiện trải nghiệm của hành khách trên các chuyến bay đường dài.



CHỈ SỐ HÀI LÒNG KHÁCH HÀNG (CSI)



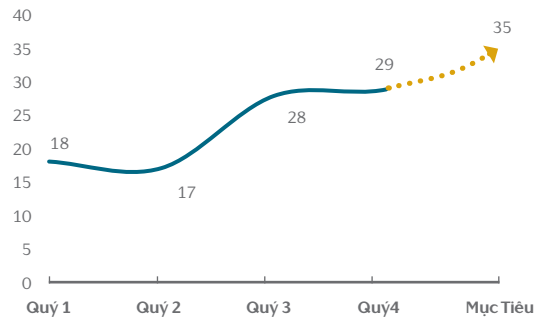
- ▶ **Các chỉ số đánh giá hài lòng của khách hàng**
 Năm 2019, chỉ số thiện cảm khách hàng NPS (Net Promoter Score) năm 2019 đạt 23 điểm, ở mức cao so với trung bình của ngành hàng không (8 điểm – theo đánh giá của IATA trên tuyến đường bay châu Á và châu Âu). Chỉ số NPS liên tục được cải thiện qua từng quý trong năm 2019, thể hiện sự tin tưởng, yêu thích và tiếp tục sử dụng dịch vụ của khách hàng đối với Vietnam Airlines.

Chỉ số hài lòng tổng thể (Customer Satisfaction Index) trung bình năm 2019 đạt 3,76 điểm, tăng so với mức 3,75 của năm 2018. Các điểm tiếp xúc khách hàng đạt CSI cao bao gồm Đặt chỗ bán vé (truyền thống), Check-in tại sân bay, Tự làm thủ tục và Tiếp viên.

- ▶ **Định hướng phát triển chất lượng dịch vụ 5 sao trong tương lai**

- » Đảm bảo chất lượng dịch vụ ổn định, bền vững – Nâng cấp chất lượng có trọng tâm, trọng điểm – Tập trung tăng doanh thu, giảm chi phí;

CHỈ SỐ THIỆN CẢM KHÁCH HÀNG (NPS)



- » Đa dạng hóa dịch vụ theo hướng cá nhân hóa và tự động hóa trải nghiệm của khách hàng. Tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp tiêu chuẩn theo cam kết với Skytrax, đón đầu xu hướng dịch vụ mới;
- » Tiếp tục nâng cấp các sản phẩm dịch vụ mặt đất và trên không; đa dạng hóa các dịch vụ, tận dụng tối đa các giải pháp công nghệ trong quá trình tạo sản phẩm, dịch vụ nhằm hoàn thiện các sản phẩm, đáp ứng nhu cầu, sở thích của khách hàng;
- » Tiếp tục hoàn thiện hệ thống, thuê đối tác tư vấn về dịch vụ 5 sao và hợp tác với ANA Holdings Inc. trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ;
- » Xây dựng đội ngũ tiếp viên hàng không với phong cách phục vụ chuyên nghiệp, tận tình, mang bản sắc Việt Nam và là đại sứ thương hiệu đưa hình ảnh của Việt Nam và Vietnam Airlines ra với thế giới;
- » Chú trọng và nâng cao công tác nghiên cứu thị trường, quản trị chất lượng và trải nghiệm khách hàng để hiểu rõ được nhu cầu và chủ động đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của hành khách.



2.6 LĨNH VỰC KỸ THUẬT

a. Các chương trình bảo dưỡng sửa chữa đội máy bay

- ▶ Vietnam Airlines đang tự thực hiện tất cả các nội dung đảm bảo kỹ thuật cho đội máy bay đang khai thác ATR 72/A321/A350/B787 bao gồm bảo dưỡng nội trường và bảo dưỡng ngoại trường.
- ▶ Đối với bảo dưỡng nội trường Vietnam Airlines có khả năng thực hiện tất cả các loại định kỳ hạng nặng cho ATR42/72, bảo dưỡng tất cả các dạng C-check cho A319/A320/A321, bảo dưỡng đến 2C-check cho A350 và bảo dưỡng B787 đến 18000 FH, 6000 FC, 3 years.
- ▶ Chương trình Equalized check đã hoàn thành cho định kì dạng A của đội máy bay A321. Chương trình phi công kỹ số và dịch vụ On-call được triển khai tại các sân bay nước ngoài giảm thiểu nhân lực kỹ thuật cao bay theo chuyến bay.
- ▶ Vietnam Airlines cũng thực hiện các dự án bảo dưỡng tân trang máy bay để bán, bàn giao trả cho đối tác thuê. Năm 2019 đã thực hiện bán 01 máy bay A321, bảo dưỡng trả 01 máy bay A321 với nội dung bảo dưỡng và thực hiện các cải tiến rất lớn. Bên cạnh đó VAECO (công ty con của Vietnam Airlines) cũng cung cấp dịch vụ bảo dưỡng tân trang để trả các máy bay của đối tác nước ngoài (bảo dưỡng trả 02 máy bay B777 cho Hãng hàng không quốc gia Bangladesh – Biman).



- ▶ Công tác bảo dưỡng nội thất luôn được quan tâm, Vietnam Airlines đã nhận chứng chỉ 4 sao Skytrax 4 năm liên tiếp. Công tác quản trị, điều hành được tối ưu hóa, tăng tỷ lệ sửa chữa nhiều hơn thay mới làm giảm thời gian khắc phục hỏng hóc và tiết kiệm chi phí.
- ▶ Năm 2019 Vietnam Airlines cũng thử nghiệm triển khai E-Techlog (nhật ký kỹ thuật điện tử) trên đội máy bay A350 để nâng cao hiệu quả quản lý bảo dưỡng máy bay và năng suất lao động.
- ▶ Đối với bảo dưỡng ngoại trường hiện tại Vietnam Airlines ngoài việc cung cấp dịch vụ cho đội máy bay Vietnam Airlines đang khai thác còn mở rộng cung cấp cho gần 80 hãng hàng không quốc tế đang khai thác đến Việt Nam.

b. Hợp tác liên doanh với cơ sở bảo dưỡng, sửa chữa máy bay lớn trong nước và quốc tế để nâng cao năng lực bảo dưỡng sửa chữa

Vietnam Airlines đã triển khai liên doanh (JV) về bảo dưỡng trang thiết bị máy bay với đối tác STA của Singapore với mục tiêu thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị hỏng hóc trên đội máy bay của Vietnam Airlines và các hãng khác trong khu vực. JV đã bắt đầu hoạt động từ QII/2019. Ngoài ra, với mục tiêu trở thành một trung tâm sửa chữa bảo dưỡng MRO lớn trong khu vực, Vietnam Airlines đang tiếp tục đàm phán với một số MRO và các hãng hàng không lớn trên thế giới để triển khai liên doanh về bảo dưỡng thân cánh máy bay tại Việt Nam để nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng dịch vụ kỹ thuật.

c. Các giải pháp cải thiện, nâng cao hiệu suất sử dụng máy bay, giảm chi phí

Vietnam Airlines đã và đang triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng máy bay với chi phí tối ưu như:

- ▶ Tiếp tục thực hiện các chương trình kỹ thuật cơ bản (AD/SB, MOD) để nâng cao độ tin cậy thiết bị, hệ thống máy bay, xây dựng chương trình tổng thể để cải thiện bảo dưỡng - sửa chữa và tìm kiếm hỏng hóc, duy trì và cải thiện công tác phối hợp Khối Khai thác bay – Kỹ thuật, sử dụng hiệu quả đài VHF, sử dụng AHM/Airman, ADEM trong công tác đánh chặn, bảo dưỡng phòng ngừa, đưa ứng dụng số (Skywise) vào sử dụng để phát hiện sớm các hỏng hóc tiềm ẩn.
- ▶ Tiếp tục triển khai chương trình Equalized check cho dạng định kỳ C1 của đội bay A321 để phân bổ đều các nội dung bảo dưỡng thực hiện vào ban đêm, giảm các định kỳ dạng block-check qua đó tăng thời gian sử dụng máy bay vào khai thác.
- ▶ Giám sát chặt chẽ các hợp đồng cung ứng và bảo dưỡng, các hợp đồng trợ giúp sản phẩm của nhà sản xuất máy bay, động cơ; để khiếu nại, sử dụng đầy đủ triệt để các trợ giúp sản phẩm và bảo hành sau khi cung cấp sản phẩm và dịch vụ nhằm giảm chi phí bảo dưỡng trực tiếp.
- ▶ Cập nhật thường xuyên các benchmark của từng chỉ số để so sánh, phản hồi kịp thời, điều chỉnh các hoạt động bảo dưỡng theo phương án tối ưu nhất.

d. Định hướng phát triển cơ sở bảo dưỡng của Vietnam Airlines và VAECO

- ▶ Khối kỹ thuật của Vietnam Airlines sẽ đẩy mạnh triển khai các chương trình mở rộng năng định về bảo dưỡng máy bay, thiết bị thông qua liên doanh với các đối tác lớn trên thế giới, tiến tới làm chủ các công nghệ tiên tiến, có khả năng thực hiện các công việc có hàm lượng chất xám cao trong ngành hàng không.
- ▶ Thực hiện toàn bộ các dạng bảo dưỡng, sửa chữa máy bay kể các định kỳ lớn dạng nặng của các máy bay đang khai thác trong đội máy bay của Vietnam Airlines.
- ▶ Áp dụng các phương pháp quản lý tiên tiến vào quản lý bảo dưỡng, quản lý khả phi và cấu hình kỹ thuật đội máy bay.



- ▶ Mở rộng năng lực về hangar, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên kỹ thuật tham gia các công đoạn trong bảo dưỡng, sửa chữa máy bay để mở rộng khả năng cung ứng dịch vụ cho các khách hàng ngoài Vietnam Airlines.

e. Các chỉ số ấn tượng, nổi bật liên quan đến hoạt động kỹ thuật

- ▶ Trong năm 2019 Vietnam Airlines đã thực hiện được khối lượng lớn các công việc góp phần vào hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn tuyệt đối. Cụ thể:

KPI (%)	12 THÁNG NĂM 2019
ARL	94,18
DR A321	99,50
DR A350	99,58
DR B787	99,04
DR ATR 72	99,67

- ▶ Bảo dưỡng máy bay
 - » Bảo dưỡng ngoại trường: Đảm bảo kỹ thuật cho 288.818,89 giờ bay (trong đó bao gồm A321: 174.862,14 FH, A350: 56.351,91 FH, B787: 47.563,39 FH và ATR 72: 10.041,45 FH).
 - » Bảo dưỡng nội trường:

LƯỢT CHECK	A321	A350	B787	ATR 72	A330
A check		119	126	26	9
Phase check	732				
C check	89	14	8	9	
Check khác				9	1

2.7 AN TOÀN – AN NINH

- ▶ Năm 2019, số sự cố/vụ việc giảm so với năm 2018, không có sự cố loại B, giảm 1 so với năm 2018, có 02 sự cố loại C, giảm 01 so với năm 2018 và 05 sự cố loại D, tăng 02 so với 2018. KPI là 9,73 đạt và thấp hơn nhiều so với mục tiêu đề ra (MT: 10.52). Hoàn thành mục tiêu KPI do Ủy ban An toàn Tổng công ty đã đề ra, đảm bảo tuyệt đối an toàn hoạt động SXKD.
- ▶ Các sự cố/vụ việc phải báo cáo Cục Hàng không Việt Nam theo quy định chủ yếu là vụ việc loại E. Các sự cố/vụ việc xảy ra liên quan đến độ tin cậy của thiết bị đều được thống kê, theo dõi, đánh giá và trao đổi trực tiếp với nhà sản xuất để có giải pháp bổ sung và tăng cường kiểm soát an toàn kịp thời.
- ▶ Các sự cố/vụ việc có nguyên nhân từ môi trường bên ngoài như chim va, đặc biệt là các vụ việc liên quan đến FOD, Tổng công ty đã kịp thời có các giải pháp đảm bảo an toàn khi phát hiện rủi ro tiềm ẩn đối với động cơ máy bay A321neo về vấn đề gián đoạn khai thác.
- ▶ Các vụ việc phần chìm (tỷ lệ Event/10.000 chuyến bay của tất cả Level 1,2,3 giảm so với 2018 và đạt mục tiêu đề ra.
- ▶ Đã thực hiện tốt một số chương trình công tác lớn như: gia hạn thành công Chứng chỉ IOSA lần thứ 7 của IATA, Chứng chỉ AOC của Cục Hàng không Việt Nam; thực hiện; duy trì chứng chỉ đủ điều kiện bay cho các máy bay của Tổng công ty; vận hành Hệ thống quản lý An toàn chất lượng tổng thể góp phần hoàn thiện Hệ thống Quản lý an toàn của Tổng công ty; Chương trình VHAT và đảm bảo tuyệt đối an toàn các chuyến bay chuyên cơ phục vụ Lãnh đạo Đảng và Nhà nước đi công tác trong và ngoài nước.

TUYÊN BỐ VỀ XÂY DỰNG VĂN HÓA AN TOÀN TẦM NHÌN 2025

01 AN TOÀN LÀ NGUYÊN TẮC SỐ 1

02

03

04

05

06

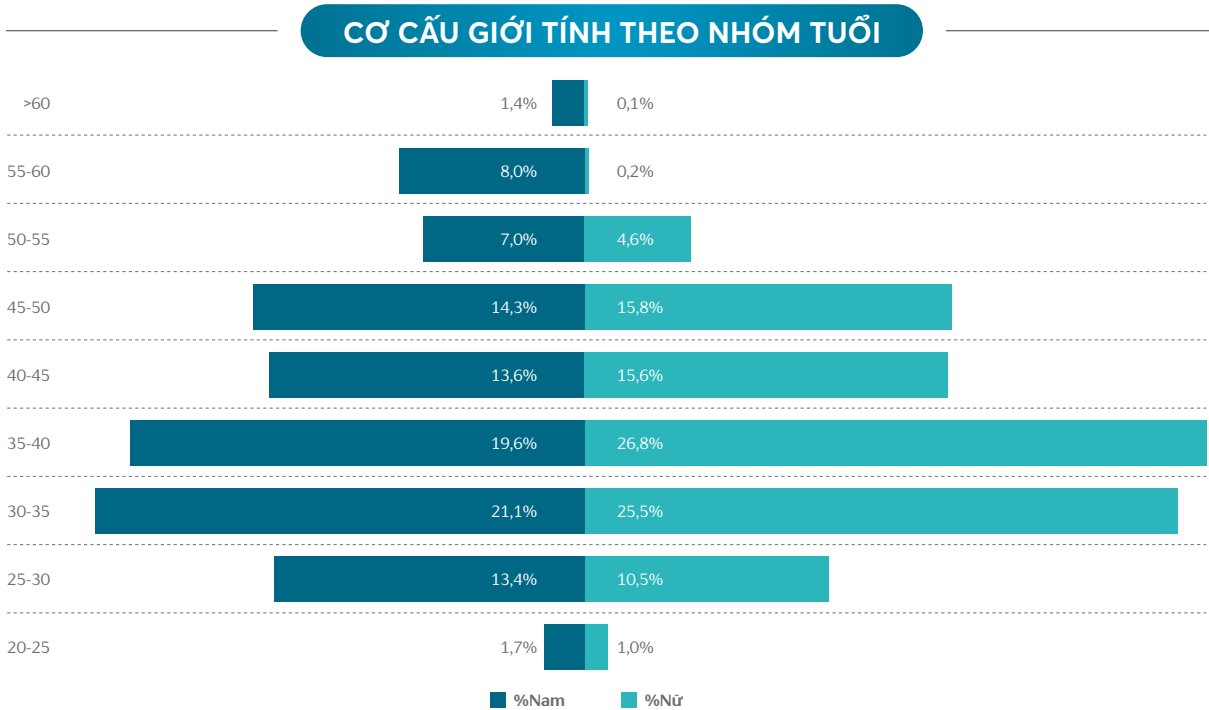
07

VIETNAM AIRLINES

2.8 QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

a. Lao động

Đến 31/12/2019, tổng số lao động hợp nhất là 21.255 người, trong đó lao động của Vietnam Airlines là 6.409 người. Nguồn lao động Vietnam Airlines tiếp tục theo xu hướng trẻ hóa và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là lao động đặc thù như phi công, tiếp viên, kỹ sư và thợ kỹ thuật máy bay được chú trọng phát triển về số lượng lẫn chất lượng, từng bước giảm tỷ lệ sử dụng lao động nước ngoài, đáp ứng tốt các yêu cầu sản xuất kinh doanh và hoạt động vận tải hàng không.



Năng suất lao động

CHỈ TIÊU NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG	NĂM 2019	
	GIÁ TRỊ	TĂNG TRƯỞNG SO VỚI 2018
Tính theo RTK	688 tỷ tấn.km/lao động	↑ 5,9%

Đạt được kết quả nêu trên là do Vietnam Airlines đã sử dụng hiệu quả lao động, tổ chức lại bộ máy, duy trì ổn định và điều hành linh hoạt đội ngũ lao động, chú trọng đào tạo phát triển lao động đặc thù (phi công, kỹ sư kỹ thuật máy bay). Qua đó, dù sản lượng chuyến bay, hành khách tăng, với lượng lao động không tăng, Vietnam Airlines vẫn đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh, phục vụ hành khách an toàn, năng suất lao động theo RPK đều tăng qua các năm.

b. Tiền lương, thu nhập

Để thu hút và duy trì lực lượng lao động, đặc biệt lao động quản lý, kỹ sư, chuyên viên, lao động đặc thù như phi công, tiếp viên, trong những năm qua Vietnam Airlines đã liên tục thực hiện chương trình cải cách chế độ tiền lương, tiền thưởng nhằm tăng thu nhập cho người lao động; hoàn thiện chính sách phân phối thu nhập. Tính từ năm 2016 đến nay, mức tăng thu nhập tiền lương của người lao động đạt từ 5% đến 20% tùy theo chức danh công việc.

Trong năm 2019, Tổng công ty đã triển khai 02 đợt tăng lương đối với phi công (từ 01/6/2019, 01/9/2019) và thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động trong đó tiếp tục triển khai chế độ bảo hiểm hưu trí tự nguyện và bảo hiểm sức khỏe. Đồng thời, trong năm 2019 Tổng công ty đã hoàn thiện Đề án thí điểm đổi mới cơ chế quản lý tiền lương giai đoạn 2019 - 2021 theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương.



c. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực được xác định là yếu tố cốt lõi để cạnh tranh, năm 2019 Vietnam Airlines tăng cường đào tạo phát triển nhân lực để góp phần thay đổi năng lực của toàn hệ thống.

Tổng công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác tạo nguồn, tuyển dụng lao động đặc thù phi công, tiếp viên, thợ kỹ thuật theo chiến lược phát triển nguồn nhân lực trung và dài hạn. Trong năm 2019 công tác đào tạo nhân lực cũng được Vietnam Airlines đặc biệt chú trọng với sự thành công của chuỗi Hội thảo “Thay đổi cùng thế giới”. Mỗi hội thảo đã đưa ra hàng ngàn ý tưởng, sáng kiến, trong đó nhiều đóng góp đã mang lại lợi ích lớn về SXKD cho Vietnam Airlines. Vietnam Airlines cũng đã tổ chức đào tạo các môn học An toàn – An ninh cho hơn 11.000 lượt phi công, tiếp viên, nhân viên điều hành khai thác, nhân viên khai thác mặt đất theo đúng yêu cầu IOSA và quy chế hàng không; tổ chức 05 lớp đào tạo Tiếng Anh trong năm 2019 tại New Zealand với 91 học viên là cán bộ, chuyên viên ưu tú của Tổng công ty; đào tạo 05 Thạc sỹ Khoa học (MSc) tại trường đại học Cranfield - Vương quốc Anh và ENAC.





d. Văn hóa doanh nghiệp

Giá trị Văn hóa doanh nghiệp của Vietnam Airlines đã được kết tinh trong 24 năm hình thành và phát triển. Trong quá trình bảo tồn và phát huy thể mạnh văn hóa tại nơi làm việc, Vietnam Airlines đã đưa ra hàng loạt các chương trình như Văn hóa an toàn, Văn hóa công sở, Tăng tốc thay đổi nhanh hơn cao hơn... làm cơ sở định hướng cho thái độ, tác phong và phương thức hành động của đội ngũ cán bộ, người lao động. Đồng thời, Vietnam Airlines cũng luôn chú trọng truyền tải thông điệp về giá trị văn hóa của Vietnam Airlines đến với khách hàng và cổ đông thông qua việc quảng bá hình ảnh thương hiệu có định hướng chiều sâu văn hóa.



2.9 TRUYỀN THÔNG, PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

Quảng cáo chiến lược



Quảng cáo chiến thuật

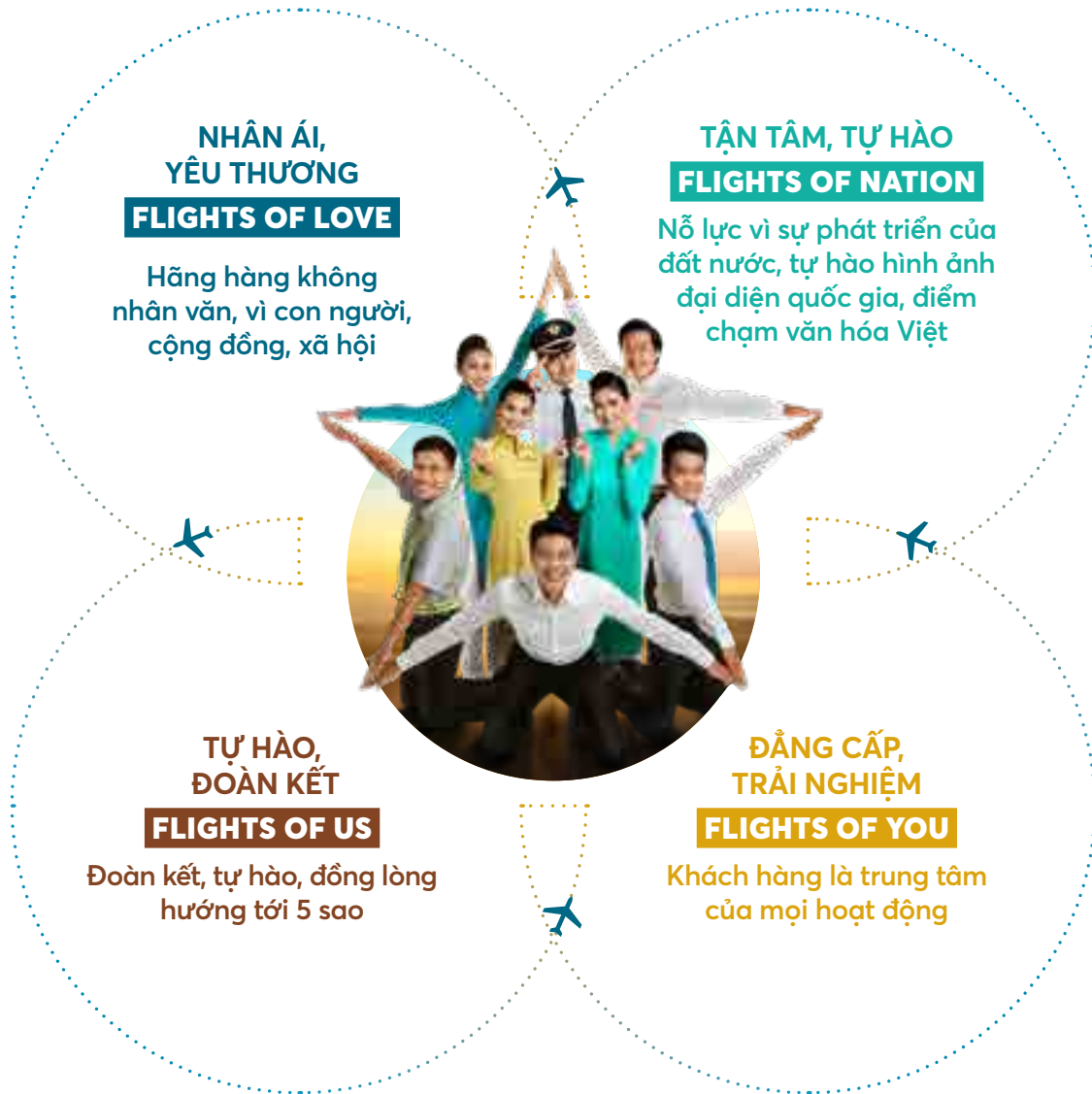


Trong giai đoạn 2019-2021, Tổng công ty sẽ tập trung phát triển thương hiệu Vietnam Airlines với định hướng lấy khách hàng làm trung tâm (customer-centric) để định hướng cho mọi hoạt động của Hãng.

Mục tiêu Vietnam Airlines hướng đến là những trải nghiệm bay thoải mái, những đường bay thuận tiện, nhiều lựa chọn về hành trình bay với chất lượng dịch vụ đẳng cấp, vượt trội, đáp ứng mọi nhu cầu của khách; khách hàng sẽ nhìn thấy hình ảnh một Vietnam Airlines thân thiện, gần gũi, cảm nhận được sự quan tâm, trách nhiệm ở tất cả các điểm tiếp xúc, xuyên suốt quá trình tiếp cận – sử dụng

sản phẩm dịch vụ, để thực sự nhận thấy lựa chọn bay với Vietnam Airlines là xứng đáng, từng bước giành niềm tin và tình yêu cho Vietnam Airlines, đặc biệt ở trong nước và ở cả các thị trường nước ngoài trọng điểm.

- ▶ **Năm 2019:** Hãng hàng không luôn nỗ lực vươn lên trên 4 sao.
- ▶ **Năm 2020-2021:** Là giai đoạn “phục hồi” sau đại dịch Covid-19, lấy trọng tâm là trải nghiệm thân thiện, gần gũi, đồng cảm, có trách nhiệm với đất nước và xã hội với vai trò là Hãng hàng không Quốc gia, luôn hướng đến khách hàng.



► **Hoạt động quảng cáo 2019:**

- » Chiến dịch quảng cáo truyền thông chiến lược với thông điệp “Thế giới đang thay đổi. Còn bạn? – The world is changing. Are you?” được triển khai đồng bộ trên toàn mạng trên các kênh phương tiện tại thị trường Việt Nam (kênh mua ngoài: Truyền hình, báo chí, OOH, digital; kênh sở hữu: tạp chí Heritage và Heritage Fashion; trên máy

bay, website, facebook, tại các trụ sở làm việc của Vietnam Airlines; kênh trao đổi hợp tác với các tỉnh thành và các đối tác khác) và quốc tế (truyền hình CNN, BBC; các sự kiện tại hội chợ).

- » Thực hiện quảng cáo, truyền thông cho hơn 160 chương trình bán, sản phẩm dịch vụ mới.



2.10 CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

a. Phát triển doanh nghiệp trở thành Tập đoàn hàng không số (Digital Airlines Group)

Với định hướng trở thành Hãng hàng không số (Digital Airline) trong những năm qua, Vietnam Airlines đã không ngừng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị, vận hành của Hãng. Năm 2019, Tổng công ty đã tập trung nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp CNTT trong các lĩnh vực điều hành và tăng trải nghiệm của khách hàng. Cụ thể:

- ▶ Nâng cấp hệ thống quản trị doanh thu; hoàn thiện hệ thống phân tích hiệu quả đường bay (VNA Profit); xây dựng hệ thống báo cáo quản trị thương mại (Salesforce); triển khai hệ thống quản lý và theo dõi hiệu suất, dự báo trước hoạt động bảo trì, bảo dưỡng, tối ưu hóa hoạt động bay dựa trên nền tảng Big Data của Airbus (Skywise); triển khai Hệ thống quản lý dịch vụ trên không (AVIF); mở rộng hệ thống hội nghị trực tuyến đến tất cả chi nhánh trong và ngoài nước của Tổng công ty Hàng không.
- ▶ Nâng cấp hệ thống ứng dụng di động (Sales Mobile App) với nhiều tính năng vượt trội để mang lại trải nghiệm tốt hơn và tiện dụng cho khách hàng; triển khai các chức năng để tăng doanh thu gia tăng (ancillary); đa dạng hóa thanh toán qua ví điện tử, hình thức thanh toán Paylater; triển khai dịch vụ Wifi kết nối Internet trên máy bay A350; triển khai ứng dụng FPT Play trên thiết bị di động để sử dụng các chương trình giải trí trước giờ khởi hành; triển khai ứng dụng để khách hàng mua vé bằng dặm và tiền (Dynamic Rewards); triển khai mua dịch vụ đặc biệt (SSR) trực tuyến.

Với nỗ lực và quyết tâm phát triển doanh nghiệp trở thành Tập đoàn hàng không số (Digital Airlines Group) đến nay Vietnam Airlines đã hoàn thành số hóa ở hầu hết các công đoạn như chứng từ, vé điện tử, hóa đơn điện tử, tài liệu bay, công văn, tài liệu. Số hóa các quy trình sản xuất kinh doanh từ điều hành chuyến bay, quản lý phi công, tiếp



viên đến thương mại, dịch vụ, tài chính-kế toán, marketing...

Bên cạnh đó, với vai trò là Hãng hàng không Quốc gia, Vietnam Airlines luôn chú trọng công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, bảo mật thông tin cho khách hàng, cổ đông. Tổ chức giám sát chặt chẽ hệ thống an ninh mạng, đảm bảo 100% các chỉ tiêu KPI về an ninh thông tin đạt mục tiêu đề ra.

b. Lộ trình thực hiện chiến lược chuyển đổi số giai đoạn 2020 - 2030

- ▶ Giai đoạn 2020 - 2022: Chuyển đổi số các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, hướng tới khách hàng
 - » Xây dựng và phát triển tài nguyên số (Digital Property)
 - » Phát triển hoạt động tiếp thị số (E-Marketing)
 - » Phát triển bán và phân phối thương mại điện tử (E-sales & Distribution)
 - » Dịch vụ chăm sóc khách hàng trên nền tảng số (Web customer service).
- ▶ Giai đoạn 2022 - 2030:
 - » Chuyển đổi số các lĩnh vực còn lại
 - » Phát triển dữ liệu lớn và hạ tầng kỹ thuật số
 - » Tích hợp và kết nối chuyển đổi số từng lĩnh vực bằng việc sử dụng công nghệ đột phá
 - » Đồng bộ và chuyển đổi số trong toàn bộ

2.11 CÁC CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC

a. Hợp tác chiến lược với cổ đông ANA Holdings Inc.

Năm 2019, quan hệ hợp tác toàn diện giữa Vietnam Airlines với nhà đầu tư chiến lược ANA Holdings Inc. đã đạt được những kết quả nổi bật trên các lĩnh vực như:

- ▶ Khôi phục hợp tác liên danh linh hoạt trên đường bay TP. HCM – Nagoya do Vietnam Airlines khai thác;
- ▶ Xúc tiến đàm phán về khả năng hợp tác liên doanh;
- ▶ Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ kỹ thuật, trong đó tập trung vào các nội dung về quản trị doanh nghiệp, thương mại, khai thác, dịch vụ khách hàng, công nghệ thông tin và kỹ thuật.

b. Hợp tác thương mại

- ▶ Vietnam Airlines đã triển khai hợp tác liên danh với 01 đối tác mới trong năm 2019 là Aeroflot (Nga), mở rộng thêm sản phẩm hợp tác với các đối tác Bangkok Airways, Philippines Airlines. Tổng số đối tác liên danh duy trì 26 đối tác (25 hãng hàng không và 01 hãng tàu hỏa Pháp). Chấm dứt hợp tác với Jet Airways từ tháng 4/2019 vì hãng phá sản. Thông qua hợp tác liên danh, mạng bay của Vietnam Airlines được mở rộng lên thành 192 đường bay tới 124 điểm đến

trên toàn cầu, hiện diện tại tất cả 05 châu lục, trong đó gồm 144 đường bay tới 90 điểm đến mà Vietnam Airlines không khai thác. Ngoài ra, Vietnam Airlines đã tích cực đàm phán hợp tác mới với các đối tác tiềm năng tại thị trường Ấn Độ (Indigo) và Sri Lanka (Srilankan Airlines).

- ▶ Về hợp tác liên doanh, hợp tác giữa Vietnam Airlines và Air France sau 2 năm triển khai đã đạt được những kết quả tích cực, cải thiện kết quả kinh doanh của hai hãng. Vietnam Airlines cũng đang trong quá trình đàm phán hợp tác liên doanh với Korean Air và China Airlines, dự kiến triển khai trong năm 2020.
- ▶ Về hợp tác đa phương: Vietnam Airlines đã tham gia vào các hoạt động và dự án chung của SkyTeam, tạo động lực để Vietnam Airlines nâng cấp hệ thống và tiêu chuẩn dịch vụ của Hãng và đáp ứng yêu cầu của Liên minh SkyTeam. Trong năm 2019, Vietnam Airlines đã tích cực tham gia công tác triển khai chiến lược phát triển mới của liên minh, tập trung vào nâng cao trải nghiệm thông suốt cho khách hàng và phát triển các ứng dụng công nghệ độc quyền và tiên tiến. Ngoài ra, Vietnam Airlines cũng đồng thời tích cực tham gia sâu rộng vào các hoạt động tại các tổ chức đa phương IATA, phát huy vai trò và ảnh hưởng của Vietnam Airlines đối với các chính sách chung theo hướng có lợi cho Việt Nam.



c. Hợp tác CNTT

Nhằm đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào công tác quản trị và nâng cao chất lượng dịch vụ hành khách, thực hiện mục tiêu đưa VNA Group trở thành Tập đoàn Hàng không số (Digital Airlines Group), ngày 27/02/2019 Vietnam Airlines và Tập đoàn Sabre đã ký kết mở rộng hợp tác chiến lược trong lĩnh vực công nghệ thông tin hàng không.

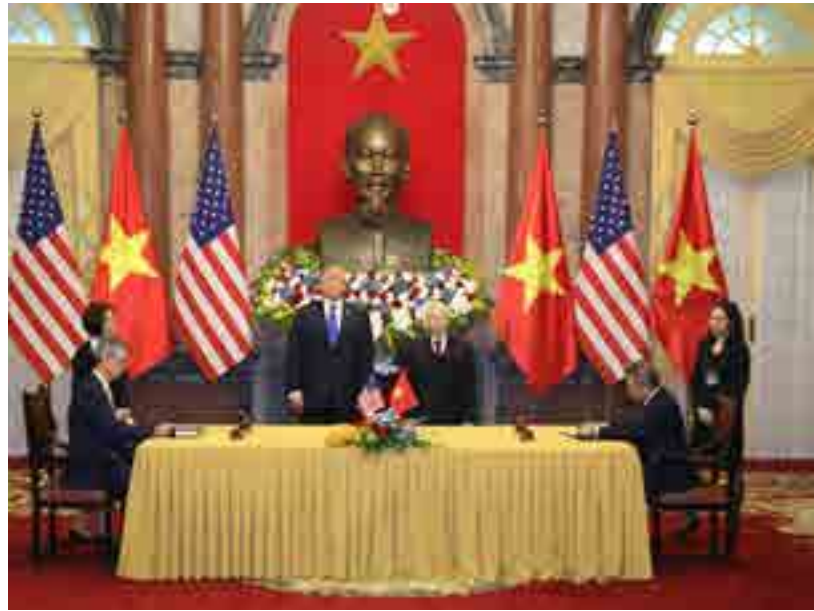
d. Hợp tác du lịch

Ngày 24/12/2019, Tổng cục Du lịch và Hãng hàng không Quốc gia Vietnam Airlines đã ký kết Biên bản hợp tác chiến lược giai đoạn 2020 - 2022 về quảng bá, xúc tiến du lịch.

Việc ký kết Biên bản hợp tác chiến lược này là cơ sở quan trọng để hai bên phối hợp đẩy mạnh quảng bá, giới thiệu hình ảnh đất nước, con người, du lịch Việt Nam ra thế giới, góp phần tạo nhiều sản phẩm, dịch vụ hấp dẫn, chất lượng, phù hợp với thị hiếu khách hàng; mang đến cơ hội đi lại, du lịch thuận tiện cho người dân Việt Nam và du khách quốc tế, kết nối Việt Nam với thế giới.

e. Hợp tác với chính quyền địa phương

Hợp tác giữa Vietnam Airlines và các tỉnh, thành phố không ngừng được tăng cường và mở rộng. Năm 2019, Vietnam Airlines ký thỏa thuận hợp tác



với UBND tỉnh Tây Ninh, Hà Giang và tiếp tục duy trì, phát huy thỏa thuận hợp tác với UBND Hà Nội, TP. HCM, Quảng Ninh, Đà Nẵng...

Chương trình hợp tác đã góp phần quảng bá, giới thiệu hình ảnh, sản phẩm, dịch vụ của Vietnam Airlines. Đồng thời, thực hiện sứ mệnh của Hãng hàng không Quốc gia trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương thông qua việc quảng bá du lịch, đưa đặc sản của các địa phương cũng như văn hóa, hình ảnh Việt Nam tới thế giới.



f. Hợp tác với Tập đoàn kinh tế

Thỏa thuận hợp tác giữa Vietnam Airlines với các tập đoàn kinh tế sẽ tạo điều kiện thuận lợi để phát huy thế mạnh của mỗi bên và mở ra những cơ hội phát triển mới.

Ngày 22/10/2019 Vietnam Airlines và Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam - VNPT đã ký thỏa thuận hợp tác chiến lược khẳng định quan hệ đối tác song hành trong hoạt động kinh doanh, tận dụng thế mạnh hai bên, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nhằm tạo ra những sản phẩm khác biệt, mang lại lợi ích thiết thực cho khách hàng của cả hai bên.

g. Hợp tác với FPT Play

Chương trình hợp tác VNA - FPT Play mang đến trải nghiệm mới cho hành khách trên tất cả các chuyến bay nội địa của Vietnam Airlines, tiếp tục là bước tiến để Hãng hàng không Quốc gia nâng tầm dịch vụ, hướng tới trở thành một trong những hãng bay được yêu thích nhất tại châu Á - Thái Bình Dương trong thời gian tới.



h. Hợp tác với VinGroup

Vietnam Airlines và VinGroup ký thỏa thuận hợp tác chiến lược về phát triển sản phẩm và thương hiệu (Hợp tác sử dụng sản phẩm, dịch vụ do mỗi bên cung cấp; hợp tác về truyền thông và các hợp tác khác).



i. Hợp tác với Sun Group

Vietnam Airlines và Sun Group đã ký thỏa thuận hợp tác, theo đó hai bên sẽ phối hợp phát triển các sản phẩm kết hợp giữa dịch vụ hàng không và du lịch, giải trí trên toàn bộ mạng đường bay của Vietnam Airlines và các cơ sở vui chơi giải trí, lưu trú, nghỉ dưỡng của Sun Group.



3.0 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Năm 2019, Vietnam Airlines tập trung đầu tư các dự án trọng điểm phù hợp với mục tiêu dài hạn để nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh, ưu tiên nguồn vốn cho các dự án phục vụ khai thác đội máy bay thế hệ mới, các dự án công nghệ thông tin. Tổng giá trị thực hiện đầu tư năm 2019 là 746,5 tỷ đồng.

3.1 CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRỌNG ĐIỂM

- ▶ Dự án lắp đặt Sharklet cho 10 máy bay Airbus A321 để tiết kiệm nhiên liệu, giảm khí phát thải, giảm chi phí khai thác.
- ▶ Các dự án phục vụ cho việc khai thác đội máy bay thế hệ mới: Dự án đầu tư TTB mặt đất giai đoạn 2016 - 2018, Dự án ULD 2019 - 2020.
- ▶ Các dự án đảm bảo hạ tầng CNTT, an ninh thông tin: Mở rộng hệ thống thiết bị tường lửa tới các văn phòng chi nhánh trong và ngoài nước, mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình của Tổng công ty.
- ▶ Các dự án phục vụ huấn luyện, đào tạo phi công, tiếp viên: Dự án đầu tư các thiết bị huấn luyện phương thức bay IPT- A321, Mô hình Mockup Airbus A350.
- ▶ Dự án điều chỉnh Khu làm việc văn phòng bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ hàng không tại 200 Nguyễn Sơn - giai đoạn 2.









3.2 ĐẦU TƯ RA NGOÀI DOANH NGHIỆP













a. Đánh giá chung













Năm 2019 hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của Tổng công ty đã thực hiện được mục tiêu, nhiệm vụ được giao, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp. Tổng cổ tức/lợi nhuận được chia từ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 là 1.076 tỷ đồng, đạt tỷ suất lợi nhuận/tổng vốn đầu tư tại thời điểm 31/12/2019 là 15,9%.

Hầu hết các công ty có vốn góp của Vietnam Airlines đều hoạt động có hiệu quả, liên quan mật thiết đến dây chuyền kinh doanh vận tải hàng không, đóng góp một phần không nhỏ vào hiệu quả SXKD chung của Vietnam Airlines.






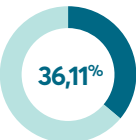

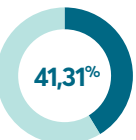


b. Kết quả hoạt động của các công ty có vốn góp

TT	LOGO	CÔNG TY	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
1		VAECO		<p>Là Công ty TNHH Một thành viên do VNA sở hữu 100% vốn điều lệ. Hoạt động chính của Công ty là cung ứng dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa máy bay và động cơ, phụ tùng máy bay. VAECO đáp ứng các yêu cầu về bảo dưỡng, sửa chữa cho tất cả các loại máy bay của VNA và hơn 40 hãng hàng không quốc tế bay đến Việt Nam. Theo Báo cáo tài chính trước kiểm toán năm 2019, tổng doanh thu hợp nhất của VAECO là 2.633 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất là 173 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 15%. Dự kiến lợi nhuận chia về Tổng công ty từ kết quả SXKD 2019 của VAECO khoảng 28 tỷ đồng.</p> <p>Năm 2019, VAECO góp vốn với Công ty ST Aerospace Systems PTE LTD thành lập Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ hàng không Việt Nam Singapore (VSTEA) - Công ty liên doanh bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị máy bay đầu tiên và duy nhất của Việt Nam đến thời điểm hiện tại (VAECO nắm giữ 51% vốn điều lệ).</p>
2		SKYPEC		<p>Là công ty cung ứng nhiên liệu hàng không cho các hãng hàng không trong nước và gần 100 hãng hàng không nước ngoài với hệ thống kho chứa trên 210.000 m³, hoạt động tại 18 cảng hàng không trên toàn lãnh thổ Việt Nam và 04 sân bay quốc tế lớn của Hàn Quốc.</p> <p>Có các phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 với 10 phép thử tiêu chuẩn, hệ thống quản lý chất lượng Công ty đạt tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001:2015 do Tổ chức QMS chứng nhận.</p> <p>Tổng sản lượng năm 2019 đạt gần 1.800.000 tấn, đáp ứng cho hơn 226.800 chuyến bay/năm an toàn và hiệu quả, tăng 9% so với cùng kỳ.</p> <p>Tổng doanh thu năm 2019 đạt 29.399 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 653 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 65,9%. Dự kiến lợi nhuận chia về Tổng công ty từ kết quả SXKD 2019 của SKYPEC là 495 tỷ đồng.</p>
3		VACS		<p>Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn và dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không, áp dụng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO và cập nhật lên phiên bản mới nhất là ISO 9001:2015, cùng nhiều hệ thống quản lý chất lượng khác như ISO 45001:2018 (thay thế cho tiêu chuẩn OHSAS), HACCP,...</p> <p>Năm 2019, Công ty xuất sắc nhận được giải thưởng “Công ty suất ăn tốt nhất” khu vực châu Á do Tạp chí hàng không quốc tế trao tặng. Năm 2019, tổng doanh thu của VACS là 958,3 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 200,2 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 187%. Dự kiến lợi nhuận chia về Tổng công ty từ kết quả SXKD 2019 của VACS là 149 tỷ đồng.</p>



TT	LOGO	CÔNG TY	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
4		VIAGS		<p>Hoạt động trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ, dịch vụ kỹ thuật, thương mại mặt đất cho hành khách, máy bay của các hãng hàng không tại các cảng hàng không, sân bay.</p> <p>Năm 2019, VIAGS đã đạt được tổng doanh thu là 2.204,79 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 198,25 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 62,9%. Dự kiến lợi nhuận chia về Tổng công ty từ kết quả SXKD 2019 của VIAGS là 94,62 tỷ đồng.</p> <p>Năm 2019, VIAGS nhận được 15 giải thưởng về chất lượng dịch vụ của các hãng hàng không, trong đó có các hãng lớn như Vietnam Airlines, Asiana Airlines, China Airlines, Japan Airlines, Korean Air... và được đề nghị cấp Bằng khen của Thủ tướng chính phủ.</p>
5		Jetstar Pacific		<p>Là hãng hàng không do VNA sở hữu 68,85% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vận chuyển hàng không. Việc tiếp tục phát triển JPA theo mô hình LCC để khai thác phân khúc thị trường giá rẻ nhằm tăng sức cạnh tranh của VNA Group là nhu cầu thiết yếu, phù hợp với xu thế chung của thị trường VTHK và chiến lược phát triển của VNA Group.</p> <p>Trong năm 2019, Tổng công ty đã chỉ đạo Người đại diện vốn góp tại JPA có những biện pháp điều hành linh hoạt hoạt động SXKD của JPA nhằm tăng doanh thu, giảm chi phí, đồng thời cũng đã đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong hoạt động của JPA trong bối cảnh thị trường nội địa các tháng cuối năm cạnh tranh gay gắt và có tình trạng thừa cung thiếu cầu. Kết quả năm 2019, lợi nhuận trước thuế là 31,1 tỷ đồng, tăng hiệu quả so với kế hoạch.</p>
6		NCTS		<p>Công ty hoạt động trong lĩnh vực phục vụ hàng hóa chuyên nghiệp, hàng đầu tại khu vực phía Bắc, hiện nay NCTS đang cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hoá cho 28 hãng hàng không khai thác tại sân bay quốc tế Nội Bài. Năm 2019, NCTS đạt được danh hiệu “500 doanh nghiệp Việt Nam thịnh vượng năm 2019” do Vietnam Report công bố và được Asiana Airlines trao tặng chứng nhận “Đối tác tốt nhất giai đoạn 2014-2018”. Sản lượng hàng hóa phục vụ đạt 383 nghìn tấn, tổng doanh thu đạt 712 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 275 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 84%. Dự kiến lợi nhuận chia về Tổng công ty từ kết quả SXKD 2019 là 123 tỷ đồng.</p>
7		TCS		<p>Thực hiện chuyển đổi từ công ty TNHH thành công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất từ 01/08/2017, trong đó Vietnam Airlines sở hữu 55% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hoá cho các chuyến bay quốc tế tại Sân bay Tân Sơn Nhất cho các khách hàng là các hãng hàng không quốc tế, đại lý giao nhận hàng hóa. Định hướng phát triển của TCS là trở thành một trong những nhà ga khai thác hàng hóa hàng không hàng đầu Đông Nam Á. Năm 2019, TCS được công nhận là Trung tâm đào tạo các khóa học DGR Cat 6 tại Việt Nam từ Hiệp hội vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) và được cấp chứng chỉ ISAGO lần thứ 4 liên tiếp. Năm 2019, tổng doanh thu của TCS đạt 932 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 577 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 498%. Dự kiến cổ tức chia về Tổng công ty từ kết quả SXKD 2019 của TCS là 246 tỷ đồng.</p>
8		TECS		<p>Hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu sau: dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ logistics, dịch vụ khai thuê hải quan, kho bãi và lưu giữ hàng hóa... Năm 2019, tổng doanh thu của TECS đạt 310,5 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 97,2 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 146%. Dự kiến lợi nhuận chia về Tổng công ty từ kết quả SXKD 2019 của TECS là 37,59 tỷ đồng.</p>
9		VINAKO		<p>Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực giao nhận hàng hóa đường hàng không và vận tải mặt đất. Vốn điều lệ là 8,6 tỷ đồng, trong đó Vietnam Airlines sở hữu 65,05% và Konoike Transport Co., Ltd (Nhật Bản) sở hữu 34,95%, song tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của công ty luôn đạt mức cao. Năm 2019, lợi nhuận trước thuế đạt 12,2 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 130%. Dự kiến lợi nhuận chia về Tổng công ty từ kết quả SXKD năm 2019 của VINAKO là 6,8 tỷ đồng.</p>

TT	LOGO	CÔNG TY	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
10		NCS	 60,17%	<p>Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các món ăn, thức ăn chế biến sẵn, dịch vụ ăn uống... với gần 30 năm kinh nghiệm. NCS duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005, tiêu chuẩn HACCP, HALAL vào hoạt động sản xuất.</p> <p>Năm 2019, tổng doanh thu của NCS đạt 648 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 44,6 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 19,9%. Dự kiến cổ tức chia về Tổng công ty từ kết quả SXKD 2019 của NCS là 18,4 tỷ đồng.</p>
11		NASCO	 51,00%	<p>Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài. Tháng 8/2017, NASCO được cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Năm 2019, tổng doanh thu hợp nhất của Nasco đạt 595 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất của công ty đạt 42,5 tỷ đồng. Dự kiến cổ tức chia về Tổng công ty từ kết quả SXKD 2019 của NASCO là 10 tỷ đồng.</p>
12		VFT	 51,52%	<p>Hoạt động trong lĩnh vực đào tạo phi công cho các hãng hàng không trong khu vực. Trong năm 2019, ĐHĐCĐ VFT đã thông qua đề án triển khai huấn luyện đào tạo phi công cấp độ ATO 01, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong chiến lược phát triển của công ty. Năm 2019, lợi nhuận trước thuế của công ty ước đạt 8,2 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 9,7%. Dự kiến cổ tức chia về Tổng công ty từ kết quả SXKD 2019 của VFT là 3,1 tỷ đồng.</p>
13		AITS	 52,73%	<p>Hoạt động trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông. AITS hiện nay đóng vai trò trong dây chuyền vận tải hàng không của VNA thông qua việc cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin - viễn thông trọng yếu như: hệ thống Amasis, hệ thống công thông tin điện tử nội bộ (Webportal), hệ thống giám sát chủ động (Monitoring), hệ thống Netline, hệ thống Email... Năm 2019, tổng doanh thu của AITS đạt 229,9 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 10,5 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 14,1%. Dự kiến cổ tức chia về Tổng công ty từ kết quả SXKD 2019 của AITS là 3,7 tỷ đồng.</p>
14		ALSIMEXCO	 51,00%	<p>Hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh và dịch vụ thuộc ngành Hàng không, trong đó nổi bật nhất với lĩnh vực cung ứng và xuất nhập khẩu lao động. Hiện tại, bên cạnh việc cung ứng tiếp viên cho Vietnam Airlines, Công ty đang cung ứng và quản lý gần 500 lao động làm việc cho 40 văn phòng đại diện hàng không nước ngoài tại Việt Nam và 01 liên doanh. Người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ, nâng cao uy tín của người lao động Việt Nam đối với các hãng hàng không quốc tế, một số lao động được các hãng hàng không bổ nhiệm vào các vị trí cao. Năm 2019, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 6,1 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 44,9%. Dự kiến cổ tức chia về Tổng công ty từ kết quả SXKD 2019 của ALSIMEXCO là 2 tỷ đồng.</p>
15		SABRE VIỆT NAM	 51,69%	<p>Hoạt động trong lĩnh vực thiết lập hệ thống đặt chỗ và các dịch vụ có liên quan thông qua hệ thống phân phối toàn cầu Sabre, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng, dịch vụ trả lời điện thoại, dịch vụ đại lý bán vé máy bay. Từ năm 2017, Sabre Việt Nam đã triển khai Dịch vụ chăm sóc khách hàng phục vụ Vietnam Airlines. Năm 2019, tổng doanh thu của Sabre đạt 107,3 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 8 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 101,8%. Dự kiến cổ tức chia về Tổng công ty từ kết quả SXKD 2019 của Sabre Việt Nam là 2,6 tỷ đồng.</p>

Công ty liên kết

TT	LOGO	CÔNG TY	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
1		VALC	 32,48%	Hoạt động trong lĩnh vực mua, bán, thuê và cho thuê lại máy bay. VALC được thành lập với mục tiêu là mua máy bay để cho các hãng hàng không trong nước thuê hoạt động, khai thác, qua đó góp phần phát triển ngành hàng không Việt Nam, tăng số lượng máy bay do Việt Nam sở hữu, giảm bớt sự lệ thuộc vào thị trường cung cấp máy bay quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh và thúc đẩy sự hội nhập của ngành hàng không Việt Nam với thế giới. Năm 2019, tổng doanh thu của VALC đạt 75 triệu USD, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 21,8 triệu USD, tỷ suất ROE đạt 27,2%. Dự kiến cổ tức chia về Tổng công ty từ kết quả SXKD 2019 của VALC là 4,1 triệu USD.
2		Cambodia Angkor Air (K6)	 49,00%	Là Hãng hàng không quốc gia của Campuchia do Vietnam Airlines tham gia góp vốn. Năm 2019, K6 đã thực hiện 12.000 chuyến bay, vận chuyển trên 868.000 lượt khách, hệ số sử dụng ghế đạt 79%. Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt tại thị trường Campuchia và sụt giảm nhu cầu trên các đường bay Trung Quốc, Công ty đã nỗ lực thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để khắc phục khó khăn, cải thiện kết quả hoạt động năm 2019. Đồng thời K6 tiếp tục hợp tác toàn diện với Vietnam Airlines về đội bay, mạng bay, kỹ thuật, thương mại... để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực của VNA Group.
3		MASCO	 36,11%	Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và cung ứng suất ăn, vật dụng và dụng cụ trên máy bay, vận chuyển hành khách, tổ lái, tiếp viên tại các sân bay, kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa bằng ô tô, taxi nội tỉnh và liên tỉnh, kinh doanh thương mại tại nhà ga hàng không, MASCO là đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ hàng không sớm nhất và lâu nhất tại các sân bay khu vực miền Trung. Năm 2019, MASCO đã ký hợp đồng phục vụ thêm 2 hãng bay Quốc tế QING DAO và S7 tại sân bay Quốc tế Cam Ranh. Tổng doanh thu của MASCO đạt 249,3 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 18,7 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 35%. Dự kiến cổ tức chia về Tổng công ty từ kết quả SXKD 2019 của MASCO là 4,3 tỷ đồng. Ngoài ra, MASCO được hãng hàng không Air China trao giải thưởng phục vụ suất ăn tốt nhất cho hàng năm 2019.
4		AIRIMEX	 41,31%	Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nhập khẩu, phân phối máy móc, trang thiết bị, vật tư, phụ tùng, và dịch vụ xuất nhập khẩu cho ngành hàng không. Theo Báo cáo tài chính trước kiểm toán năm 2019, tổng doanh thu của Airimex đạt 291 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 9,6 tỷ đồng, tỷ suất ROE đạt 23,5%. Dự kiến cổ tức chia về Tổng công ty từ kết quả SXKD 2019 của Airimex là 2 tỷ đồng.
5		APLACO	 30,41%	Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp nhựa. Aplaco là một trong những doanh nghiệp hàng đầu của ngành công nghiệp nhựa Việt Nam, có đầy đủ thiết bị và công nghệ hiện đại, sản xuất các loại sản phẩm hàng hoá có yêu cầu chất lượng cao, tiện dụng với kiểu dáng, màu sắc đa dạng, phong phú bao gồm: các sản phẩm phục vụ các hãng hàng không, các sản phẩm nhựa bao bì đóng gói. Tổng công ty chưa có thông tin về kết quả SXKD năm 2019 của Aplaco.

Danh mục đầu tư khác

TT	LOGO	CÔNG TY	TỈ LỆ SỞ HỮU CỦA VNA	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
1		SPT	 0,36%	Là công ty cổ phần trong đó Vietnam Airlines sở hữu 0,36% vốn điều lệ (tương đương 4,3 tỷ đồng). Ngành nghề kinh doanh chính của SPT là bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin. Tổng công ty chưa có thông tin về kết quả SXKD năm 2019 của SPT.

4.0 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 CÁC SỐ LIỆU TỔNG QUAN

4.1.1 Công ty mẹ

CHỈ TIÊU	ĐVT	2018	2019	2019/2018
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN	Tỷ đồng	73.543	68.989	-6,2%
DOANH THU THUẦN	Tỷ đồng	70.742	72.117	1,9%
LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Tỷ đồng	1.663	2.119	27,5%
LỢI NHUẬN KHÁC	Tỷ đồng	755	780	3,3%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tỷ đồng	2.418	2.899	19,9%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Tỷ đồng	2.111	2.418	14,6%
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
» Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,5	0,5	-5,8%
» Hệ số thanh toán nhanh <i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i> Nợ ngắn hạn	Lần	0,5	0,5	-4,8%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
» Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	75,2%	73,0%	-2,8%
» Hệ số Nợ ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	33,4%	35,9%	7,5%
» Hệ số Nợ dài hạn/ Tổng tài sản	%	41,7%	37,1%	-11,1%
» Hệ số Nợ (không bao gồm Thu bán)/Vốn CSH	Lần	2,6	2,2	-13,5%
» Hệ số Nợ/Vốn CSH	Lần	3,0	2,7	-10,5%
» Hệ số Vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	%	24,8%	27,0%	8,6%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
» Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	114,7	139,0	21,2%
» Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,96	1,05	8,7%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	2,98%	3,35%	12,4%
» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	12,00%	13,12%	9,4%
» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2,76%	3,39%	22,8%
» Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	2,35%	2,94%	25,0%
» EBITDAR	Tỷ đồng	18.676	19.501	4,4%
» EPS	Đồng	1.488	1.705	14,6%
» Hệ số P/E	Lần	23,04	19,79	-14,1%

4.1.2 Hợp nhất

CHỈ TIÊU	ĐVT	2018	2019	2019/2018
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN	Tỷ đồng	82.390	76.455	-7,2%
DOANH THU THUẦN	Tỷ đồng	96.811	98.228	1,5%
LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Tỷ đồng	2.356	2.450	4,0%
LỢI NHUẬN KHÁC	Tỷ đồng	956	939	-1,9%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tỷ đồng	3.312	3.389	2,3%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Tỷ đồng	2.599	2.537	-2,3%
TỶ LỆ LỢI NHUẬN TRẢ CỔ TỨC (%)	%	10%	8%	-20,0%
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
» Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)		0,6	0,6	-2,8%
» Hệ số thanh toán nhanh $\frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	Lần	0,5	0,5	-3,3%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
» Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	77,3%	75,7%	-2,2%
» Hệ số Nợ ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	39,0%	41,1%	5,3%
» Hệ số Nợ dài hạn/ Tổng tài sản	%	38,3%	34,6%	-9,7%
» Hệ số Nợ (không bao gồm Thu bán)/VCSH	Lần	2,9	2,6	-11,8%
» Hệ số Nợ/VCSH	Lần	3,4	3,1	-8,9%
» Hệ số VCSH/ Tổng nguồn vốn	%	22,7%	24,3%	7,4%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
» Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	24,5	24,1	-1,8%
» Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,2	1,3	9,3%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	2,7%	2,6%	-3,8%
» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	14,4%	13,6%	-5,4%
» Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	3,0%	3,2%	5,1%
» Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ doanh thu thuần	%	2,4%	2,5%	2,5%
» EBITDAR	Tỷ đồng	21.678	22.035	1,6%
» EPS	Đồng	1.747	1.654	-5,3%
» Hệ số P/E	Lần	19,63	20,41	3,9%

Đánh giá tổng quát:

Thị trường hàng không năm 2019 tăng trưởng chậm lại, trong khi đó tình trạng thừa tải và gia tăng cạnh tranh đã làm cho mật bằng giá vé giảm, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh. Trong bối cảnh đó, Ban Lãnh đạo Vietnam Airlines đã chủ động điều hành SXKD linh hoạt, sát diễn biến thị trường, cân bằng giữa mục tiêu bảo đảm thị phần và hiệu quả. Vietnam Airlines đã tăng cường công tác quản trị chi phí và tối ưu hóa nguồn lực, chú trọng đẩy mạnh công tác bán hàng, tăng các nguồn thu bổ sung, tìm kiếm và tận dụng các cơ hội gia tăng doanh thu.

Năm 2019, Công ty mẹ đạt kết quả sản xuất kinh doanh khả quan và cải thiện đáng kể so với năm 2018. Lợi nhuận trước thuế của năm 2019 tăng 19,9% so với năm trước và vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 8,3%. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong năm 2019 đều đạt cao hơn so với năm 2018. Cơ cấu nguồn vốn và khả năng tự chủ về vốn tiếp tục được cải thiện. Chỉ tiêu nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2019 đã giảm xuống mức 2,7 lần. Dòng tiền trong năm 2019 ở trạng thái tích cực, đảm bảo khả năng thanh toán. Tình hình tài chính cải thiện, an toàn và lành mạnh.

4.2. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ VÀ HỢP NHẤT

Doanh thu – Lợi nhuận Công ty mẹ

CHỈ TIÊU	2018	2019	TĂNG/GIẢM SO VỚI 2018	
			GIÁ TRỊ	%
1. Tổng doanh thu và thu nhập khác	73.227	74.694	1.467	2,0%
Doanh thu thuần	70.742	72.117	1.375	1,9%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.727	1.794	67	3,9%
Thu nhập khác	758	783	25	3,3%
2. Lợi nhuận trước thuế	2.418	2.899	481	19,9%
3. Lợi nhuận sau thuế	2.111	2.418	307	14,6%

Đơn vị tính: Tỷ đồng

- ▶ Năm 2019, tổng doanh thu và thu nhập khác của Công ty mẹ đạt 74.694 tỷ đồng, tăng 1.467 tỷ đồng so với năm 2018. Trong đó, doanh thu thuần hoạt động kinh doanh năm 2019 của Công ty mẹ đạt 72.117 tỷ đồng, chiếm 96,6% tổng doanh thu. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh là động lực chính trong tăng trưởng tổng doanh thu; bên cạnh đó doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác cũng đóng góp tích cực với mức tăng lần lượt 3,9% và 3,3%.
- ▶ Lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ đạt 2.899 tỷ đồng đạt 108,3% kế hoạch và tăng 19,9% so với năm 2018, tăng trưởng chủ yếu đến từ lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính.

Nguồn vốn - Tài sản Công ty mẹ

CHỈ TIÊU	2018	2019	TĂNG/GIẢM SO VỚI 2018	
			GIÁ TRỊ	%
Tài sản ngắn hạn	12.480	11.853	(626)	-5,0%
Tài sản dài hạn	61.063	57.136	(3.927)	-6,4%
TỔNG TÀI SẢN	73.543	68.989	(4.553)	-6,2%
Nợ phải trả	55.275	50.387	(4.888)	-8,8%
» Nợ ngắn hạn	24.580	24.790	210	0,9%
» Nợ dài hạn	30.696	25.597	(5.099)	-16,6%
Vốn chủ sở hữu	18.267	18.602	335	1,8%
TỔNG NGUỒN VỐN	73.543	68.989	(4.553)	-6,2%

Đơn vị tính: Tỷ đồng

- ▶ Tổng tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2019 đạt mức 68.989 tỷ đồng, giảm 4.553 tỷ đồng so với năm 2018 (-6,2%). Xu hướng giảm tổng tài sản trong năm 2019 phù hợp với định hướng tái cấu trúc lại cơ cấu nguồn vốn - tài sản của Vietnam Airlines trong thời gian qua. Theo đó, Vietnam Airlines sẽ giảm tài trợ tài sản từ nguồn vốn vay nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ nguồn lực cho phát triển bằng việc chuyển đổi từ việc mua tài sản trọng yếu là máy bay, động cơ sang hình thức thuê.
- ▶ Dự trữ tiền mặt cuối năm 2019 của Vietnam Airlines ở trạng thái tích cực. Theo đó, số dư tiền mặt và tiền gửi trên 3 tháng tại thời điểm 31/12/2019 đạt 4.185 tỷ đồng, lượng tiền dự trữ ròng tăng 504 tỷ đồng so với cuối năm 2018.
- ▶ Nợ phải trả của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2019 là 50.387 tỷ đồng, giảm 4.888 tỷ đồng so với năm 2018 (-8,8%), chủ yếu do Tổng công ty tiếp tục trả nợ vay theo lịch và trước hạn khiến dư nợ vay và thuê tài chính giảm, trong khi không phát sinh các nghiệp vụ huy động vốn đầu tư tài sản có giá trị lớn trong năm.
- ▶ Cơ cấu nguồn vốn tiếp tục cải thiện theo hướng giảm nợ vay. Trong năm 2019, vốn chủ sở hữu tăng 1,8% trong khi nợ phải trả giảm 8,8%. Khả năng tự tài trợ vốn tăng từ 24,8% vào cuối năm 2018 lên 27,0% vào cuối năm 2019, hệ số nợ và cơ cấu vốn được cải thiện tích cực theo hướng an toàn, bền vững.

Doanh thu – Lợi nhuận hợp nhất

CHỈ TIÊU	2018	2019	TĂNG/GIẢM SO VỚI 2018	
			GIÁ TRỊ	%
1. Tổng doanh thu và thu nhập khác	98.950	100.316	1.366	1,4%
Doanh thu thuần	96.811	98.228	1.417	1,5%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.160	1.140	(20)	-1,7%
Thu nhập khác	995	983	(13)	-1,3%
Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(16)	(34)	(18)	113,0%
2. Lợi nhuận trước thuế	3.312	3.389	77	2,3%
3. Lợi nhuận sau thuế	2.599	2.537	(61)	-2,4%

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Tổng doanh thu và thu nhập hợp nhất năm 2019 đạt 100.316 tỷ đồng, tăng 1.366 tỷ đồng so với năm 2018, động lực chủ yếu đến từ tăng trưởng doanh thu của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty mẹ. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 3.389 tỷ đồng, tăng 2,3% so với năm 2018, đạt 100,8% kế hoạch. Tăng trưởng doanh thu và

lợi nhuận hợp nhất ngoài đóng góp từ Công ty mẹ còn đến từ tăng trưởng lợi nhuận khả quan của các công ty trong dây chuyền vận tải hàng không (cung ứng xăng dầu, dịch vụ hàng hóa, dịch vụ mặt đất, cung ứng suất ăn...).

Tài sản – Nguồn vốn hợp nhất

CHỈ TIÊU	2018	2019	TĂNG/GIẢM SO VỚI 2018	
			GIÁ TRỊ	%
Tài sản ngắn hạn	20.326	19.288	(1.037)	-5,1%
Tài sản dài hạn	62.065	57.167	(4.898)	-7,9%
TỔNG TÀI SẢN	82.390	76.455	(5.935)	-7,2%
Nợ phải trả	63.718	57.847	(5.871)	-9,2%
» Nợ ngắn hạn	32.170	31.421	(750)	-2,3%
» Nợ dài hạn	31.548	26.427	(5.121)	-16,2%
Vốn chủ sở hữu	18.672	18.608	(65)	-0,3%
TỔNG NGUỒN VỐN	82.390	76.455	(5.935)	-7,2%

Đơn vị tính: Tỷ đồng

- ▶ Tổng tài sản hợp nhất tại 31/12/2019 là 76.455 tỷ đồng, giảm 5.935 tỷ đồng so với năm 2018 (-7,2%), chủ yếu do tài sản Công ty mẹ giảm (không có nhiều các khoản đầu tư mới và giá trị tài sản ròng tiếp tục giảm do trích khấu hao).
- ▶ Lượng tiền dự trữ ròng cuối năm 2019 đạt 5.262 tỷ đồng, tăng mạnh so với số dư cuối năm 2018 là 3.826 tỷ đồng.
- ▶ Cuối năm 2019, nợ phải trả hợp nhất đạt 57.847 tỷ đồng, giảm 9,2% so với năm 2018,

chủ yếu do dư nợ vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm. Về cơ cấu nguồn vốn, tính đến 31/12/2019, vốn chủ sở hữu hợp nhất là 18.608 tỷ đồng chiếm 24,3% tổng nguồn vốn; trong khi đó nợ phải trả hợp nhất chiếm 75,7% tổng nguồn vốn. So với năm 2018, tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn tăng lên và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm xuống cho thấy sự cải thiện khả quan trong cơ cấu nguồn vốn và mức độ an toàn tài chính, khả năng thanh toán nợ của cả Tổng công ty.

5.0

NHỮNG CẢI TIẾN MỚI VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Vietnam Airlines đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ: quản lý tải cung ứng, quản trị doanh thu hiệu quả cao, đưa vào khai thác 2 phần mềm ở khối Khai thác và Dịch vụ giúp giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động và chất lượng điều hành khai thác; rà soát mô hình tổ chức nhằm sắp xếp, kiện toàn cơ

cấu vận hành nói chung cũng như hoạt động của các cơ quan, đơn vị để điều chỉnh cách thức làm việc hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển tiếp theo; đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện chế độ sử dụng văn bản điện tử thông qua cổng thông tin portal.

 Vietnam Airlines 
SÀI GÒN - HANOI - SÀI GÒN



BẠN CÓ BIẾT CHÚNG TÔI GÓP SỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUA NHỮNG CHUYẾN BAY XANH

THẾ GIỚI ĐANG THAY ĐỔI. CÒN BẠN?

Đầu tư đổi máy bay hiện đại nhất thế giới thay thế sử dụng các chất liệu thân thiện với môi trường, chiến dịch Green Planet của Vietnam Airlines đang nỗ lực góp phần cùng thế giới hạn chế khí thải, rác thải để bảo vệ hành tinh xanh.

#HànhTrìnhTựHào

ĐẶT VÉ NGAY > vietnamairlines.com

GỌI NGAY > 1900 1100

LIKE NGAY > [fb/vietnamairlines](https://fb.com/vietnamairlines)

ĐĂNG KÝ NGAY > [Hội viên](#) | [CUTE SMILES](#)

VII TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Vietnam Airlines

ưu tiên thực hiện các tiêu chí bảo vệ môi trường, và trách nhiệm đối với cộng đồng - xã hội, hướng tới mục tiêu tăng trưởng và phát triển bền vững





G3. Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi

- Phối hợp với Đại sứ quán Vương quốc Anh thực hiện chiến lược CSR trong Đào tạo Y tế - Chăm sóc sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2019 – 2021, giúp 8.100 trẻ em được phẫu thuật và 88 bác sĩ được đào tạo.
- Đồng hành với Operation Smile phẫu thuật nụ cười cho 30 trẻ em.
- Phục vụ 6 ca vận chuyển tạng hỗ trợ ghép tạng trên lãnh thổ Việt Nam.
- Đồng hành cùng “Nhịp tim Việt Nam” bán đấu giá vé máy bay hạng Thương gia, thu được 15.000 USD giúp 12 trẻ em nghèo bị dị tật tim bẩm sinh được phẫu thuật.
- Xây dựng 2 sân chơi trẻ em tại Quảng Trị và Lào Cai. Đồng thời trao tặng 44 xe đạp cho các em vùng núi khó khăn ở Đồng Tháp.
- Tổ chức chương trình hiến máu nhân đạo “Giọt hồng Vietnam Airlines” thu được 1.553 đơn vị máu.



G4. Đảm bảo giáo dục chất lượng, rộng mở và công bằng, nâng cao cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người

- Thực hiện chuỗi hội thảo “Thay đổi cùng thế giới” đưa ra hàng ngàn ý tưởng, sáng kiến mang lại lợi ích lớn về SXKD cho VNA.
- Đào tạo An toàn – An ninh cho 11.000 lượt phi công, tiếp viên, nhân viên điều hành khai thác, nhân viên khai thác mặt đất theo yêu cầu IOSA và quy chế hàng không.
- Tổ chức 5 lớp đào tạo tiếng Anh tại New Zealand cho 91 học viên, cán bộ, chuyên viên ưu tú của Tổng công ty.
- Đào tạo 5 Thạc sĩ Khoa học (MSc) tại trường Đại học Cranfield – Vương quốc Anh và ENAC.



G7. Đảm bảo việc tiếp cận năng lượng với giá hợp lý, tin cậy, bền vững và hiện đại cho tất cả mọi người

- Sử dụng máy bay thế hệ mới (Boeing 787-9, Airbus A350-900, Airbus A321neo) tiết kiệm nhiên liệu, giảm lượng khí thải CO2 và tiếng ồn ảnh hưởng đến môi trường.
- Áp dụng hệ thống phần mềm quản lý tiết kiệm nhiên liệu SAFRAN (SFCO2).



G8. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dài hạn, rộng mở và bền vững, tạo việc làm đầy đủ, nâng suất cho tất cả mọi người

- Hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững, ổn định, đóng góp vào ngân sách nhà nước 7.929,6 tỷ đồng.
- Đóng góp vào sự phát triển kinh tế quốc gia bằng việc tạo ra 21.255 việc làm trong mảng vận tải hàng không, vận tải hàng hóa và dịch vụ đồng bộ.
- Thúc đẩy quảng bá, giới thiệu các đặc sản, ẩm thực địa phương trên các chuyến bay của Vietnam Airlines như nhân lồng Hưng Yên, vải thiều Thanh Hà, cam Cao Phong, xoài cát Hòa Lộc, dưa lưới Tây Ninh, bưởi da xanh.



G9. Xây dựng cơ sở hạ tầng vững chắc, đẩy mạnh công nghiệp hóa rộng mở và bền vững, khuyến khích đổi mới

- Hướng tới mô hình Hàng hàng không số (Digital Airline) bằng việc áp dụng công nghệ hiện đại vượt trội vào hoạt động SXKD: phân tích hiệu quả đường bay (VNA Profit), báo cáo quản trị thương mại (Salesforce), quản lý hiệu suất trên nền tảng Big Data của Airbus (Skywise), hệ thống quản lý dịch vụ trên không (AVIF) và nâng cấp hệ thống ứng dụng di động (Sales Mobile App).



G12. Đảm bảo các mô hình tiêu dùng và sản xuất bền vững

- Tham gia liên minh chống rác thải nhựa, triển khai chương trình “Zero Waste Vietnam Airlines”.
- Loại bỏ, hạn chế tối đa việc sử dụng túi nilon và thay thế bằng chất liệu thân thiện với môi trường, giúp giảm trung bình 50 triệu túi nilon, tiết kiệm 257 lít nước sạch, 9 nghìn kwh điện và 513 nghìn lít nước xả vải mỗi năm.



G13. Có biện pháp khẩn cấp để chống lại biến đổi khí hậu và các tác động của nó

- Đổi mới đội bay theo hướng sử dụng máy bay và động cơ tiết kiệm nhiên liệu, giảm lượng khí phát thải.
- Tích cực tổ chức các hoạt động tuyên truyền, ra quân bảo vệ môi trường, các phong trào “Ngày thứ bảy tình nguyện”, “Ngày chủ nhật xanh”, “Ngày phòng chống rác thải nhựa”, Giờ trái đất.

1.0 TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ Pháp luật về bảo vệ môi trường là tiêu chí hàng đầu của Tổng công ty trong hoạt động bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng.

Đánh giá việc kiểm soát khí thải (CO₂ Emission), lượng nhiên liệu tiêu thụ, các sáng kiến/cải tiến để tiết kiệm nhiên liệu bay (Fuel Efficient), giảm tiếng ồn,... Tổng công ty không chỉ nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, mà còn không ngừng đầu tư, đổi mới phương tiện, trang thiết bị, công nghệ, đồng thời nghiên cứu, cải tiến áp dụng các giải pháp công

nghệ, kỹ thuật cũng như điều hành, khai thác nhằm giảm lượng nhiên liệu tiêu thụ, giảm lượng khí phát thải CO₂ tác động xấu đến môi trường.

Đẩy mạnh văn hóa An toàn - Văn hóa chính trực thông qua triển khai Bộ định nghĩa hành vi và hướng dẫn thực hiện trong toàn Tổng công ty; tổ chức khảo sát văn hóa An toàn - Văn hóa chính trực trực tuyến đạt Mức 3.9 và hướng tới đạt Mức 4.0 (Chủ động-Proactive) trong năm 2020, tổ chức các khóa đào tạo sử dụng Quỹ QLRR của bảo hiểm.



2.0 CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI

Vietnam Airlines đã thực hiện trách nhiệm doanh nghiệp đối với cộng đồng và xã hội trong việc chung tay với các tổ chức uy tín trong và ngoài nước để giải quyết các vấn đề đang được cả xã hội quan tâm cụ thể:

- ▶ Phối hợp với Đại sứ quán Vương quốc Anh tại Việt Nam thực hiện chiến lược CSR trong lĩnh vực Đào tạo Y tế - Chăm sóc sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2019 - 2021 thông qua ký kết Hợp tác 5 bên Vietnam Airlines - Facing The World – Bệnh viện 108 – Bệnh viện Việt Đức – Bệnh viện Hồng Ngọc. Mục tiêu nhân đạo của chương trình Hợp tác là vô cùng đáng trân trọng với 8.100 trẻ em được phẫu thuật và 88 bác sĩ được đào tạo.
- ▶ Đồng hành cùng Tổ chức Y tế Anh Quốc - NewBornns trong việc hỗ trợ các bác sỹ Bệnh viện Nhi Trung ương tham gia các khóa học tại Anh nhằm nâng cao chuyên môn trong việc chăm sóc giảm thiểu tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh Việt Nam.
- ▶ Đồng hành cùng với Tổ chức Quốc tế Operation Smile góp phần mang lại nụ cười cho 30 trẻ em trên cả nước.
- ▶ Thực hiện thành công 6 ca vận chuyển tạng trên cả nước theo Thỏa thuận hợp tác với Trung tâm Điều phối Quốc gia về ghép bộ phận cơ thể người về việc hỗ trợ tối đa cho các thủ tục vận chuyển mô/tạng và tặng ghế hành khách dành riêng cho thùng đựng mô/tạng khi đi trên chuyến bay Vietnam Airlines.



- ▶ Ngày 09/6/2019, Vietnam Airlines tham gia Liên minh chống rác thải nhựa, tuyên bố cam kết và hành động chống rác thải nhựa cùng các doanh nghiệp, hiệp hội, tổ chức xã hội tại Việt Nam. Vietnam Airlines đã và sẽ triển khai nhiều dự án “Xanh” nhằm chung tay cùng cộng đồng chống rác thải nhựa. Cụ thể, một số dụng cụ, vật tư, vật phẩm trên chuyến bay làm từ nhựa dùng một lần và nilon khó phân hủy đã được hãng chuyển sang sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường như cốc giấy, hoặc vật liệu có khả năng phân hủy theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cùng với đó, Vietnam Airlines sẽ dần chuyển sang hình thức đóng gói không cần bọc nilon và sử dụng chất liệu dùng được nhiều lần. Trong thời gian tới, hãng tiếp tục nghiên cứu thay thế sang các sản phẩm làm từ nguyên liệu sinh học, có khả năng phân hủy hoàn toàn như giấy, vải không dệt, nilon làm từ bột mì, bột ngô. Bên cạnh việc thay thế các sản phẩm thân thiện với môi trường, nhằm góp phần gìn giữ không gian “Xanh”, Vietnam Airlines cũng chú trọng đầu tư đội máy bay thế hệ mới, được trang bị công nghệ hiện đại như: Boeing 787-9, Airbus A350-900, Airbus A321neo với khả năng tiết kiệm nhiên liệu, giảm lượng khí thải so với các máy bay cùng chủng loại như Boeing 777-200ER, Airbus A330, Airbus A320/A321... Có thể nói, việc đầu tư khai thác đội máy bay hiện đại và sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường là những hoạt động của Vietnam Airlines trên lộ trình phát triển bền vững, nằm trong chuỗi chiến dịch Hành trình Tự hào và Hành trình Yêu thương nhằm phát huy, lan tỏa những giá trị tốt đẹp của đất nước, cộng đồng tới người dân trong nước và bạn bè quốc tế.

- ▶ Vietnam Airlines là nhà tài trợ Kim cương đồng hành cùng Giải thưởng Nhân tài Đất Việt 2019.
- ▶ Trao tặng 2.000 tờ báo Nhân Dân tới các chiến sĩ biên cương, hải đảo.
- ▶ Đồng hành cùng tổ chức “Nhịp Tim Việt Nam” bán đấu giá trực tiếp 10 vé máy bay hạng thương gia hành trình từ Hà Nội hoặc TP.HCM đi Nha Trang kết hợp với voucher nghỉ dưỡng tại MIA Resort Nha Trang tại chương trình “Vết sẹo cuộc đời 9” với mức giá thu được là 15.000 USD. Với số tiền này Vietnam Airlines đã góp phần mang đến 12 trái tim khỏe mạnh cho các trẻ em nghèo bị dị tật tim bẩm sinh.
- ▶ Ủng hộ 110 triệu đồng cho Chương trình “60 năm đường Trường Sơn - Huyền thoại một con đường”.
- ▶ Ủng hộ 110 triệu đồng cho Chương trình “Vinh quang Việt Nam”.
- ▶ Tổ chức các hành trình về Nguồn, các hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, nhà bán trú dân nuôi; tổ chức khám chữa bệnh, cấp phát thuốc miễn phí cho nhân dân tại các địa phương trên cả nước; tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho các gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh khó khăn; hỗ trợ, tặng quà cho thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn; phát động quyên góp và tổ chức “Bữa cơm nhân ái”, “Ngày chủ nhật xanh”, tặng quà cho các em học sinh tại vùng núi khó khăn...
- ▶ Tặng quà Tết cho 8 đoàn viên thanh niên có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Nguyên Đán 2019.
- ▶ Hưởng ứng cuộc vận động “Hiến máu tình nguyện”, Vietnam Airlines đã tổ chức thành công chương trình hiến máu nhân đạo “Giọt hồng Vietnam Airlines”, kết quả 1.401 CBNV tham gia hiến máu và thu được 1.553 đơn vị.
- ▶ Tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, ra quân bảo vệ môi trường, thu hút hơn 200 lượt đoàn viên thanh niên tham gia với nhiều phong trào, hình thức phong phú như: “Ngày thứ bảy tình nguyện”; “Ngày chủ nhật xanh” nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của cán bộ, đoàn viên, thanh niên trong Vietnam Airlines, chung tay bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, tham gia Ngày phòng chống rác thải nhựa, Giờ trái đất...
- ▶ Trong dịp kỷ niệm 72 năm ngày Thương binh Liệt sỹ, Thường trực cùng cán bộ, đoàn viên thanh niên các Cơ sở Đoàn trực đã tích cực tham gia cùng cấp ủy, Đoàn cấp trên, Công Đoàn tổ chức được 12 Đoàn thắp nến tri ân đến hơn 20 nghĩa trang, tiến hành trao tặng các suất quà cho thân nhân gia đình các liệt sỹ, các bà mẹ Việt Nam anh hùng với tổng số 117 suất quà, trị giá 149,5 triệu đồng với sự tham gia của hơn 200 đoàn viên thanh niên.
- ▶ Phối hợp với Tỉnh Đoàn Quảng Trị, Tỉnh Đoàn Lào Cai xây dựng 2 Sân chơi cho em tại địa bàn với giá trị 30 triệu đồng/sân chơi.
- ▶ Phối hợp với tỉnh Đoàn Đồng Tháp tổ chức trao tặng 44 xe đạp cho các em vùng núi khó khăn trên địa bàn.
- ▶ Nhận phụng dưỡng thêm 23 bà mẹ Việt Nam anh hùng tại tỉnh Quảng Nam nâng tổng số lên 45 mẹ; tổ chức thăm hỏi cho các gia đình chính sách, lão thành cách mạng, bà mẹ Việt Nam anh hùng nhân dịp Tết Nguyên Đán, ngày Thương binh Liệt sĩ với số tiền 3,75 tỷ đồng.





3.0 CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Vietnam Airlines thực hiện đúng và đầy đủ chế độ, chính sách đối với người lao động. Thu nhập của người lao động được đảm bảo và tăng so với kế hoạch. Trong năm 2019 Vietnam Airlines đã hoàn thiện và báo cáo các cấp Đề án thí điểm đổi mới cơ chế quản lý tiền lương giai đoạn 2019-2021 theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương. Đồng thời Vietnam Airlines đã triển khai các đợt cải cách tiền lương đối với người lao động, cụ thể như sau:

- ▶ Đối với phi công: triển khai 02 đợt tăng lương từ 01/6/2019 và 01/9/2019. Qua các lần cải cách, đến nay bình quân thu nhập (sau thuế) của phi công Việt Nam đã bằng 65-75% thu nhập của phi công nước ngoài (tùy từng chức danh và đội bay) hiện đang khai thác cho Vietnam Airlines và cao hơn gấp 05 lần so với giai đoạn trước năm 2008.

- ▶ Đối với cán bộ quản lý, chuyên viên, kỹ sư, cán sự, nhân viên: triển khai thí điểm trả tiền lương hiệu quả theo doanh thu đối với người lao động tại Chi nhánh khu vực miền Bắc. Trên cơ sở kết quả thí điểm sẽ tổng kết, rút kinh nghiệm và triển khai cải cách tiền lương đồng bộ trong toàn hệ thống theo hướng: trả lương, thưởng theo (i) Kết quả sản xuất kinh doanh của Vietnam Airlines, (ii) Mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị và (iii) Mức thực hiện công việc (KPIs, số lượng/chất lượng công việc, doanh thu, sản lượng chuyến bay...) của từng cá nhân.

Các chế độ khác như Bảo hiểm hưu trí tự nguyện nhóm, bảo hiểm sức khỏe đối với người lao động và thân nhân, chế độ nghỉ dưỡng hàng năm, vé miễn giảm cước... tiếp tục được duy trì. Chế độ bảo hiểm xã hội thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và cao hơn mức quy định của Pháp luật.



BẠN CÓ BIẾT

LỄ HỘI BƠI CHẢI
THUYỀN RỒNG HÀ NỘI
GẮN KẾT
CỘNG ĐỒNG QUỐC TẾ,
LAN TỎA VĂN HÓA VIỆT
TỚI THẾ GIỚI

THẾ GIỚI ĐANG THAY ĐỔI.
CÒN BẠN?

Đến với Hà Nội mùa xuân, trải nghiệm nét đẹp văn
hóa truyền thống dân tộc. Vietnam Airlines thời hòa bình qua
Lễ hội Bơi Chải thuyền rồng hàng năm.



#HànhTrìnhTựHào

 Vietnam Airlines 
SỰ CAM NHẬN CAO



ĐẶT VÉ HỒN > vietnamairlines.com

CÓNG CẢM > 1900 1100

LIKE NGAY > [fb/vietnamairlines](https://fb.com/vietnamairlines)

ĐĂNG KÝ NGAY > [Hội viên VIETNAM.AIRLINES](http://HoiVien.VIETNAM.AIRLINES)

VIII QUẢN TRỊ CÔNG TY

1.0 CẤU TRÚC QUẢN TRỊ CÔNG TY



Nguyên tắc quản trị công ty

Hệ thống các nguyên tắc quản trị công ty của Vietnam Airlines tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ, Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2019 của Bộ Tài chính, Điều lệ Vietnam Airlines và các quy định, quy chế nội bộ nhằm:



2.0 THÔNG TIN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA VIETNAM AIRLINES	
			SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
1	Phạm Ngọc Minh	Chủ tịch HĐQT	7.394	0,0005%
2	Dương Tri Thành	TV HĐQT kiêm TGD	7.441	0,0005%
3	Nguyễn Xuân Minh	Thành viên HĐQT	-	-
4	Tạ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	9.005	0,0006%
5	Koji Shibata	Thành viên HĐQT	-	-

Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức 18 phiên họp, ban hành 250 Nghị quyết và 158 Quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. HĐQT thường xuyên xem xét đánh giá về các mặt hoạt động SXKD của Vietnam Airlines, hoàn thiện các chính sách, quy chế nội bộ quan trọng của Tổng công ty. Các Thành viên HĐQT đã phát huy cao vai trò, trách nhiệm trong việc đưa ra các quyết định của

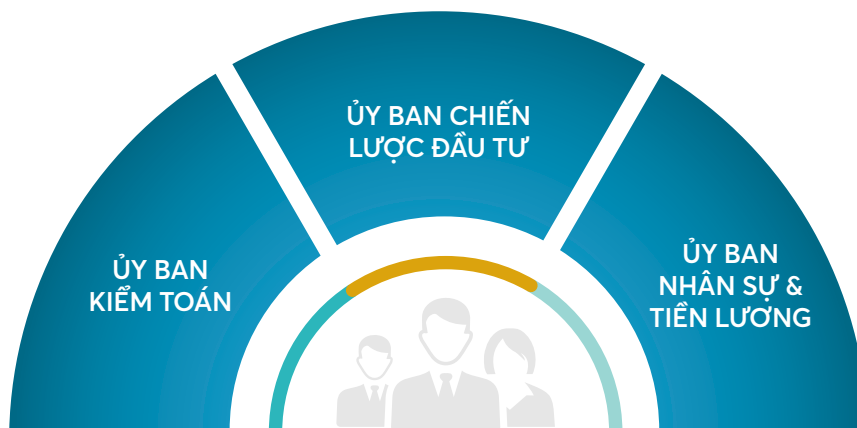
HĐQT. Đối với các đề án, kế hoạch quan trọng của Vietnam Airlines, HĐQT có sự tham mưu tư vấn của các Ủy ban thuộc HĐQT, các chuyên gia của HĐQT. Tất cả các hoạt động của HĐQT đều tuân thủ chặt chẽ theo đúng các nguyên tắc quản trị công ty đại chúng, gắn liền với lợi ích của Vietnam Airlines, các cổ đông và cân bằng lợi ích của tất cả các bên liên quan.

3.0 HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT

ỦY BAN CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ tham mưu, tư vấn cho HĐQT các nội dung: Phương án bán/ thuê máy bay; phương án mở đường bay; công tác xây dựng.

ỦY BAN KIỂM TOÁN tham mưu, tư vấn cho HĐQT các nội dung: Giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ; kiểm soát báo cáo tài chính; quản lý rủi ro.

ỦY BAN NHÂN SỰ VÀ TIỀN LƯƠNG tham mưu, tư vấn cho HĐQT các nội dung: Sử dụng quỹ tiền lương, khen thưởng, phúc lợi; chế độ tiền lương với kiểm soát viên chuyên trách; đề án thí điểm đổi mới cơ chế quản lý tiền lương của Tổng công ty giai đoạn 2019 – 2021; điều chỉnh chế độ tiền lương với phi công.



4.0 BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

4.1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

TT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU LÀ THÀNH VIÊN BKS	SỐ BUỔI HỌP HĐQT CÓ THAM DỰ	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	Bà Nguyễn Thị Thiên Kim	Trưởng BKS	10/5/2019	8/8	Trong các phiên họp HĐQT, Ban Kiểm soát chỉ cần có ít nhất 01 tham dự họp
2	Ông Mai Hữu Thọ	TV BKS	12/3/2015	18/18	
3	Ông Lại Hữu Phước	TV BKS	10/5/2019	8/18	

4.2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của các thành viên Ban Kiểm soát năm 2019 tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau:

- ▶ Có ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT; các phiên họp giao ban định kỳ, các cuộc hội nghị, hội thảo... của Tổng công ty tổ chức để nắm bắt tình hình, đóng góp ý kiến và làm cơ sở cho việc giám sát hoạt động quản trị và điều hành của Tổng công ty.
- ▶ Hoàn chỉnh việc sửa đổi bổ sung và ban hành chính thức Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.
- ▶ Thực hiện thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, BCTC riêng, hợp nhất bán niên và cả năm 2019 của Tổng công ty; Thẩm định Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019. Thực hiện việc giám sát nội dung, phạm vi, tiến độ và chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Tổng công ty theo hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán đã được ký kết với Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- ▶ Soát xét Báo cáo giám sát tài chính của Tổng công ty năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019; Tham gia đóng góp ý kiến vào việc sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật: luật, nghị định, thông tư... và các vấn đề khác theo yêu cầu của cổ đông lớn (Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước).
- ▶ Chủ động thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, công tác quản trị điều hành của Tổng công ty trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành, điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty, và các yêu cầu của cổ đông.
- ▶ Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Tổng công ty theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tinh minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.
- ▶ Giám sát HĐQT, Ban Giám đốc điều hành thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Giám sát việc ban hành Nghị quyết, quyết định của HĐQT; tình hình triển khai thực hiện NQ HĐQT của Ban Giám đốc điều hành. Giám sát việc xây dựng, chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư, tài chính... việc thực hiện bán và cho thuê lại máy bay, động cơ; việc thực hiện tái cơ cấu và giám sát đặc biệt đối với JPA, K6.
- ▶ Giám sát việc xây dựng kế hoạch SXKD năm 2020 và tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019 của Tổng công ty; Tập trung giám sát khối thương mại, giám sát việc triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bán; giảm thiểu rủi ro về hoạt động của một số đường bay Đông Bắc Á.
- ▶ Giám sát triển khai thực hiện kiểm toán của kiểm toán nhà nước trong năm 2019 tại Tổng công ty và tình hình thực hiện khuyến cáo của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và của Ban Kiểm soát. Xem xét, đánh giá chất lượng của kiểm toán nội bộ.
- ▶ Thực hiện các công việc khác theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị; Quy chế Ban Kiểm soát và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2019, Ban Kiểm soát đã họp 8 lần để thống nhất các nội dung chính sau:

- ▶ Bầu Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách, tổ chức triển khai phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát; thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.
- ▶ Nội dung, chương trình kiểm tra, giám sát và tổ chức triển khai các nhiệm vụ trọng tâm; đánh giá tình hình thực hiện trong từng giai đoạn.
- ▶ Kết quả thẩm định: Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2018; Báo cáo bán niên và cả năm 2019 của Tổng công ty (Bao gồm Báo cáo của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất) và Báo cáo hoạt động của HĐQT.
- ▶ Kết quả soát xét: Báo cáo giám sát tài chính năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019 của Tổng công ty (Bao gồm Báo cáo của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất).
- ▶ Thực hiện tổng kết hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019; xây dựng chương trình hành động năm 2020 và phân công cho các thành viên Ban Kiểm soát để thực hiện nhiệm vụ một cách tốt nhất.
- ▶ Báo cáo của Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- ▶ Thống nhất giải quyết các vấn đề khác thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

4.4. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo quy định, trong đó tập trung vào các nội dung chính như sau:



5.0 HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ - THỦ KÝ TỔNG CÔNG TY

Năm 2019 Người phụ trách quản trị - Thủ ký Vietnam Airlines đã hoàn thành các chức trách nhiệm vụ được giao như sau:

- ▶ Tư vấn cho HĐQT trong việc tổ chức các cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ; ban hành các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT, ĐHĐCĐ liên quan đến tất cả các lĩnh vực hoạt động của Vietnam Airlines đảm bảo sự tuân thủ đối với các quy định của pháp luật và Điều lệ Vietnam Airlines.
- ▶ Phụ trách công tác quan hệ cổ đông của Vietnam Airlines; tổ chức triển khai các công việc liên quan giữa Vietnam Airlines và cổ đông.
- ▶ Thực hiện công bố thông tin theo ủy quyền trên thị trường chứng khoán.

6.0 QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Vietnam Airlines thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin, đảm bảo cung cấp thông tin minh bạch và kịp thời tới các cổ đông và nhà đầu tư.

Vietnam Airlines luôn chú trọng đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, thường xuyên cập nhật, đăng tải rộng rãi các hoạt động của doanh nghiệp trên các kênh thông tin nhằm tạo điều kiện cho cổ đông, nhà đầu tư kịp thời tiếp cận thông tin về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, tại Đại hội đồng cổ đông, Ban Lãnh đạo Vietnam Airlines đã trực tiếp giải đáp các vấn đề cổ đông quan tâm liên quan đến hoạt động của Vietnam Airlines.



 Vietnam Airlines 
SÁT CẢNH VỊNH CỎ



BẠN CÓ BIẾT

CẦU VÀNG
ĐIỂM ĐẾN
ĐỘC ĐÁO
CHO BẠN
THƯ THÁI
LẠC BƯỚC TRÊN MÂY

THẾ GIỚI ĐANG THAY ĐỔI.
CÒN BẠN?

Cầu Vàng như đưa bạn thả bước trên dải lụa vắt qua đôi bàn tay khổng lồ giữa không trung đã trở thành biểu tượng du lịch mới của Đà Nẵng.

#HànhTrìnhTựHào

ĐẶT VÉ NGAY > vietnamairlines.com

GỌI NGAY > 1900 1100

LIKE NGAY > [fb/vietnamairlines](https://fb.com/vietnamairlines)

ĐĂNG KÝ NGAY > [Hội viên LOTUSMILES](#)

IX QUẢN TRỊ RỦI RO

Rủi ro trên các lĩnh vực ảnh hưởng đến hoạt động hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của trong năm 2019 và kế hoạch 2020.

	NHẬN DIỆN RỦI RO	BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO
MÔI TRƯỜNG KINH DOANH	<ul style="list-style-type: none"> Một số rủi ro mang tính bất thường, khả năng xảy ra rất ít nhưng nếu xảy ra sẽ có tác động lớn và nghiêm trọng như động đất, lụt bão, chiến tranh, dịch bệnh hiểm nghèo. Biến động chi phí nguyên liệu máy bay sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Vietnam Airlines. Cụ thể, nếu giá nhiên liệu bay trung bình/năm thay đổi 1 USD sẽ khiến chi phí khai thác của Vietnam Airlines thay đổi khoảng 240 tỷ đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> Theo dõi sát các biến động để điều hành chính sách phù hợp, linh hoạt với thị trường. Quản trị doanh thu, kiểm soát chặt chẽ chi phí, bảo đảm các cân đối tiền tệ khi có biến động tỷ giá, lãi suất. Sử dụng động cơ tiết kiệm nhiên liệu Quan hệ hợp tác lâu dài, toàn diện với các tổ chức tài chính lớn để được hưởng lãi suất cạnh tranh khi huy động vốn.
PHÁP LÝ	<ul style="list-style-type: none"> Nghĩa vụ tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam, pháp luật các quốc gia nơi Vietnam Airlines có hoạt động SXKD và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Khả năng xảy ra các tranh chấp, tố tụng liên quan đến các lĩnh vực hoạt động SXKD của Vietnam Airlines. 	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cao năng lực quản trị rủi ro pháp lý, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bộ phận pháp chế trong doanh nghiệp. Chủ động rà soát, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Vietnam Airlines tuân thủ quy định pháp luật của Việt Nam, các nước sở tại và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nhà chức trách nước sở tại. Liên tục cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động SXKD của Vietnam Airlines. Sử dụng đơn vị tư vấn luật trong nước và quốc tế để hỗ trợ Vietnam Airlines trong việc tuân thủ pháp luật của Việt Nam, các nước sở tại và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Nâng cao nhận thức pháp luật của toàn bộ các cơ quan, đơn vị và người lao động của Vietnam Airlines
CẠNH TRANH	<ul style="list-style-type: none"> Cùng với sự phát triển của ngành hàng không và chính sách mở cửa nền kinh tế, Chính phủ các nước, trong đó có Việt Nam buộc phải giảm dần các biện pháp bảo hộ doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp Nhà nước. Các quy định về vốn FDI, các chính sách tạo điều kiện cho các hãng hàng không tư nhân và liên doanh với nước ngoài tăng mạnh. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh quyết liệt của các hãng hàng không giá rẻ (LCCs) đối với phân khúc khách hàng thu nhập thấp làm gia tăng rủi ro suy giảm thị phần của các hãng hàng không truyền thống, trong đó có Vietnam Airlines. Điều này sẽ khiến cạnh tranh ngày càng gia tăng trên cả thị trường trong nước và quốc tế. Tại thị trường ASEAN, chính sách mở cửa bầu trời tại ASEAN và các hợp tác liên doanh giữa các hãng hàng không giá rẻ trong khu vực với các hãng trong nước để khai thác thị trường nội địa Việt Nam làm tăng cạnh tranh trên thị trường Việt Nam. Tại thị trường châu Âu, bên cạnh việc cạnh tranh với các đối thủ cạnh tranh của ngõ truyền thống (Thai Airways, Singapore Airlines, Cathay Pacific), các hãng tại khu vực Trung Đông như Emirates, Qatar, Ethiad đang tiếp tục đẩy nhanh việc mở rộng khai thác đi/đến Việt Nam, chiếm thị phần ngày càng lớn trên phân thị khách đi lại giữa châu Âu và Việt Nam. Với ưu thế về tần suất cao, chất lượng dịch vụ tốt và giá bán hợp lý, các hãng này sẽ ngày càng tạo sức ép cạnh tranh lên Vietnam Airlines trên thị trường khu vực châu Âu. Thị trường nội địa có sự cạnh tranh gay gắt, được khai thác chủ yếu bởi các hãng hàng không là Tổng công ty (VNA & VASCO), Jetstar Pacific (JPA), Vietjet Air và Bamboo Airlines – hãng hàng không gia nhập thị trường từ tháng 1/2019. Vietjet Air được định vị là hãng hàng không giá rẻ, Bamboo Airlines dự kiến sẽ trở thành hãng hàng không lai ghép giữa mô hình hãng hàng không giá rẻ và hãng hàng không truyền thống. JPA là công ty con của Vietnam Airlines, hoạt động theo mô hình hãng hàng không chi phí thấp, khai thác trên các đường bay nội địa và quốc tế khu vực có cạnh tranh giá rẻ và phối hợp chặt chẽ với Vietnam Airlines về sản phẩm và hỗ trợ chia sẻ các nguồn lực khai thác. 	<ul style="list-style-type: none"> Thiết kế sản phẩm tạo ra bản sắc văn hóa trong dịch vụ, khác biệt rõ nét với các hãng cạnh tranh đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn, chất lượng 4 sao. Hoàn thiện quy trình, cải tiến bộ máy tổ chức và quản trị theo mô hình chuẩn của hãng hàng không truyền thống để nâng cao hiệu quả, tối ưu hóa chi phí. Thực hiện phối hợp sản phẩm giữa các hãng hàng không trong VNA Group (VNA, VASCO, JPA) và chiến lược thương hiệu kép Dual Brand giữa VNA - JPA. Mở rộng hiệu quả hợp tác mạng đường bay và marketing với nguyên tắc hiệu quả tối ưu toàn mạng của VNA Group. Tiếp tục thúc đẩy hợp tác đa phương, song phương với các hãng hàng không trong và ngoài SkyTeam.

	NHẬN DIỆN RỦI RO	BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO
ĐẶC THÙ	<ul style="list-style-type: none"> Hạ tầng kỹ thuật sân bay, kiểm soát không lưu còn nhiều hạn chế, không theo kịp tốc độ phát triển dân tới số lượng điểm đỗ tàu tại các sân bay nội địa hạn chế; Chính sách Nhà nước về việc tiếp cận với quyền khai thác giờ hạ/cất cánh tại các sân bay lớn, quốc tế. Trong khi đó, với tốc độ nghiên cứu và phát triển công nghệ diễn ra nhanh chóng, các sản phẩm, giải pháp công nghệ thay thế cho dịch vụ hàng không như video-conferencing, tàu siêu tốc đang tạo ra nhiều thách thức cạnh tranh cho các hãng hàng không. Khan hiếm nguồn lực cao cấp, đặc biệt là nguồn lực về phi công, kỹ sư kỹ thuật. Yêu cầu duy trì hiệu suất sử dụng máy bay ngày càng cao và khai thác có hiệu quả để đảm bảo doanh thu khai thác từ máy bay, được đáp ứng một phần thông qua việc giảm thời gian quay đầu máy bay tại sân bay. <p>Công ty cũng có thể phải chịu tổn thất tiềm năng đáng kể trong trường hợp xấu khi xảy ra tai nạn hoặc sự cố hàng không, dẫn tới thiệt hại về tài sản và hình ảnh của Công ty.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Tập trung nguồn lực cho đào tạo và phát triển lao động đặc thù. Nâng cao hiệu quả công tác điều hành và lập lịch bay hợp lý trong khai thác; duy trì hiệu suất sử dụng máy bay ngày càng cao và khai thác có hiệu quả để đảm bảo doanh thu khai thác từ máy bay, được đáp ứng một phần thông qua việc giảm thời gian quay đầu máy bay tại sân bay. Ký hợp đồng bảo hiểm giá nguyên liệu để phòng ngừa biến động giá, khai thác đội máy bay hiện đại tiết kiệm nhiên liệu. Giữ gìn một môi trường an toàn – an ninh tuyệt đối cho hành khách và toàn thể nhân viên là giá trị cốt lõi của Vietnam Airlines. Hoàn thiện hệ thống quản lý an toàn (SMS), tăng cường công tác giám sát, kiểm soát đảm bảo an toàn khai thác theo quy định. Thúc đẩy văn hóa an toàn một cách đồng bộ trong toàn hệ thống.
THÔNG TIN	<ul style="list-style-type: none"> Công bố thông tin ra bên ngoài không chính xác, không kịp thời và không đầy đủ. 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện đúng các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, đảm bảo tính chính xác, nhanh chóng và đầy đủ thông tin. Ban hành và thực hiện nghiêm túc quy chế phát ngôn nhằm kiểm soát chặt chẽ việc cung cấp thông tin ra bên ngoài; theo dõi thường các phương tiện thông tin đại chúng nhằm kịp thời phát hiện và đính chính thông tin sai lệch, không rõ ràng.
KIỂM TOÁN	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm toán không phát hiện được những yếu kém của Hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Các thủ tục kiểm toán không phát hiện được các sai phạm trọng yếu. Kiểm toán viên đưa ra ý kiến không xác đáng về đối tượng được kiểm toán. 	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo đội ngũ nhân sự làm công tác kiểm toán nội bộ đáp ứng tiêu chuẩn quy định, có trình độ và năng lực đáp ứng được yêu cầu công việc, chú trọng đạo đức nghề nghiệp của các kiểm toán viên, đảm bảo tính độc lập của kiểm toán viên cùng như bộ phận Kiểm toán nội bộ. Xây dựng và thực hiện quy trình kiểm toán nội bộ theo thông lệ và quy định kiểm toán hiện hành, trong đó có việc lập kế hoạch, xây dựng chương trình kiểm toán và kiểm soát chất lượng nhằm đảm bảo chất lượng cuộc kiểm toán. Tổng công ty lựa chọn công ty kiểm toán đủ năng lực và uy tín thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính. Giám sát chặt chẽ việc thực hiện hợp đồng kiểm toán, yêu cầu các cơ quan, đơn vị xác nhận ngày công làm việc của từng cấp bậc kiểm toán viên, nhận xét về hoạt động của các kiểm toán viên nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán. Hàng năm, thực hiện xem xét, đánh giá kết quả thực hiện kiểm toán trước khi triển khai thực hiện hợp đồng cho năm tiếp theo.



Vietnam Airlines

SÀI CẢNH VƯỜN CAO



BẠN CÓ BIẾT RUỘNG BẮC THANG MÙ CANG CHẢI 1 TRONG 20 ĐIỂM ĐẾN SẮC MÀU NHẤT THẾ GIỚI

**THẾ GIỚI ĐANG THAY ĐỔI.
CÒN BẠN?**

Đến để tận mắt chiêm ngưỡng Mùa Càng Chải rực rỡ, thơm mùi lúa mới - điểm đến trong mơ được nhiều tạp chí danh tiếng thế giới bình chọn.

#HànhTrìnhTựHào

ĐẶT VÉ NGAY > vietnamairlines.com

GỌI NGAY > 1900 1100

LIKE NGAY > [fb/vietnamairlines](https://www.facebook.com/vietnamairlines)

ĐĂNG KÝ NGAY > **Hội viên** LOTUSMILES

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Ngọc Minh	Chủ tịch
Ông Dương Trí Thành	Ủy viên
Ông Tạ Mạnh Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Minh	Ủy viên
Ông Koji Shibata	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Trí Thành	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 01 tháng 01 năm 2019)
Ông Trần Thanh Hiền	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến ngành hàng không toàn cầu trong đó có Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam - CTCP. Ban Giám đốc đã chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp quyết liệt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh; tận dụng tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác, nhà cung cấp để duy trì hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Tổng Công ty đã đề xuất và kiến nghị Chính phủ Việt Nam có các giải pháp giải cứu kịp thời để hỗ trợ Hãng hàng không Quốc gia vượt qua khủng hoảng. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ vượt qua khủng hoảng và đang chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng và tốt nhất cho giai đoạn phục hồi và phát triển.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Dương Trí Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2020



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 1035 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 10 tháng 4 năm 2020, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý tới Thuyết minh số 36 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất về các diễn biến của dịch COVID-19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính của Chính phủ Việt Nam và việc gia hạn thanh toán các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các nhà cung cấp. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 36, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng quan trọng đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 25 tháng 3 năm 2019 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 0042-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 4 năm 2020
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 0910-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.288.261.370.657	20.325.570.151.479
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.957.234.029.680	3.603.022.371.040
1. Tiền	111		1.743.434.829.680	3.077.622.371.040
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.213.799.200.000	525.400.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	3.579.235.209.000	2.875.357.791.157
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	100.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.579.235.209.000	2.875.257.791.157
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.904.079.165.877	9.170.868.542.954
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	4.367.024.583.298	4.579.150.246.096
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	457.602.795.156	3.409.637.674.248
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.180.958.660.288	1.276.836.546.487
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(101.506.872.865)	(94.755.923.877)
IV. Hàng tồn kho	140	10	3.569.653.534.166	3.685.639.354.126
1. Hàng tồn kho	141		3.688.732.610.890	3.919.659.998.700
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(119.079.076.724)	(234.020.644.574)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.278.059.431.934	990.682.092.202
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	743.854.695.521	671.058.789.859
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		510.995.500.198	299.313.004.401
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	23.209.236.215	20.310.297.942

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		57.166.604.665.872	62.064.686.595.665
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.172.895.865.060	2.017.197.126.541
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	1.412.487.563	1.412.487.563
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	91.465.907.540	-
3. Phải thu dài hạn khác	216	8	2.080.588.185.957	2.016.355.354.978
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(570.716.000)	(570.716.000)
II. Tài sản cố định	220		46.955.993.985.097	51.026.088.832.054
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	17.450.500.516.030	17.038.382.196.591
- Nguyên giá	222		38.013.304.459.826	30.844.747.192.333
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.562.803.943.796)	(13.806.364.995.742)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	29.268.066.140.087	33.824.473.134.764
- Nguyên giá	225		46.845.065.834.885	53.319.946.513.695
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(17.576.999.694.798)	(19.495.473.378.931)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	237.427.328.980	163.233.500.699
- Nguyên giá	228		739.542.851.877	650.588.352.630
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(502.115.522.897)	(487.354.851.931)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	410.078.481.191	243.234.466.291
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		410.078.481.191	243.234.466.291
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.094.597.391.071	2.135.344.488.697
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	17	1.522.830.896.860	1.559.728.668.935
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	568.166.494.211	565.615.819.762
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5	3.600.000.000	10.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.533.038.943.453	6.642.821.682.082
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	5.211.284.713.204	6.407.829.152.512
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		9.885.756.933	2.588.803.995
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		311.868.473.316	232.403.725.575
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		76.454.866.036.529	82.390.256.747.144

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MÃ SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		57.847.310.038.109	63.717.833.334.911
I. Nợ ngắn hạn	310		31.420.636.213.287	32.170.307.308.854
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	15.882.909.654.084	14.475.373.103.938
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		655.668.076.900	276.996.554.424
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	589.249.992.350	617.516.443.830
4. Phải trả người lao động	314		1.683.053.290.582	1.791.123.521.201
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	3.588.312.668.941	4.281.739.090.494
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	951.632.046.493	1.036.566.217.436
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	599.837.491.596	627.636.005.335
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	6.507.875.954.465	8.272.535.285.842
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		174.122.931	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	961.922.914.945	790.821.086.354
II. Nợ dài hạn	330		26.426.673.824.822	31.547.526.026.057
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	19	-	341.827.940.563
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.684.867.905	2.874.851.636
3. Phải trả dài hạn khác	337	21	870.742.716.345	807.598.496.480
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	25.426.549.239.895	30.193.295.541.927
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		126.697.000.677	201.929.195.451
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		18.607.555.998.420	18.672.423.412.233
I. Vốn chủ sở hữu	410		18.607.555.998.420	18.672.423.412.233
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	25	14.182.908.470.000	14.182.908.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	25	1.220.852.256.541	1.220.852.256.541
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	25	241.355.237.827	241.355.237.827
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	25	(1.153.004.222.954)	(1.153.004.222.954)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	25	239.246.750.951	240.638.053.339
6. Quỹ đầu tư phát triển	418	25	801.378.380.887	21.447.164.147
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	25	2.024.298.861	2.024.298.861
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	25	2.612.482.961.570	3.365.259.327.410
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		271.717.145.576	1.040.944.409.576
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.340.765.815.994	2.324.314.917.834
9. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		460.311.864.737	550.942.827.062
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		76.454.866.036.529	82.390.256.747.144



Nguyễn Thúy Mai
Người lập biểu



Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng



Dương Trí Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MÃ SỐ B 02-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
				(Phân loại lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	99.099.610.861.632	97.589.706.275.299
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	871.527.158.319	779.064.557.487
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	28	98.228.083.703.313	96.810.641.717.812
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		87.259.507.651.369	84.754.418.723.943
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		10.968.576.051.944	12.056.222.993.869
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	1.139.599.385.417	1.159.737.514.511
7. Chi phí tài chính	22	31	2.344.875.558.447	3.674.967.890.617
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.454.778.846.398	1.561.363.900.664
8. Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(34.235.810.035)	(16.074.582.644)
9. Chi phí bán hàng	25	33	4.616.584.090.808	4.771.157.893.967
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	2.662.244.049.221	2.398.253.572.153
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		2.450.235.928.850	2.355.506.568.999
12. Thu nhập khác	31	32	982.553.353.325	995.349.933.797
13. Chi phí khác	32		43.892.875.951	38.951.674.056
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		938.660.477.374	956.398.259.741
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.388.896.406.224	3.311.904.828.740
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		933.964.491.926	695.812.381.497
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(82.529.147.708)	17.583.288.959
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.537.461.062.006	2.598.509.158.284
18.1 Cổ đông của Tổng Công ty	61		2.345.801.820.003	2.335.040.234.598
18.2 Cổ đông không kiểm soát	62		191.659.242.003	263.468.923.686
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	1.654	1.747

Nguyễn Thủy Mai
Người lập biểu

Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng

Dương Trí Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Phân loại lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.388.896.406.224	3.311.904.828.740
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.142.695.395.692	5.020.071.590.237
Các khoản dự phòng	03	(108.016.495.931)	(30.868.907.829)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	30.033.060.589	639.412.591.390
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(662.227.285.176)	(482.774.387.973)
Chi phí lãi vay	06	1.454.778.846.398	1.561.363.900.664
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.246.159.927.796	10.019.109.615.229
Thay đổi các khoản phải thu	09	1.189.542.215.928	2.589.441.241.621
Thay đổi hàng tồn kho	10	(99.493.347.931)	(432.995.816.938)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	565.025.138.031	815.825.388.383
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.123.748.533.646	(1.331.041.849.086)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.473.336.222.289)	(1.569.220.704.363)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(999.205.807.806)	(532.962.497.924)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(733.640.156.733)	(633.519.666.023)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.818.800.280.642	8.924.635.710.899
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.267.347.844.441)	(1.018.933.606.028)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	130.528.234.634	3.176.358.649
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.959.720.715.849)	(3.825.491.791.157)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.263.613.298.006	1.349.533.086.391
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	549.135.235.605	416.626.185.761
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.283.791.792.045)	(3.075.089.766.384)

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	44.337.285.000	838.941.760.763
2. Tiền thu từ đi vay	33	25.023.024.908.115	22.311.199.440.141
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(27.125.682.744.188)	(26.869.284.769.448)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(4.402.853.298.719)	(4.759.692.322.605)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.720.877.610.430)	(1.304.481.207.405)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.182.051.460.222)	(9.783.317.098.554)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(647.042.971.625)	(3.933.771.154.039)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.603.022.371.040	7.540.619.875.447
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.254.630.265	(3.826.350.368)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	2.957.234.029.680	3.603.022.371.040

Nguyễn Thúy Mai
Người lập biểu

Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng

Dương Trí Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2020

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCPC
Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MÃ SỐ B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 259/2006/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc ("các đơn vị phụ thuộc").

Căn cứ vào Quyết định số 952/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2010 về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu từ ngày 01 tháng 7 năm 2010, Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp Nhà nước, được chuyển đổi thành Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 ngày 01 tháng 4 năm 2015, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên được chuyển đổi thành Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - Công ty Cổ phần. Tổng Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi mới nhất lần 6 ngày 26 tháng 02 năm 2019.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 21.166 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 21.335 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Vận chuyển hàng không đối với hành khách;
- Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp quản lý vốn sản xuất kinh doanh; đầu tư ra nước ngoài; mua, bán doanh nghiệp; góp vốn mua cổ phần và chuyển nhượng vốn góp, bán cổ phần;
- Vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm, thư;
- Hoạt động hàng không chung (bay chụp ảnh địa hình, khảo sát địa chất, bay hiệu chuẩn các đài hướng dẫn đường hàng không, sửa chữa bảo dưỡng đường điện cao thế, phục vụ dầu khí, trồng rừng, kiểm tra môi trường, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu y tế, bay phục vụ cho mục đích chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng);
- Cung ứng dịch vụ thương mại, du lịch, khách sạn, bán hàng miễn thuế tại nhà ga hàng không và các tỉnh, thành phố; các dịch vụ hàng không khác;
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); bảo dưỡng tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không và các thiết bị kỹ thuật khác;
- Sản xuất linh kiện, phụ tùng, vật tư tàu bay, trang thiết bị kỹ thuật và các nội dung khác thuộc lĩnh vực công nghiệp hàng không;
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật và vật tư phụ tùng cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa; đầu tư và khai thác hạ tầng kỹ thuật tại các sân bay; nhà ga hành khách, hàng hóa, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ đồng bộ trong dây chuyền vận tải hàng không;
- Vận tải đa phương thức;
- Xuất nhập khẩu tàu bay; động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không (thuê, cho thuê, thuê mua và mua, bán) và những mặt hàng khác theo quy định của Nhà nước;
- Sản xuất, xuất, nhập khẩu các trang thiết bị phục vụ dây chuyền vận tải hàng không;
- Sản xuất, chế biến, xuất, nhập khẩu thực phẩm để phục vụ trên tàu bay;
- Xuất, nhập khẩu xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác;
- Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác tại các cảng hàng không sân bay;
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các nhà sản xuất tàu bay, động cơ, thiết bị, phụ tùng tàu bay, các công ty vận tải, du lịch trong nước và nước ngoài;
- In ấn (trừ các loại hình Nhà nước cấm);

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

- Xây dựng, tư vấn xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình);
- Cung ứng lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài); xuất, nhập khẩu lao động;
- Khoa học, công nghệ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử; và
- Đào tạo; Tài chính, ngân hàng; Cho thuê tài chính (doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Tổng Công ty và các công ty con chỉ kinh doanh khi đạt điều kiện theo quy định của pháp luật.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty đang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con. Cấu trúc Tổng Công ty bao gồm các đơn vị trực thuộc (bao gồm các chi nhánh trong và ngoài nước), các công ty con và công ty liên kết.

Các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Tạp chí Heritage
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Đoàn bay 919
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Đoàn tiếp viên
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Khai thác Nội Bài
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Khai thác Tân Sơn Nhất
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm huấn luyện bay
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Bông Sen Vàng
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Công ty bay dịch vụ hàng không (VASCO)
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP khu vực miền Bắc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP khu vực miền Nam
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP khu vực miền Trung
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Thái Lan
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Singapore
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Malaysia
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Lào
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Campuchia
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Nhật Bản
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Hàn Quốc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Hồng Kong
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Đài Loan
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Liên Bang Nga
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Úc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Đức
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Pháp và Tây Âu
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Canada
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Trung Quốc
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Mỹ
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Vương Quốc Anh
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Myanmar
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tại Indonesia

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tại ngày đầu năm và cuối năm		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	
%					
Công ty con					
1	Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines	Việt Nam	68,85	68,85	Kinh doanh vận tải hàng không
2	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	Việt Nam	100,00	100,00	Sửa chữa, bảo dưỡng máy bay
3	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	Việt Nam	100,00	100,00	Kinh doanh nhiên liệu hàng không
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài	Việt Nam	55,13	55,13	Dịch vụ phục vụ hàng hoá các chuyến bay
5	Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	Việt Nam	60,17	60,17	Cung cấp suất ăn trên máy bay
6	Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Việt Nam	100,00	100,00	Cung cấp suất ăn cho các chuyến bay
7	Công ty Cổ phần Đào tạo Bay Việt	Việt Nam	51,52	51,52	Đào tạo phi công
8	Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Việt Nam	52,73	52,73	Cung cấp dịch vụ tin học và viễn thông
9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Tân Sơn Nhất	Việt Nam	55,00	55,00	Dịch vụ phục vụ hàng hoá các chuyến bay
10	Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Tân Sơn Nhất	Việt Nam	51,00	51,00	Vận chuyển, giao nhận hàng hoá, cho thuê kho bãi
11	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ phục vụ vận tải hàng không
12	Công ty TNHH Giao nhận Hàng hoá (VINAKO)	Việt Nam	65,05	65,05	Dịch vụ giao nhận hàng hoá, vận tải mặt đất, kho bãi
13	Công ty Cổ phần Cung ứng Xuất nhập khẩu Lao động Hàng không	Việt Nam	51,00	51,00	Xuất, nhập khẩu lao động
14	Công ty Cổ phần Sabre Việt Nam	Việt Nam	51,69	51,69	Dịch vụ đặt giữ chỗ tự động
15	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ mặt đất
Công ty liên kết					
1	Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	Campuchia	49,00	49,00	Kinh doanh vận tải hàng không
2	Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	Việt Nam	32,48	32,48	Cho thuê máy bay
3	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	Việt Nam	41,31	41,31	Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Việt Nam	36,11	36,11	Dịch vụ phục vụ hàng không
5	Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	Việt Nam	30,41	30,41	Sản xuất sản phẩm nhựa

**TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Như đã trình bày ở tại Thuyết minh số 37, một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP được lập theo Quy định chế độ báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP được ban hành theo Quyết định số 1913/QĐ-TCTHK-TCKT ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty. Quyết định này được xây dựng dựa trên Quyết định số 2581/TCTHK-TCKT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Tổng Công ty đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 17011/BTC-CDKT ngày 14 tháng 12 năm 2011. Chế độ báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP có một số khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("VAS") số 07 "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết" và VAS 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và các khoản đầu tư vào công ty con" ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 và hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Tổng Công ty thực hiện loại trừ theo nguyên tắc số nhỏ hơn đối với số dư các khoản công nợ phải thu và phải trả, cho vay và đi vay, các nghiệp vụ doanh thu và chi phí giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau trong trường hợp số liệu đối chiếu, xác nhận giữa Công ty mẹ với các công ty con hoặc giữa các công ty con không bằng nhau. Riêng trường hợp phát sinh giao dịch Công ty mẹ cung cấp dịch vụ vận chuyển cho công ty con thì khi điều chỉnh sẽ lấy theo số liệu báo cáo của công ty con; và
- Hàng tồn kho mua bán nội bộ được giả định là số tồn kho của năm trước đã được tiêu thụ hết trong năm nay.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc vật tư, phụ tùng nhập kho được xác định dựa trên giá mua trên hóa đơn của nhà cung cấp cộng với toàn bộ chi phí liên quan để nhập vật tư, phụ tùng (như thuế nhập khẩu, phí ủy thác, chi phí vận chuyển).

Giá gốc hàng tồn kho đối với các loại vật tư, phụ tùng máy bay để sử dụng được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Giá trị vật tư, phụ tùng xuất kho sử dụng được đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc:

- Đối với vật tư, phụ tùng tiêu hao, xuất dùng một lần, không sửa chữa được, giá xuất kho bằng 100% giá trị của vật tư, phụ tùng và được phản ánh toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.
- Đối với phụ tùng vật tư quay vòng có nguyên giá đơn vị từ 1.500 USD đến 50.000 USD khi xuất kho đưa vào sử dụng được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm kể từ khi xuất dùng lần đầu.
- Đối với phụ tùng vật tư quay vòng có nguyên giá đơn vị từ 50.000 USD trở lên khi xuất kho đưa vào sử dụng được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm kể từ khi xuất dùng lần đầu.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Trong trường hợp tài sản cố định hữu hình là máy bay, phần hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay được ghi nhận theo nguyên tắc sau:

- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là dịch vụ không được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay mà giảm trừ giá vốn hàng bán khi thực nhận;
- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là phụ tùng vật tư hoặc thiết bị không chắc chắn sẽ nhận được thì không được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay mà giảm trừ giá vốn hàng bán khi thực nhận;
- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là thiết bị chắc chắn sẽ nhận được và có danh mục cụ thể khi bàn giao thì được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy bay	16 - 20
Động cơ máy bay	10
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Phương tiện vận tải mặt đất	7 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản cùng với chi phí thanh lý và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tổng Công ty là bên đi thuê

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian hữu dụng ước tính tương tự như với tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính dùng trong quản lý, như phần mềm quản lý giá vận chuyển hành khách/hàng hóa, phần mềm phục vụ hàng hóa, phần mềm kế toán. Tổng Công ty không thực hiện phân bổ quyền sử dụng đất được cấp không có thời hạn. Quyền sử dụng đất được cấp có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Các tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 03 năm đến 07 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh chi phí sửa chữa lớn động cơ máy bay; phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu hợp đồng huy động vốn mua máy bay; giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và vật tư, phụ tùng máy bay quay vòng. Cụ thể:

- Chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay đã phát sinh được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh tính từ thời điểm đại tu, sửa chữa hoàn thành. Đối với động cơ máy bay thuê, chi phí chờ phân bổ là giá trị sửa chữa sau khi đã trừ phần thu hồi quỹ đại tu từ bên cho thuê máy bay. Chi phí sửa chữa lớn đối với thân máy bay, động cơ chính, động cơ phụ và càng máy bay cho mỗi lần có giá trị tương đương từ 300.000 USD trở lên sẽ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm. Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trong năm nếu giá trị nhỏ hơn 300.000 USD.
- Chi phí sửa chữa lớn động cơ máy bay quy định trong hợp đồng bảo dưỡng động cơ theo giờ được trích trước và ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên số giờ bay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

**TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

- Phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu hợp đồng huy động vốn mua máy bay theo hình thức thuê tài chính và các chi phí khác liên quan đến hợp đồng huy động vốn được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian huy động vốn.
- Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và vật tư, phụ tùng máy bay quay vòng, bao gồm:
 - Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng phản ánh giá trị các tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, có thời gian sử dụng trên 01 năm, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 02 năm.
 - Vật tư, phụ tùng quay vòng thực hiện phân bổ đều hàng năm (chi tiết xem Thuyết minh về “Hàng tồn kho”).

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản dự tính các khoản chi phí phải trả liên quan đến các chi phí đã phát sinh nhưng đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2019 chưa nhận được hóa đơn của nhà cung cấp.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nghĩa vụ hoàn trả máy bay

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động máy bay ký giữa Tổng Công ty/các công ty con và các bên cho thuê, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ khôi phục lại điều kiện và khả năng hoạt động của máy bay như khi được bàn giao (ngoại trừ các hao mòn tự nhiên) khi hoàn trả lại máy bay cho bên cho thuê tại cuối thời hạn thuê. Theo Công văn số 11876/BTC-CDKT ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài chính, Tổng Công ty có thể ghi nhận chi phí trả máy bay thuê hoạt động khi thực tế phát sinh hoặc lập dự phòng hoàn trả máy bay trong thời gian thuê. Tổng Công ty và các công ty con hiện đang áp dụng chính sách ghi nhận chi phí hoàn trả máy bay thuê hoạt động khi thực tế phát sinh.

Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

Vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty bao gồm vốn góp từ cổ phiếu phổ thông, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hàng năm.

Các quỹ được hình thành từ phân phối lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Lợi nhuận sau thuế được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Doanh thu vận chuyển hàng không

Các khoản thu bán chứng từ vận chuyển (bao gồm vé và các chứng từ vận chuyển khác) được ghi nhận là khoản phải trả người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị khoản phải trả người bán này được kết chuyển vào doanh thu phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ vận chuyển được thực hiện. Các khoản thu bán chứng từ vận chuyển (bao gồm vé thông thường, MCO, hành lý và YQ) đã hết hạn theo các điều kiện của chứng từ vận chuyển nhưng khách hàng không sử dụng được kết chuyển vào doanh thu phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Doanh thu chuyên cơ, thuê chuyển được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như khả năng thu hồi các khoản phải thu không được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ

Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ được hoàn thành trong thời gian ngắn được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ hoàn thành. Doanh thu không được ghi nhận nếu như khả năng thu hồi các khoản phải thu không được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu chưa thực hiện từ chương trình khách hàng thường xuyên

Tổng Công ty thực hiện chương trình Bông Sen Vàng cho các khách hàng thường xuyên, theo đó khách hàng sẽ được tích lũy dặm thưởng khi sử dụng dịch vụ, tham gia chương trình khuyến mãi của Tổng Công ty hay một số đối tác hàng không và phi hàng không cụ thể của chương trình Bông Sen Vàng của Tổng Công ty. Phần doanh thu tương ứng với số dặm tồn còn giá trị sử dụng tại thời điểm kết thúc năm tài chính mà khách hàng dự kiến lấy thưởng được xác định theo giá trị hợp lý và ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là doanh thu trong năm nếu khách hàng đổi thưởng hoặc dặm thưởng tích lũy hết hạn. Trong năm, Tổng Công ty đã thay đổi ước tính xác định dặm tồn mà khách hàng dự kiến lấy thưởng. Theo đó, tỷ lệ khách hàng dự kiến lấy thưởng được xác định theo tỷ lệ lấy thưởng bình quân 3 năm có số liệu thống kê gần nhất. Tổng Công ty đánh giá việc thay đổi ước tính kế toán trong năm dựa trên các thông tin tin cậy hơn. Nếu áp dụng theo tỷ lệ ước tính xác định như năm 2018, doanh thu chưa thực hiện trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ tăng 275.914.732.390 VND và doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày sẽ giảm tương ứng.

Doanh thu và thu nhập khác

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thu nhập từ chuyển nhượng quyền mua máy bay và thuê lại máy bay theo hình thức thuê hoạt động được ghi nhận là khoản thu nhập khác trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Việc hạch toán nghiệp vụ này sẽ tùy thuộc vào hướng dẫn chi tiết và phê duyệt từ Bộ Tài chính. Ngày 10 tháng 02 năm 2020, Tổng Công ty đã trình Bộ Tài chính công văn xin hướng dẫn cách thức hạch toán và ghi nhận đối với các nghiệp vụ kinh tế này. Theo công văn trả lời ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Bộ Tài chính, kế toán chuyển nhượng quyền mua máy bay và thuê lại máy bay chưa có quy định cụ thể tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, do đó, qui định hạch toán kế toán cụ thể về vấn đề này sẽ được nghiên cứu, xem xét và hướng dẫn trong thời gian tới.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tổng Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Tiền mặt	18.596.701.675	17.937.035.532
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.593.024.231.877	2.914.915.515.114
Tiền đang chuyển	131.813.896.128	144.769.820.394
Các khoản tương đương tiền	1.213.799.200.000	525.400.000.000
	<u>2.957.234.029.680</u>	<u>3.603.022.371.040</u>

**TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Chứng khoán kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh	VND	VND	VND	VND
	-	-	100.000.000	-
	Giá gốc	Giá gốc	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND	VND	VND
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.582.835.209.000	3.582.835.209.000	2.885.257.791.157	2.885.257.791.157
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	3.579.235.209.000	3.579.235.209.000	2.875.257.791.157	2.875.257.791.157
Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	3.600.000.000	3.600.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày, đáo hạn ngắn hạn phản ánh khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán và không phải là tương đương tiền với lãi suất từ 5,0% - 8,45%/năm.				
(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày, đáo hạn dài hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán tại ngân hàng thương mại với lãi suất 8,3%/năm.				
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	568.166.494.211	568.166.494.211	565.615.819.762	565.615.819.762
- Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	6.161.138.309	-	6.161.138.309	-
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Du lịch và Vận tải biển Phương Nam	185.050.002.264	-	185.050.002.264	-
- Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	65.049.600.000	-	65.049.600.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	119.686.420.000	-	119.686.420.000	-
- Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu dựng Hàng không miền Nam	52.000.000.000	-	52.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	17.000.000.000	-	17.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Nhà ga quốc tế Cam Ranh	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-
- Khác	3.219.333.638	-	668.659.189	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN****6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Chi tiết phải thu của khách hàng		
Phải thu của các đại lý bán sản phẩm vận chuyển hành khách	1.902.767.665.664	2.072.099.104.668
Phải thu từ các hãng hàng không khác	1.061.437.372.716	1.106.905.258.637
Phải thu cước vận chuyển hàng hóa	389.426.397.146	402.147.798.003
Phải thu khách hàng khác	1.014.805.635.335	999.410.572.351
	4.368.437.070.861	4.580.562.733.659
b. Phải thu khách hàng phân loại theo năm hạn thanh toán		
Ngắn hạn	4.367.024.583.298	4.579.150.246.096
Dài hạn	1.412.487.563	1.412.487.563
	4.368.437.070.861	4.580.562.733.659

Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 35) **112.944.701.104** **41.886.630.831**

Khoản phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả theo thời hạn đã thỏa thuận.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> (Phân loại lại) VND
a. Ngắn hạn		
Trả trước tiền thuê máy bay	70.474.546.680	73.346.548.655
Trả trước tiền mua máy bay	-	2.830.861.941.943
Trả trước khác	387.128.248.476	505.429.183.650
	457.602.795.156	3.409.637.674.248
b. Dài hạn		
Trả trước xây dựng cơ bản	91.465.907.540	-
	91.465.907.540	-

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Ngắn hạn		
Trả trước chi phí sửa chữa lớn chờ cản trở với quỹ đại tu (i)	2.170.822.818.081	589.631.180.584
Đặt cọc thuê máy bay và động cơ máy bay ngắn hạn (ii)	345.467.061.023	314.832.160.093
Phải thu lãi tiền gửi	134.951.320.693	103.253.045.367
Phải thu về cổ tức được chia	2.428.837.595	1.491.948.728
Tạm ứng	13.054.936.480	15.796.974.903
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	17.795.567.431	15.696.503.281
Phải thu khác	496.438.118.985	236.134.733.531
	3.180.958.660.288	1.276.836.546.487
b. Dài hạn		
Đặt cọc thuê máy bay và động cơ máy bay dài hạn (ii)	1.922.082.556.396	1.835.931.222.039
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ dài hạn khác	154.705.784.248	173.452.737.540
Phải thu dài hạn khác	3.799.845.313	6.971.395.399
	2.080.588.185.957	2.016.355.354.978

Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 35) **567.437.962.499** **383.449.877.584**

- (i) Trả trước tiền sửa chữa lớn chờ cản trở với Quỹ đại tu phản ánh các khoản chi phí sửa chữa phát sinh thực tế mà Tổng Công ty ước tính có thể thu được từ đối tác cho thuê máy bay. Khi thanh quyết toán chi phí sửa chữa, phần không thu lại được từ đối tác cho thuê sẽ được Tổng Công ty hạch toán vào chi phí trong năm.
- (ii) Là khoản tiền Tổng Công ty đặt cọc để thuê máy bay và động cơ máy bay mà sẽ được hoàn trả khi hết thời hạn thuê.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

9. NỢ XẤU

	Giá gốc		Dự phòng		Số cuối năm Giá trị có thể thu hồi		Số đầu năm Giá trị có thể thu hồi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương	38.537.918.851	38.537.918.851	-	38.537.918.851	-	38.537.918.851	-	38.537.918.851
Global Horizon Canada	13.470.000.000	13.470.000.000	-	13.470.000.000	-	13.470.000.000	-	13.470.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	8.609.168.851	8.609.168.851	-	8.609.168.851	-	8.609.168.851	-	8.609.168.851
Air Fast Ticket Group	5.364.841.869	5.364.841.869	-	5.364.841.869	-	5.329.934.603	-	5.329.934.603
Các đối tượng khác	56.562.904.147	36.095.659.294	20.467.244.853	46.432.760.007	29.379.617.572	17.053.142.435	17.053.142.435	17.053.142.435
Tổng cộng	122.544.833.718	102.077.588.865	20.467.244.853	112.379.782.312	29.379.617.572	95.326.639.877	17.053.142.435	17.053.142.435
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi - dài hạn		570.716.000		570.716.000		570.716.000		570.716.000
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn		101.506.872.865		101.506.872.865		94.755.923.877		94.755.923.877

Tổng Công ty xác định giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	292.501.315.186	-	355.704.351.960	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.228.753.668.373	(119.079.076.724)	1.253.186.467.578	(234.020.644.574)
Công cụ và dụng cụ	78.679.540.620	-	69.959.903.466	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	53.636.422.978	-	91.045.141.108	-
Hàng hóa (*)	2.008.932.091.643	-	2.130.909.649.569	-
Hàng hóa kho bảo thuế	24.359.981.756	-	16.064.811.631	-
Hàng gửi đi bán	1.869.590.334	-	2.789.673.388	-
	3.688.732.610.890	(119.079.076.724)	3.919.659.998.700	(234.020.644.574)

(*) Hàng hóa tồn kho chủ yếu là xăng dầu Jet A1 tại Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (Công ty con của Tổng Công ty).

Trong năm, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chủ yếu là vật tư, phụ tùng dòng máy bay A330 không còn khai thác và hóa chất hết hạn sử dụng) với số tiền là 53.187.444.447 VND (năm 2018: 4.579.682.412 VND) do giá trị thuần có thể thực hiện được của các hàng tồn kho này thấp hơn giá gốc tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 168.129.012.297 VND (năm 2018: 7.245.073.438 VND) do toàn bộ nguyên liệu, vật liệu được trích lập dự phòng (vật tư phụ tùng đội tàu bay B777, F70 và nguyên vật liệu khác) đã bán được.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Phân loại lại) VND
a. Ngắn hạn		
- Chi phí thuê máy bay, động cơ máy bay và các tài sản cố định khác	642.864.432.218	575.893.533.365
- Hoa hồng thu bán chứng từ vận chuyển	34.875.729.092	55.780.608.886
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	66.114.534.211	39.384.647.608
	743.854.695.521	671.058.789.859
b. Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa lớn động cơ, thân máy bay	3.145.537.153.505	3.994.546.269.035
- Phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu vay mua máy bay	1.324.814.224.815	1.558.439.842.926
- Chi phí phụ tùng máy bay, công cụ dụng cụ	528.479.465.337	616.866.349.764
- Chi phí trả trước dài hạn khác	212.453.869.547	237.976.690.787
	5.211.284.713.204	6.407.829.152.512

MẪU SỐ B 09-DN/HN

**TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy bay, động cơ máy bay	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải mặt đất	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư đầu năm	22.306.212.737.708	2.447.095.814.113	3.589.549.160.062	1.430.203.616.881	775.702.141.407	295.983.722.162	30.844.747.192.333
Tăng trong năm	6.792.520.335.885	70.197.497.028	483.558.072.283	265.176.867.035	84.046.408.458	32.104.005.107	7.727.603.185.796
Mua trong năm	313.266.857.075	12.996.660.625	475.321.147.877	205.861.090.663	81.028.119.847	29.863.490.496	1.118.337.366.583
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	41.270.730.257	-	-	-	2.240.514.611	43.511.244.868
Tăng từ TSCĐ thuê tài chính	6.479.253.478.810	-	-	-	450.000.000	-	6.479.703.478.810
Điều chỉnh nguyên giá	-	11.082.525.718	760.755.405	1.390.839	450.193.409	-	12.294.865.371
Phân loại lại	-	-	7.476.169.001	59.314.385.533	954.375.874	-	67.744.930.408
Tăng khác	-	4.847.580.428	-	-	1.163.719.328	-	6.011.299.756
Giảm trong năm	(272.640.895.841)	(26.984.530.623)	(143.452.986.375)	(35.822.478.338)	(72.645.771.959)	(7.499.255.167)	(559.045.918.303)
Thanh lý, nhượng bán	(272.640.895.841)	(26.984.530.623)	(82.614.209.323)	(27.391.933.463)	(72.645.771.959)	(7.499.255.167)	(489.776.596.376)
Giảm khác	-	-	(1.524.391.519)	-	-	-	(1.524.391.519)
Phân loại lại	-	-	(59.314.385.533)	(8.430.544.875)	-	-	(67.744.930.408)
Số dư cuối năm	28.826.092.177.752	2.490.308.780.518	3.929.654.245.970	1.659.558.005.578	787.102.777.906	320.588.472.102	38.013.304.459.826
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu năm	8.661.968.074.012	1.067.385.320.484	2.379.176.138.728	964.689.371.857	555.651.668.540	177.494.422.121	13.806.364.995.742
Tăng trong năm	6.354.533.900.351	120.007.634.843	298.562.443.453	142.558.520.467	87.184.672.499	19.662.087.420	7.022.509.259.033
Khấu hao trong năm	1.379.978.452.633	119.838.358.229	297.805.438.356	134.340.227.941	86.734.672.499	19.662.087.420	2.038.359.236.778
Tăng từ TSCĐ thuê tài chính	4.974.555.447.718	-	-	-	450.000.000	-	4.974.555.447.718
Phân loại lại	-	169.276.614	757.005.097	8.218.292.826	-	-	9.144.574.537
Giảm trong năm	(41.985.981.791)	(25.548.905.761)	(90.865.202.892)	(28.148.781.714)	(72.022.206.058)	(7.499.232.763)	(266.070.310.979)
Thanh lý, nhượng bán	(41.985.981.791)	(25.548.905.761)	(82.600.438.506)	(27.391.933.463)	(71.899.244.164)	(7.499.232.763)	(256.925.736.448)
Phân loại lại	-	-	(8.264.764.386)	(756.848.251)	(122.961.894)	-	(9.144.574.531)
Số dư cuối năm	14.974.515.992.572	1.161.844.049.566	2.586.873.379.289	1.079.099.110.610	570.814.134.981	189.657.276.778	20.562.803.943.796
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày đầu năm	13.644.244.663.696	1.379.710.493.629	1.210.373.021.334	465.514.245.024	220.050.472.867	118.489.300.041	17.038.382.196.591
Tại ngày cuối năm	13.851.576.185.180	1.328.464.730.952	1.342.780.866.681	580.458.894.968	216.288.642.925	130.931.195.324	17.450.500.516.030

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng với giá trị là 3.188.331.691.914 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2.915.472.905.924 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại 10.045.528.921.160 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 10.749.614.408.150 VND) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy bay và động cơ máy bay	Máy móc, thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	53.319.496.513.695	450.000.000	53.319.946.513.695
Tăng do điều chỉnh nguyên giá	4.822.800.000	-	4.822.800.000
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(6.479.253.478.810)	(450.000.000)	(6.479.703.478.810)
Số dư cuối năm	46.845.065.834.885	-	46.845.065.834.885
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	19.495.023.378.931	450.000.000	19.495.473.378.931
Khấu hao trong năm	3.056.531.763.585	-	3.056.531.763.585
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(4.974.555.447.718)	(450.000.000)	(4.975.005.447.718)
Số dư cuối năm	17.576.999.694.798	-	17.576.999.694.798
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	33.824.473.134.764	-	33.824.473.134.764
Tại ngày cuối năm	29.268.066.140.087	-	29.268.066.140.087

Tổng Công ty đang thuê tài chính 29 máy bay bao gồm các loại máy bay A321, B787 và ATR-72. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tổng Công ty có quyền lựa chọn mua lại những máy bay này theo các điều kiện của hợp đồng thuê tài chính.

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	101.563.537.206	522.617.946.657	26.406.868.767	650.588.352.630
Mua trong năm	-	121.785.405.428	212.818.182	121.998.223.610
Giảm do thanh lý, giảm khác	(28.987.608.000)	(3.503.478.976)	(552.637.387)	(33.043.724.363)
Số dư cuối năm	72.575.929.206	640.899.873.109	26.067.049.562	739.542.851.877
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	31.958.810.944	454.189.172.220	1.206.868.767	487.354.851.931
Khấu hao trong năm	165.728.333	47.632.079.202	6.587.794	47.804.395.329
Phần loại lại	804.563.839	(804.563.839)	-	-
Giảm do thanh lý, giảm khác	(28.987.608.000)	(3.503.478.976)	(552.637.387)	(33.043.724.363)
Số dư cuối năm	3.941.495.116	497.513.208.607	660.819.174	502.115.522.897
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	69.604.726.262	68.428.774.437	25.200.000.000	163.233.500.699
Tại ngày cuối năm	68.634.434.090	143.386.664.502	25.406.230.388	237.427.328.980

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng với giá trị là 404.700.721.837 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 430.992.510.271 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại 25.200.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 25.200.000.000 VND) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Trung tâm Đào tạo tại 200 Nguyễn Sơn giai đoạn 2	234.079.127.524	85.664.170.075
Dự án đầu tư Sharklet cho 10 tàu bay A321 CEO sở hữu	45.794.649.256	-
Dự án xây dựng hỗ trợ dịch vụ mặt đất tại Sân bay Tân Sơn Nhất - Giai đoạn 2	17.837.109.000	17.837.109.000
Trạm cấp phát nhiên liệu sân bay Phú Quốc	31.337.129.813	15.120.894.219
Dự án đầu tư trang thiết bị mặt đất giai đoạn 2016 - 2018	-	87.314.015.450
Các dự án khác	81.030.465.598	37.298.277.547
	410.078.481.191	243.234.466.291

**TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải trả	VND	VND	VND	VND	Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	9.307.995.749	115.399.436.143	1.450.883.639.917	1.459.315.174.962	3.977.800.430	101.637.705.779		
Thuế xuất nhập khẩu	10.002.801.601	-	377.594.777.438	386.171.156.824	18.619.180.987	-		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	653.007.319	254.864.230.692	934.777.134.936	999.205.807.806	225.730.740	190.008.281.243		
Thuế thu nhập cá nhân	99.244.219	75.018.352.549	1.057.627.927.830	1.044.690.258.761	183.330.290	88.040.107.689		
Thuế tài nguyên	197.373.760	-	3.072.000	-	194.301.760	-		
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	34.729.094	-	308.171.245.778	307.704.815.563	8.892.008	440.593.129		
Thuế bảo vệ môi trường	-	167.299.677.000	2.420.665.698.000	2.388.551.973.000	-	199.413.402.000		
Thuế nhà thầu	-	4.858.101.882	115.657.277.097	111.166.559.543	-	9.348.819.436		
Các loại thuế, lệ phí khác	15.146.200	76.645.564	10.781.218.220	10.481.634.510	-	361.083.074		
	20.310.297.942	617.516.443.830	6.676.121.991.216	6.707.287.380.969	23.209.236.215	589.249.992.350		

Theo Biên bản thanh tra thuế ngày 28 tháng 4 năm 2011 do Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành, Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines ("JPA"), một công ty con của Tổng Công ty, phải thanh toán cho Ngân sách Nhà nước số tiền nợ thuế tăng thêm cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2004 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 là 303 tỷ VND, trong đó nợ thuế và tiền phạt thuế lần lượt là 186 tỷ VND và 117 tỷ VND.

Căn cứ vào Điều 6.1.c của Hợp đồng Đầu tư và Chuyển nhượng Cổ phần ngày 26 tháng 4 năm 2007 giữa Qantas Airways Limited, Qantas Asia Investment Company (Singapore) Pte., Ltd, và Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước ("SCIC"), SCIC đồng ý hoàn trả lại cho JPA bất kỳ khoản nợ phải trả nào chưa được ghi nhận bao gồm nợ thuế tích dồn hoặc đã được JPA báo cáo ngày 31 tháng 7 năm 2007.

Từ tháng 8 năm 2012 đến tháng 02 năm 2013, JPA đã thanh toán một phần khoản nợ thuế này là 63,5 tỷ VND, đây là khoản tiền nợ thuế liên quan tới giai đoạn sau khi Qantas Asia Investment Company (Singapore) Pte., Ltd, đầu tư vào JPA (sau ngày 31 tháng 7 năm 2007).

Theo Công văn số 3106/TCT-QLN do Tổng cục Thuế ban hành ngày 29 tháng 8 năm 2012, JPA được phép hoãn thanh toán khoản phạt thuế cho đến khi có các hướng dẫn khác. Ngày 04 tháng 02 năm 2013, Bộ Tài chính gửi Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh Công văn số 1894/BTC-TCT. Theo đó, Bộ Tài chính đề nghị Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh tạm dừng việc cưỡng chế đối với khoản nợ thuế 127,8 tỷ VND trước ngày 31 tháng 7 năm 2007 của JPA cho đến khi có hướng dẫn mới.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản nợ thuế và phạt thuế còn lại lần lượt là 127,8 tỷ VND và 117 tỷ VND chưa được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN****17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

Địa chỉ	Cuối năm		Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	
	VND	VND	VND	VND	
Hãng hàng không Cambodia Angkor Air	Campuchia	868.495.011.091	559.505.115.793	868.495.011.091	634.035.976.080
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	Việt Nam	439.335.275.853	920.153.284.312	439.335.275.853	883.362.106.269
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Việt Nam	86.652.841.772	20.664.970.866	86.652.841.772	20.493.180.634
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	Việt Nam	22.812.300.000	17.253.525.889	22.812.300.000	16.583.405.952
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	Việt Nam	6.166.335.863	5.254.000.000	6.166.335.863	5.254.000.000
		1.423.461.764.579	1.522.830.896.860	1.423.461.764.579	1.559.728.668.935

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Giá trị	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Số VND	Số có khả năng trả nợ	Số VND	Số có khả năng trả nợ
Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hành khách, hành lý, MCO (i)	9.431.731.507.587	9.431.731.507.587	8.638.816.242.765	8.638.816.242.765	
Phải trả người bán và phải trả Interlines	4.563.014.782.414	4.563.014.782.414	4.441.208.362.838	4.441.208.362.838	
Phải trả thu bán thuế trên giá vé (ii)	1.863.938.949.984	1.863.938.949.984	1.366.636.376.136	1.366.636.376.136	
Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hàng hóa	3.225.889.044	3.225.889.044	7.418.577.661	7.418.577.661	
Phải trả thu bán khác	20.998.525.055	20.998.525.055	21.293.544.538	21.293.544.538	
	15.882.909.654.084	15.882.909.654.084	14.475.373.103.938	14.475.373.103.938	

(i) Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hành khách, hành lý, MCO phản ánh giá trị khách hàng đã mua dịch vụ nhưng chưa sử dụng tính đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

(ii) Phải trả thu bán thuế trên giá vé phản ánh giá trị các khoản Tổng Công ty và các công ty con phải trả cơ quan thuế hoặc nhà quản lý sân bay, bao gồm các loại thuế phát sinh khi bán vé cho hành khách và các loại thuế sẽ phát sinh nghĩa vụ phải trả khi thực hiện dịch vụ vận chuyển.

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí phục vụ chuyển bay	900.572.457.101	960.012.497.148
Chi phí nhiên liệu	291.457.980.337	323.959.239.960
Chi phí thuế, sửa chữa máy bay	1.143.175.531.461	1.466.413.600.756
Chi phí lãi vay	164.381.320.701	184.058.815.268
Các khoản trích trước khác	1.088.725.379.341	1.347.294.937.362
	3.588.312.668.941	4.281.739.090.494
b. Dài hạn		
Chi phí thuế, sửa chữa máy bay	-	341.827.940.563
	-	341.827.940.563

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chương trình khách hàng thường xuyên	924.731.964.237	1.012.228.635.046
Khác	26.900.082.256	24.337.582.390
	951.632.046.493	1.036.566.217.436

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	3.274.242.257	2.686.043.598
Nhận quỹ đại tu	45.604.479.713	188.443.048.121
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	122.158.055.642	46.722.064.756
Các khoản phải trả, phải nộp khác	428.800.713.984	389.784.848.860
	599.837.491.596	627.636.005.335
b. Dài hạn		
Nhận trước khoản hỗ trợ tín dụng được cấp theo hợp đồng vật liệu và sửa chữa động cơ máy bay	306.861.245.824	306.861.245.824
Nhận quỹ đại tu và đặt cọc tiền thuê máy bay	360.796.162.738	306.610.693.421
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	203.085.307.783	194.126.557.235
	870.742.716.345	807.598.496.480
Trong đó phải trả khác cho các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 35) (i)	361.320.227.808	306.610.693.421

(i) Khoản phải trả khác cho các bên liên quan chủ yếu thể hiện tiền đặt cọc thuê máy bay của các công ty này mà Tổng Công ty phải hoàn trả khi hết thời hạn thuê.

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	
	VND	VND	VND	VND	
Vay ngắn hạn	2.562.152.220.622	16.586.801.251.421	17.874.766.609.710	1.274.186.862.333	
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 23)	1.307.624.897.037	1.394.333.696.564	1.340.958.786.210	1.360.999.807.391	
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 23)	4.402.758.168.183	3.882.709.258.321	4.412.778.141.763	3.872.689.284.741	
	8.272.535.285.842	21.863.844.206.306	23.628.503.537.683	6.507.875.954.465	

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày đầu và cuối năm như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số gốc/Số có khả năng trả nợ	VND	Số gốc/Số có khả năng trả nợ	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		769.381.042.186		567.936.528.980
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam		113.719.365.913		646.436.855.945
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		344.976.998.387		209.205.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		10.119.072.356		307.247.594.905
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam		-		365.609.685.661
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á		35.990.383.491		-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng		-		3.500.000.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC		-		66.844.789.690
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội		-		1.755.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam		-		395.370.010.441
		1.274.186.862.333		2.562.152.220.622

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng không được đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN****23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
	VND	VND
Vay dài hạn	9.130.920.986.764	9.953.019.304.169
Nợ thuê tài chính dài hạn	21.529.317.345.263	25.950.659.302.978
	30.660.238.332.027	35.903.678.607.147
Trong đó:		
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	5.233.689.092.132	5.710.383.065.220
- Số phải trả sau 12 tháng	25.426.549.239.895	30.193.295.541.927

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Tổng Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số gốc/Số có khả năng trả nợ	Số gốc/Số có khả năng trả nợ
	VND	VND
Vay dài hạn (i)		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	4.864.442.568.431	5.244.227.170.365
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	310.881.745.895	306.587.975.969
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	65.561.798.630	84.302.248.290
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	838.154.864.000	940.394.500.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.628.996.638.516	2.224.669.569.258
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	210.811.706.446	246.141.984.347
Ngân hàng TMCP Quân đội	546.841.981.202	526.568.947.737
Ngân hàng TNHH Indovina	286.881.672.000	318.964.536.000
Ngân hàng Credit Agricole	8.246.388.360	43.931.105.853
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	592.630.084	1.806.518.350
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	2.801.640.000	4.329.840.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	40.578.484.096	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	6.327.168.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	3.689.820.000	4.767.740.000
Ngân hàng liên doanh Việt - Nga	322.439.049.104	-
	9.130.920.986.764	9.953.019.304.169
Các khoản thuê nợ tài chính (ii)		
Ngân hàng Citibank	7.402.288.556.747	8.993.171.834.817
Ngân hàng Credit Agricole	586.769.286.651	1.398.936.742.115
Ngân hàng JP Morgan Chase	1.605.382.167.474	1.914.424.971.611
Ngân hàng HSBC	1.407.613.976.763	1.789.872.533.509
Tập đoàn ING	8.702.625.857.628	9.825.128.220.926
Ngân hàng DVB	-	2.029.125.000.000
Ngân hàng MUFG	1.824.637.500.000	-
	21.529.317.345.263	25.950.659.302.978

(i) Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.360.999.807.391	1.307.624.897.037
Trong năm thứ hai	1.349.704.142.510	1.221.896.455.268
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.829.010.322.547	3.661.772.253.643
Sau năm năm	2.591.206.714.316	3.761.725.698.221
	9.130.920.986.764	9.953.019.304.169
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	1.360.999.807.391	1.307.624.897.037
Số phải trả sau 12 tháng	7.769.921.179.373	8.645.394.407.132

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

- (ii) Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không hủy ngang trên như sau:

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
	VND	VND	VND
Trong vòng 1 năm	4.592.368.923.908	719.679.639.167	3.872.689.284.741
Trong năm thứ 2	4.122.064.300.511	582.815.109.280	3.539.249.191.231
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	3.876.366.733.529	459.999.595.360	3.416.367.138.169
Sau 5 năm	11.574.958.091.518	873.946.360.396	10.701.011.731.122
	24.165.758.049.466	2.636.440.704.203	21.529.317.345.263

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2019

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
	VND	VND	VND
Trong vòng 1 năm	5.274.099.493.940	871.341.325.757	4.402.758.168.183
Trong năm thứ 2	4.041.971.837.953	509.891.496.929	3.532.080.341.024
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	12.103.771.752.683	1.597.016.981.950	10.506.754.770.733
Sau 5 năm	8.040.873.984.835	531.807.961.797	7.509.066.023.038
	29.460.717.069.411	3.510.057.766.433	25.950.659.302.978

24. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	790.821.086.354	506.577.400.993
Trích quỹ trong năm	904.552.894.324	892.935.824.045
Tặng khác trong năm	189.091.000	-
Sử dụng quỹ trong năm	(733.640.156.733)	(608.692.138.684)
Số dư cuối năm	961.922.914.945	790.821.086.354

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	12.275.337.780.000	1.220.852.256.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	209.681.632.811	21.447.164.147	1.066.628.929.237	2.024.298.861	2.907.620.288.230	16.793.943.364.700	16.793.943.364.700
Phát hành cổ phiếu	1.907.570.690.000	-	-	-	-	-	(1.066.628.929.237)	-	-	838.941.760.763	838.941.760.763
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	2.335.040.234.598	2.335.040.234.598	2.335.040.234.598
Phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(892.935.824.045)	(892.935.824.045)	(892.935.824.045)
Chia lợi nhuận, cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(982.027.022.400)	(982.027.022.400)	(982.027.022.400)
Chiếm lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	30.956.420.528	-	-	-	-	30.956.420.528	30.956.420.528
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.438.348.973)	(2.438.348.973)	(2.438.348.973)
Số dư cuối năm trước	14.182.908.470.000	1.220.852.256.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	240.638.053.339	21.447.164.147	-	2.024.298.861	3.365.259.327.410	18.121.480.585.171	18.121.480.585.171
Số dư đầu năm nay	14.182.908.470.000	1.220.852.256.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	240.638.053.339	21.447.164.147	-	2.024.298.861	3.365.259.327.410	18.121.480.585.171	18.121.480.585.171
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	2.345.801.820.003	2.345.801.820.003	2.345.801.820.003
Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	-	-	-	779.931.216.740	-	-	(779.931.216.740)	-	-
Phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(893.527.357.146)	(893.527.357.146)	(893.527.357.146)
Chiếm lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	(1.391.302.388)	-	-	-	-	(1.391.302.388)	(1.391.302.388)
Chia lợi nhuận, cổ tức (i)	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.418.290.847.000)	(1.418.290.847.000)	(1.418.290.847.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(6.828.764.957)	(6.828.764.957)	(6.828.764.957)
Số dư cuối năm nay	14.182.908.470.000	1.220.852.256.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	239.246.750.951	801.378.380.887	-	2.024.298.861	2.612.482.961.570	18.147.244.133.683	18.147.244.133.683

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 10 tháng 5 năm 2019, Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau: trích lập 27% lợi nhuận sau thuế vào Quỹ đầu tư phát triển; chi trả cổ tức theo tỷ lệ 10% mệnh giá tương đương 1.000 VND/cổ phiếu (2018: 800 VND/cổ phiếu); trích lập bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Số cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.418.290.847	1.418.290.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.418.290.847</i>	<i>1.418.290.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.418.290.847	1.418.290.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.418.290.847</i>	<i>1.418.290.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần (sửa đổi lần 6 ngày 26 tháng 02 năm 2019), tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 14.182.908.470.000 VND. Vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Số lượng	Tỷ lệ	Số vốn góp tại
	cổ phần	(%)	đầu và cuối năm
			VND
Cổ đông Nhà nước	1.222.368.291	86,19	12.223.682.910.000
Tập đoàn Hàng không Nhật Bản ANA Holding Incorporation (ANA)	124.438.698	8,77	1.244.386.980.000
Các cổ đông khác	71.483.858	5,04	714.838.580.000
Cộng	1.418.290.847	100	14.182.908.470.000

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	13.297.590.837.338	10.400.432.821.951
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	51.818.333.465.112	37.569.599.863.599
Sau năm năm	51.450.548.665.716	34.217.399.774.631
	116.566.472.968.166	82.187.432.460.181

Tài sản thuê hoạt động là máy bay tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm:

- Máy bay A321 - 16 chiếc thuê khô;
- Máy bay A321 NEO - 19 chiếc thuê khô;
- Máy bay A320 - 18 chiếc thuê khô;
- Máy bay ATR72 - 01 chiếc thuê khô;
- Máy bay B787-9 - 04 chiếc thuê khô;
- Máy bay A350 - 14 chiếc thuê khô;
- Máy bay B787-10 - 03 chiếc thuê khô.

Tài sản thuê hoạt động là động cơ có các khoản thanh toán tiền thuê phụ thuộc vào vòng đời và giờ bay tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm:

- Động cơ máy bay thuê dài hạn - 12 chiếc gồm 4 động cơ máy bay A321, 3 động cơ máy bay A350, 2 động cơ máy bay B787 và 3 động cơ máy bay A320; và
- Động cơ máy bay thuê ngắn hạn - 9 chiếc gồm 7 động cơ máy bay A321 và 2 động cơ máy bay A350.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN****Ngoại tệ các loại:**

	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ	USD	38.322.085	35.932.001
Bạt Thái Lan	THB	14.657.626	12.915.090
Nhân dân tệ Trung Quốc	CNY	14.054.951	15.450.619
Đô la Singapore	SGD	1.171.077	810.171
Đô la Úc	AUD	486.403	1.011.631
Euro	EUR	4.067.599	5.552.577
Đô la Hồng Kông	HKD	6.065.785	2.152.073
Won Hàn Quốc	KRW	2.766.303.378	4.180.387.599
Yên Nhật	JPY	341.358.642	314.445.451
Đô la Đài Loan	TWD	2.492.407	4.680.796
Bảng Anh	GBP	768.879	1.105.495
Đô la Canada	CAD	90.770	132.913
Rúp Nga	RUB	22.733.507	12.636.904
Kíp Lào	LAK	1.045.000	22.195.443
Ringit Malaysia	MYR	779.920	860.754
Rupiah Indonesia	IDR	3.442.547.626	3.579.994.380

Nợ khó đòi đã xử lý:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	92.632.703.319	92.718.727.933

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty là vận chuyển hàng không đối với hành khách, các ngành nghề kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong hoạt động của Tổng Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính nói trên.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là vận chuyển hàng không đối với hành khách. Hoạt động này diễn ra tại Việt Nam và các nước trên thế giới. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty không có bất kỳ doanh thu tại các nước khác ngoài Việt Nam chiếm tỷ trọng trên 10%, theo đó Tổng Công ty không lập báo cáo tài chính hợp nhất bộ phận theo khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Vận tải hàng không	78.888.715.646.096	78.571.632.390.118
- Hoạt động phụ trợ vận tải	5.187.776.879.412	4.440.987.332.791
- Bán hàng	14.022.492.094.514	13.606.424.748.553
- Khác	1.000.626.241.610	970.661.803.837
	99.099.610.861.632	97.589.706.275.299
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Chiết khấu thương mại	(871.206.283.191)	(778.718.819.837)
- Hàng bán trả lại	(320.875.128)	(345.737.650)
	(871.527.158.319)	(779.064.557.487)
Doanh thu thuần	98.228.083.703.313	96.810.641.717.812

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.879.599.653.761	27.356.787.652.449
Chi phí nhân công	9.632.068.517.681	9.656.544.291.069
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.142.695.395.692	5.020.071.590.237
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.393.363.348.887	36.861.397.501.022
Trong đó:		
- Chi phí sửa chữa lớn động cơ máy bay	5.106.782.884.906	4.093.657.353.815
- Chi phí sửa chữa thường xuyên động cơ máy bay	3.688.590.384.215	3.530.948.173.623
- Chi phí thuê máy bay	14.491.394.380.147	13.060.326.480.734
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	17.106.595.699.619	16.176.465.492.850
Chi phí khác bằng tiền	1.515.814.737.545	1.340.476.922.491
	82.563.541.653.566	80.235.277.957.268

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	404.857.615.115	352.468.321.744
Cổ tức lợi nhuận được chia	173.819.400.060	144.420.699.550
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	554.395.309.836	657.295.144.637
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.527.060.406	5.553.348.580
	1.139.599.385.417	1.159.737.514.511

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí lãi vay	1.454.778.846.398	1.561.363.900.664
Chi phí liên quan đến hợp đồng vay dài hạn, vay thuê tài chính	264.247.288.438	289.078.491.257
Lỗ chênh lệch tỷ giá	621.174.464.555	1.477.739.688.037
Chi phí tài chính khác	4.674.959.056	346.785.810.659
	2.344.875.558.447	3.674.967.890.617

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN****32. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	117.801.635.661	2.588.502.759
Tiền phạt thu được	316.492.664.418	125.223.982.209
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền mua máy bay, bán và thuê lại động cơ máy bay	164.864.147.455	577.444.939.919
Các khoản khác	383.394.905.791	290.092.508.910
	<u>982.553.353.325</u>	<u>995.349.933.797</u>

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	1.199.893.441.576	1.364.182.954.633
Chi phí thuế	386.611.562.996	110.102.948.472
Khác	1.075.739.044.649	923.967.669.048
	<u>2.662.244.049.221</u>	<u>2.398.253.572.153</u>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	708.244.571.526	743.372.429.177
Chi phí hoa hồng	347.763.330.630	520.514.296.696
Chi phí đặt vé giữ chỗ	1.682.502.175.720	1.601.323.712.531
Khác	1.878.074.012.932	1.905.947.455.563
	<u>4.616.584.090.808</u>	<u>4.771.157.893.967</u>

34. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.345.801.820.003	2.335.040.234.598
Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.345.801.820.003	2.335.040.234.598
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.418.290.847	1.336.235.447
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.654</u>	<u>1.747</u>

(*) Tổng Công ty và các công ty con chưa ban hành quyết định về số lợi nhuận thuần được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	Công ty liên kết
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	Công ty liên kết

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	101.321.018.380	101.623.683.750
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	94.237.440.000	94.237.440.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	4.238.575.000	5.779.743.750
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	2.142.000.000	1.606.500.000
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	703.003.380	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	428.472.423.417	382.968.761.534
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	428.472.423.417	382.968.761.534

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	112.944.701.104	41.886.630.831
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	112.944.701.104	41.886.630.831
Phải thu ngắn hạn khác	567.437.962.499	383.449.877.584
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	383.119.174.801	383.449.877.584
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	184.318.787.698	-
Phải trả ngắn hạn khác	361.320.227.808	306.610.693.421
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	361.320.227.808	306.610.693.421

Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Thu nhập Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	13.045.567.988	15.462.000.000
Tiền lương và thưởng	13.045.567.988	15.462.000.000

36. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

(i) Sự lây lan của dịch bệnh do chủng virus Corona mới gây ra ("COVID-19") đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng chịu ảnh hưởng tiêu cực từ diễn biến khó dự đoán của đại dịch COVID-19 ở Việt Nam. Các giải pháp hiệu quả và chủ động của Chính phủ Việt Nam ("Chính phủ") đã được triển khai và kiểm soát nhằm đảm bảo phù hợp với các yêu cầu của Tổ chức Y tế Thế giới trong việc kiểm soát dịch bệnh này, bao gồm nhưng không giới hạn việc hạn chế đi lại cũng như áp dụng cách ly toàn xã hội.

Do vậy, sự kiện trên đã tác động trực tiếp đến doanh thu lợi của Công ty đến từ lĩnh vực vận tải hàng không. Ban Giám đốc đã đánh giá ảnh hưởng tiềm tàng của COVID-19 đối với tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh, kèm theo các kế hoạch thích hợp trong ngắn hạn và dài hạn để kiểm soát sự không chắc chắn. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ tài chính từ Chính phủ và việc gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các nhà cung cấp. Công ty đã gửi công văn kêu gọi Chính phủ đưa ra những hỗ trợ cần thiết, bao gồm:

- Cấp các khoản vay trong gói hỗ trợ tín dụng của Chính phủ cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi COVID-19;
- Giảm thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước; và
- Hỗ trợ trong vấn đề thương thảo với các bên cho vay/chủ nợ và các tổ chức khác nhằm gia hạn các khoản vay và giãn nghĩa vụ thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Khoản hỗ trợ tài chính đang trong quá trình xem xét và phụ thuộc vào quyết định phê duyệt của Chính phủ. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc đang chủ động xem xét lại chiến lược kinh doanh, làm việc với các đối tác, các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng nhằm ứng phó với tình hình tài chính hiện tại.

(ii) Trong năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã chấp nhận phương án tái cơ cấu khoản đầu tư vào Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty đang thực hiện triển khai việc thoái vốn khoản đầu tư trên.

(iii) Tính đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đã ký các hợp đồng bán 5 máy bay A321 với tổng giá trị thanh lý khoảng 37.009.000 USD. Tổng Công ty đang thực hiện bàn giao các máy bay này và dự kiến hoàn thành trước tháng 6 năm 2020.

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm báo cáo tài chính hợp nhất năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
	VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.302.861.187.443	(893.223.513.195)	3.409.637.674.248
Phải thu ngắn hạn khác	856.942.145.437	419.894.401.050	1.276.836.546.487
Chi phí trả trước ngắn hạn	197.729.677.714	473.329.112.145	671.058.789.859
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.606.023.300.522	(207.769.728.369)	2.398.253.572.153
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	84.546.648.995.574	207.769.728.369	84.754.418.723.943
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất			
Thay đổi các khoản phải thu	2.116.112.129.476	473.329.112.145	2.589.441.241.621
Thay đổi chi phí trả trước	(857.712.736.941)	(473.329.112.145)	(1.331.041.849.086)



Nguyễn Thúy Mai
Người lập biểu



Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng



Dương Trí Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2020

PHỤ LỤC VÀ CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG

Trụ sở chính

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM – CTCP (VIETNAM AIRLINES)

Địa chỉ: 200 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam

- **Trung tâm chăm sóc khách hàng tại Việt Nam (hoạt động 24/7):**
 - Gọi trong lãnh thổ Việt Nam: 1900 1100
 - Gọi từ nước ngoài về Việt Nam: (+84.24) 3832 0320
 - Email: telesales@vietnamairlines.com
- **Trung tâm chăm sóc Hội viên Bông Sen Vàng (hoạt động 24/7):**
 - Gọi trong lãnh thổ Việt Nam: 1900 1800
 - Gọi từ nước ngoài về Việt Nam: (+84.24) 3832 0320
 - Email: lotusmiles@vietnamairlines.com

Các chi nhánh Vietnam Airlines trong nước

KHU VỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ: 25 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

ĐT: (+84.24) 6270 0200 | Fax: (+84.24) 3934 9636

E-mail: vpkvmb@vietnamairlines.com

KHU VỰC MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 27 Điện Biên Phủ, Đà Nẵng.

ĐT: (+84.236) 382 1130 / 826 465 | Fax: (+84.236) 383 2759

E-mail: reservation.mro@vietnamairlines.com

KHU VỰC MIỀN NAM

Địa chỉ: 49 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM

ĐT: (+84-28) 3844 6667 | Fax: (+84-28) 3848 5312

Email: telesales.sro@vietnamairlines.com

CÔNG TY BAY DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG (VASCO)

Địa chỉ: Số B114, đường Bạch Đằng, Phường 2,

Quận Tân Bình, TP. HCM

TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN BAY

Địa chỉ: Số 117 đường Hồng Hà, Phường 2,

Quận Tân Bình, TP. HCM

Các công ty thành viên

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÁY BAY (VAECO)

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, Sóc Sơn, Hà Nội

ĐT: (+84.24) 3884-9657 | Fax: (+84.24) 3886-5532

Web: vaeco.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV NHIÊN LIỆU HÀNG KHÔNG VIỆT NAM (SKYPEC)

Địa chỉ: 202 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội

ĐT: (+84.24) 3827 2316 | Fax: (+84.24) 3827 2317

Email: skypec@skypec.com.vn | Web: www.skypec.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ MẶT ĐẤT SÂN BAY VIỆT NAM (VIAGS)

Địa chỉ: Số 49 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam.

ĐT: (+84.28) 3547 22 88 | Fax: (+84.28) 3547 11 88

Email: vanthu.viags@vietnamairlines.com

Web: www.viags.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM (VACS)

Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Quận Tân Bình, TP.HCM

ĐT: (+84.28) 3844 8367 | Fax: (+84.28) 3844 6719

E-mail: vncxcater@vnn.vn

Web: www.vnaircaterers.com

CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VÀ VIỄN THÔNG HÀNG KHÔNG (AITS)

Địa chỉ: 414 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, TP. Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI (NASCO)

Sân bay Nội Bài, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

ĐT: (+84.24) 3886 5457 / 3884 0085 Fax: (+84.24) 3886 5555

E-mail: nasco-khkd@fpt.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG (AIRIMEX)

414 Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên, Hà Nội

ĐT: (+84.28) 3877 0265 / 3877 0266 Fax: (+84.28) 3827

1925 / 3772 3439

E-mail: arimex@fpt.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG JETSTAR PACIFIC (JPA)

Địa chỉ: 112 Hồng Hà, P.2, Q. Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam.

Tel: (+84.28) 3845 0092 | Fax: (+84.28) 3845 0085

Web: www.jetstar.com

HÀNG HÀNG KHÔNG CAMBODIA ANGKOR AIR

Địa chỉ: #206 Preah Norodon Blvd - Phnom Penh - Cambodia

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO BAY VIỆT (VFT)

Địa chỉ: 117V Hồng Hà, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM

ĐT: (+84.28) 3547 0916 | Fax: (+84.28) 3547 0920.

Hotline: (+84) 90 532 5860

Email: vft@bayviet.com.vn | Web: www.bayviet.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG XUẤT NHẬP KHẨU LAO ĐỘNG HÀNG KHÔNG (ALSIMEXCO)

Địa chỉ: Số 1 Ngõ 200/10 Nguyễn Sơn - Bồ Đề - Long Biên Hà Nội

ĐT: (+84.24) 3827 1993 / 3873 2383 Fax: (+84.24) 3873 0624

E-mail: business@alsimexco.vn | Web: alsimexco.vn

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ GIAO NHẬN HÀNG HÓA TÂN SƠN NHẤT (TECS)

Địa chỉ: 06 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam

ĐT: (+84.28) 3811 0633 / 3811 0678

Fax: (+84.28) 3811 5522 | Email: contactus@tecs.com.vn

Các công ty thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN CHO THUÊ MÁY BAY VIỆT NAM (VALC)

Địa chỉ: Tầng 14, Tháp A Vincom, Số 191 Bà Triệu,
Hà Nội, Việt Nam.
ĐT: (+84.24) 35 77 22 25 | Fax: (+84.24) 35 77 22 70
Email: info@valc.com.vn | Web: www.valc.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Q. Hải Châu,
TP. Đà Nẵng, Việt Nam
ĐT: (+84 511) 383 0340 | Fax: (+84 511) 382 6133
Email: masco@masco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI (NCS)

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, Hà Nội
ĐT: (+84.24) 3886 5577 | Fax: (+84.24) 3884 0199
E-mail: nbcatering@hn.vnn.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN SABRE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Đệ nhất, số 53 Quang Trung,
Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
ĐT: (+84.24) 39431975 | Fax: (+84.24) 39431972
Email: hannmc@sabretn.com.vn
Website: www.sabretn.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA TÂN SƠN NHẤT (TCS)

Địa chỉ: Sân bay Tân Sơn Nhất, Quận Tân Bình, TP.HCM
ĐT: (+84.28) 3848 6489 | Fax: (+84.28) 3842 7944

CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN HÀNG HÓA (VINAKO)

Địa chỉ: 4 Trường Sơn, phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM
ĐT: (+84.28) 3844 6252 / 3848 5353 | Fax: (+84.28) 3848 5353
E-mail: vinako.fwd@hcm.vnn.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI (NCTS)

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.
ĐT: (+84.28) 3 5840905 | Fax: (+84.28) 3 5840906
E-mail: operation@noibaicargo.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CAO CẤP HÀNG KHÔNG

Địa chỉ: Sân bay Gia Lâm, Đường Nguyễn Sơn,
Quận Long Biên, Hà Nội

Các chi nhánh Vietnam Airlines nước ngoài

ANH

London: 11-13 Lower Grosvenor Place,
SW1W 0EX, London, UK

CAMPUCHIA

Phnompenh: No 41, 214 Samdech
Pan Str., Phnompenh, Kingdom of
Cambodia.

Siem Reap: No 342, Road 6 Khum
Svay Dangkum Srok
Siem Reap, Kingdom of Cambodia

CANADA

Vancouver : 1166 Alberni Street,
Suite 1006 Vancouver, BC V6E3Z3,
Canada

ĐÀI LOAN

Đài Loan: 5F, 59 Sung Chiang Road,
Taiwan

Cao Hùng: 3F-6, No.56, Min-sheng 1St,
Rd, Kaoshiung City, Taiwan

ĐỨC

Frankfurt: Rossmarkt 5, D-60311
Frankfurt am Main, Germany

HÀN QUỐC

Seoul: Soon Hwa Bldg., 9th Floor, 89
Seosomun-ro, Jung-Gu, Seoul, Korea

Pusan: #704, Korean Teacher's Mutual
Fund Bldg. 192 Chungangdaero,
Dong-Gu, Pusan, Korea

HONGKONG

Suite 1004, 10th Floor,
Tower One Lippo Center,
No 89 Queensway, Hongkong

LÀO

Vientiane: 63 Samsenthai Road,
Lao Plaza Hotel 1st Floor – Vientiane

Luang Prabang: Luang Prabang
Airport, Lao P.D.R

LIÊN BANG NGÀ

Moscow: Bld. 1, 3rd Frunzenskaya,
Moscow, 119270, Russia

MALAYSIA

Kuala Lumpur: Suite 05, Level 5
Menara Hap Seng, Jalan P.Ramlee,
50250
Kuala Lumpur, Malaysia

MỸ

U.S Branch
1388 Sutter Street, Suite 500,
San Francisco, CA 94109

MYANMAR

Yangon: #1702, Sakura Tower 339,
Bogyoke Aung San Road,
Kyauktada Township, Yangon, Myanmar

NHẬT BẢN

Tokyo: Daido Seimei Kasumigaseki
Bldg., 6F 1-4-2 Kasumigaseki, Chiyoda-
ku, Tokyo 100-0013, Japan

Osaka: Midousuji Diamond Bldg., 6F 2-1-
3 Nishi Shinsaibashi, Chuo-ku, Osaka
-shi, Osaka 542-0086, Japan

Fukuoka: City 15 Bldg., 1-8-36
Hakataekiminami,
Hakata-ku, Fukuoka 812-0016, Japan

Nagoya: Ohashi BLDG. 10F 3-25-3
Meieki, Nakamura-ku,
Nagoya 450-0002-Japan

PHÁP

Paris: 51-53, avenue des Champs-
Elysées, 75008 Paris, France

SINGAPORE

Singapore: 260 Orchard Rd, #08-
08 The Heeren Singapore 229921,
Singapore

THÁI LAN

Bangkok: 10th Floor, Wave Place
Buiding, 55 Wireless Rd. Lumpinee
Patumwan Bangkok 10330, Thailand

ÚC

Sydney: Level 25, St. Martins Tower,
Suite 25.03, 31 Market Street,
Sydney, NSW 2000, Australia.

Melbourne: 350 Collins Street,
Melbourne, Victoria 3000, Australia

TRUNG QUỐC

Bắc Kinh: Unit 1703A, Tower F, Phoenix
Place, 5A Shuguang Xili, Chaoyang
District, Beijing 100028, China.

Thượng Hải: Phòng 1605, Tòa nhà
Imago số 99 phố Wu Ning,

Thành phố Thượng Hải, Trung Quốc

Quảng Châu: Room 954-955,
Garden Hotel Tower, 368 Huanshi Dong
Lu, Guangzhou, 510064

Thành Đô: 1919#Western Tower,
19th South Renmin Road Sec4,
Chengdu,

INDONESIA

Jakarta: Wisma Tamara Lt.8 # 868,
Jl. Jend. Surdiman Kav. 24,
Jakarta 12920 Indonesia

BẠN CÓ BIẾT

BÚN BÒ
NEM LỤI
BÚN CHẢ
BÚN SEN
ĐÃ ĐƯỢC PHỤC VỤ
TRÊN CÁC CHUYẾN BAY

THẾ GIỚI ĐANG THAY ĐỔI.
CÒN BẠN?

Cùng Vietnam Airlines thưởng thức ẩm thực độc đáo trong các chuyến bay VIỆT thêm với phong cách lịch lễ. Đặc biệt khi đang ở sự kiện lên đến 10.000 suất.



#HànhTrìnhĐẳngCấp

 Vietnam Airlines
SÀI GÒN - CẢNH VƯỜN CAO



TRUYỀN THÔNG: vietnamairlines.com

CUỘC SỐNG: 1900 1160

LIKE NGAY: fb/vietnamairlines

THÀNH VIÊN NGAY: Hội viên | 3ETL5UNES

